

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

ĐẠI ĐẠO HỌC ĐƯỜNG

大道學堂

Tài liệu huấn luyện chức sắc
phẩm Giáo Hữu khóa Mậu Tuất (1958)

Biên soạn
Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu
Bảo Thế Lê Thiện Phước

HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN

Đây là một tài liệu quý mà các vị Tiên bối đã dày công biên soạn lưu truyền cho hậu thế, chúng tôi đã sưu tầm được, xin kính biểu để công hiến cho quý đồng đạo có nhu cầu tìm hiểu về chân truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thay lời cho nhóm sưu tập
DÃ TRUNG TỬ
Cẩn bút

PHẦN GIÁO LÝ

1. Đạo là gì? Giải nghĩa chữ Đạo.
2. Tu là gì?
3. Tâm là gì?
4. Phương pháp tu thân.
5. Tịnh Tam nghiệp.
6. Đức tánh của người tu.
7. Khái quát về Đạo Cao Đài.
8. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là gì?
9. Thánh danh Cao Đài.
10. Tại sao Thượng Đế không phân tánh giáng trần lập Đạo.
11. Bằng chứng ĐĐTKPD do Đức Thượng Đế lập ra.
12. Tại sao thờ Thượng Đế bằng Thánh tượng Thiên Nhân.
13. Tại sao chỉ thờ một Thiên Nhân thôi?
14. Hội Thánh: Cửu Trùng, Hiệp Thiên và Bát Quái Đài.
15. Tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
16. Chủ nghĩa của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
17. Tại sao chúng ta thương cả nhơn loại?
18. Cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
19. Đại ân xá.
20. Cúng tứ thời có ích cho chúng ta những điều gì?
21. 12 điều tín ngưỡng căn bản của Đại Đạo.
22. Cơ khảo thí.
23. Khái quát về Tứ Giáo: Khổng giáo, Phật Giáo, Đạo giáo, Thiên Chúa giáo.
24. Lòng tin Thượng Đế.
25. Vũ trụ quan: Thuyết sáng tạo và thuyết lưu xuất, vô cực, ba ngôi.
26. Cơ sáng tạo.
27. Chơn lý.
28. Bản ngã.
29. Chơn ngã.
30. Đạo đức.
31. Mục đích đời người.
32. Giới, Định, Huệ.
33. Nghĩa vụ.
34. Kiếp luân hồi.
35. Luật nhơn quả.
36. Thời gian báo ứng.
37. Đời và Đạo.

PHẦN GIÁO LÝ

ĐẠO LÀ GÌ?

Nghĩa lý chữ Đạo rất cao siêu, khó mà giải rõ được, vì Đạo không có hình trạng như các sự vật ở thế gian.

Đức Thích Ca gọi Đạo là Chơn Như, là Phật Tánh, là Bồ Đề.

Đức Lão Tử gọi Đạo là Cốc Thần, là nguồn sanh ra Vũ Trụ vạn vật.

Đức Khổng Tử gọi Đạo là Thái Cực, là Thiên Lý.

Danh từ tuy khác nhau, chớ tựu trung điều chỉ cái nguồn cội của Càn Khôn Vũ Trụ và Vạn Vật. Cái nguồn cội ấy khi còn bất động gọi là Đạo. Còn khi đã động mà chuyển hóa thì gọi là Đấng Tạo Hóa, là Thượng Đế, là Trời vậy.

Đức Lão Tử lại nói:

“Đạo mà nói ra được thì chẳng phải Chơn Đạo, Danh mà gọi là được thì không phải thiệt danh”.

Kinh Phật lại nói:

“Đạo khó mà nói ra. Học giả phải tự mình tỏ ngộ lấy”.

Tỷ thí một người cảm thấy cảnh chiêm bao như thế nào rồi mà mô tả lại cho người khác biết. Chúng ta muốn giải lý cho rõ cái Đạo thì chẳng khác nào người cảm muốn giải rõ chuyện chiêm bao kia vậy.

Bởi vì Đạo là chơn lý tuyệt đối, bản tánh của Đạo là Hư-không lặng lẽ, xem chẳng thấy, lắng chẳng nghe, sờ không đụng, không lớn, không nhỏ, không trước, không sau, không thể dùng lời nói mà diễn tả được, hoặc đem ra mà so sánh. Đạo sanh ra Trời Đất vạn vật, lưu hành trong Vũ Trụ, tàng ẩn trong muôn vật, cho nên vật nào cũng có phần linh diệu bên trong để điều hòa, trưởng dưỡng cho nó. Đạo là tinh thần của Trời, Đất, Vạn vật mà Trời, Đất, Vạn vật là bản thể của Đạo.

Nhưng Đạo vốn vô hình, cho nên muốn trình bày cái Đạo ra, tất phải mượn hữu hình để phô bày cái “Dụng” mà thiết hành cái “Thể”.

Ví dụ ta có một tư tưởng nào, cái tư tưởng ấy vốn vô hình, mà muốn trình bày nó ra cho người ta biết, cần phải mượn văn chương là vật hữu tình.

Vì lẽ đó mới phát sanh nhiều tôn giáo là những cái “Dụng” của Đạo như Phật giáo, Tiên giáo, Nho giáo, v.v...

Thể thì các tôn giáo vốn một gốc mà ra vẫn tôn thờ Đấng Chúa Tể, Càn Khôn Thế giới, chỉ vì khác ngôn ngữ mà xưng tụng bằng danh hiệu khác nhau.

Như Phật giáo gọi Đấng ấy là A Di Đà, Do Thái giáo gọi là Jéhovah, Hồi giáo gọi là Allah, Ấn Độ giáo gọi là Brahma, Ai Cập gọi là Osiris, Công giáo gọi là Đức Chúa Trời, người Việt Nam gọi là Thượng Đế (Ông Trời), ngày nay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gọi là Cao Đài.

Mặc dầu các tôn giáo khác nhau về cách tổ chức và Lễ nghi tế tự, nhưng vẫn giống nhau ở chỗ lấy từ bi bác ái mà dạy chúng sanh, lấy sự “Chuyển mê khai ngộ” làm tôn chỉ, lấy sự giải thoát luân hồi làm cứu cánh.

Vậy tôn giáo vẫn có một.

GIẢI NGHĨA CHỮ ĐẠO (道)

Nếu dùng ngữ nguyên học phân tách chữ Đạo ra mà xem xét cách cấu tạo của nó, ta thấy Ông Thương Hiệt (người đặt ra văn tự nước Trung Hoa) dụng ý một cách sâu xa mỗi phụ ngữ đều có ý nghĩa hay của nó.

Viết chữ Đạo, bắt đầu là hai phết (丿) tượng trưng âm dương nhị khí, dưới gạch một ngang (一) tượng trưng âm dương hiệp nhất là cơ sanh hóa. Kế dưới là chữ Tự (自) là mình, tự mình nghĩa là con người phải tự tri, tự giác, tự giải thoát, chớ chẳng ai làm những điều đó cho mình được. Trên dưới lại ráp thành chữ Thủ (首) là đầu, là trước hết, vì Đạo là đầu mối, là nguồn gốc của Càn Khôn vạn vật. Bên trái chữ Thủ lại có chữ Tẩu (辵) là chạy, là vận động, tượng trưng cơ vận chuyển, cơ biến hóa của Đạo, tức Pháp luân thường chuyển.

TU LÀ GÌ?

Có nhiều người nói: Tu cần tin Trời, tưởng Phật, chuyên làm lành lánh dữ, nhưng chưa tu được, vì gia đình còn ràng buộc, Nhơn Đạo chưa xong.

Bảo như thế tức là chưa hiểu nghĩa chữ tu. Họ làm tưởng hễ tu là phải ly gia cắt ái, phứt hết việc đời, cạo đầu, mặc áo dàu, rồi vô chùa, hoặc lên non tụng kinh gõ mõ, trường trai khổ hạnh.

Vậy thiệt nghĩa chữ Tu là gì?

Theo nghĩa thông thường, Tu là trau dồi, sửa chữa chẳng hạn như tu bổ (sửa sang cái gì hư hỏng) tu khiếu bồi lộ (sửa cầu đắp đường) tu chỉnh (sửa lại cho đúng).

Hiểu theo lẽ Đạo, Tu là trau lòng cho trong sạch thanh cao, sửa tánh cho ra tốt đẹp, rồi chế ngự dục tình, Đoạn trừ ích kỷ, dọn mình chơn chánh để hành động đúng theo luật trời.

Thế thì ở đâu cũng có thể Tu được. Tu tại gia mà giữ vẹn công phu, còn hơn ẩn non ẩn núi, vì chính ở chốn phồn hoa náo nhiệt, là chỗ dễ kích thích dục tình đề tiện, mà đạo tâm vẫn được vững bền, không nhiễm bợn nhơ, tỷ như hoa sen sanh chốn bùn lầy mà vượt lên tốt tươi trong sạch. Tu ở tại thị thành mà không sanh trần niệm, mới thiệt là bậc đại ẩn, sách có câu: “*Đại ẩn ẩn thành thị*”.

Tu cốt yếu là trau dồi cái tâm:

Tâm con người lúc ban sơ vốn minh mẫn và trọn lành, nhưng trải qua nhiều kiếp, nó bị cái nghiệp vô minh lưu tồn từ mấy đời trước, lại thêm khí bẩm câu thúc, vật dục phủ che mà lu mờ cái bản thể đi. Nay ta lo tu hành cốt là trau dồi cái tâm cho sáng tỏ lại như lúc ban sơ, thì hành động của ta sẽ quay về lẽ phải. Thế thì trong việc tu hành, cốt phải lấy Tâm làm nền móng. Cái tâm mà giữ được hư không, thì ngoại vật hết xâm nhập, mà nội niệm cũng không sanh được, như thế là dứt cả

tham sân, phiền não, khỏi lo tạo nghiệp, thì không còn chi là chướng ngại nữa.

Mạnh Tử cho rằng cái Tâm của con người chìm đắm trong vòng vật dục như con chim sổ lồng, nên Ông gọi Tâm ấy là Phóng Tâm.

Vương Dương Minh thì cho rằng cái Tâm là tấm gương sáng. Để mất cái Tâm chẳng khác nào để cho bụi bặm che lấp cái gương sáng đi. Cho nên người biết tu phải cần lau chùi (trau dồi) cái Tâm cho sáng lại. Cái Tâm vốn không phải tối, chỉ vì bị cái tập tục mờ ám, tư dục phủ che, cho nên bỏ được các vật phủ che làm mờ ám đi, tự nhiên cái Tâm sáng lại.

Đức Đạo Tín lại bảo: Cảnh với duyên vốn không tốt xấu mà phân biệt ra là tại cái Tâm. Nếu Tâm chẳng trì tục theo duyên cảnh, thì vọng tình do đâu mà khởi đặng? Mà hễ vọng tình chẳng khởi, thì Chơn Tâm sáng tỏ.

Vậy tu hành cốt là lo làm cho cái Tâm sáng trở lại như buổi ban sơ, để ứng hiệp cùng Trời, vì Trời và Tâm con người vốn là một.

TÂM LÀ GÌ?

Chữ Tâm vốn có nhiều nghĩa, người ta gọi Tâm là trái tim, ý muốn chỉ một khối nhục đoàn làm cơ quan cho sự tuần hoàn trong châu thân, như Bác sĩ nói: “Ông đau tim, bà yếu tim” là chỉ trái tim này.

Có khi người ta gọi Tâm là Lòng, nếu muốn chỉ về tình cảm. Một thiếu nữ bị một tình nhân phụ bạc, người ta nói thiếu nữ ấy đau lòng, chứ không nói đau tim.

Hiểu về mặt Đạo, chữ Tâm lại có nghĩa khác. Theo giáo lý nhà Phật, con người vốn có bát thức mà thức thứ tám gọi là A-lại-da thức, người Trung Hoa gọi Tạng thức hay Nghiệp thức tức là cái Tâm đó vậy. Gọi Tạng thức vì cái tâm, tuy vô hình, nhưng nó là cái thức chứa đựng các hạt giống tốt xấu, lành dữ, thanh trược và những tư tưởng ác kiến, tà kiến, ngã chấp, pháp chấp...

Một cái kho chứa đồ vật, tuy rộng lớn tới đâu cái thể tích của nó vốn có giới hạn. Nhưng cái tâm vô hình vô thể, nhưng sự chứa đựng của nó vốn vô cùng vô tận, dầu chứa đựng bao nhiêu cũng không đầy.

Gọi Nghiệp thức là vì cái Tâm, lúc đi đầu thai, đem theo cái hạt giống nói trên, tức là những dự vọng, những tư tưởng tốt hay xấu và những ảnh hưởng việc làm Thiện hay Ác của kiếp trước để tạo cái nghiệp báo cho kiếp tái sanh.

Thông Thiên Học gọi cái Tâm là Thượng trí (Corps mental supérieur). Tam Kỳ Phổ Độ gọi là Nhơn hồn hay Giác hồn (Âme humaine ou âme sensitive).

Tam Giáo dạy trăm điều ngàn việc rút lại chỉ khuyên con người chú trọng cái Tâm hơn hết

- Đạo Nho dạy: “Tồn tâm dưỡng tánh”, là giữ cái tâm cho còn đặng, dưỡng cho cái tánh cho mình mãi.

- Đạo Lão dạy: “Tu tâm luyện tánh”, là trau dồi cái Tâm cho trong sạch, lặng lẽ, đặng luyện cái tánh đến chỗ siêu phàm nhập thánh.

- Đạo Phật dạy Minh tâm kiến tánh là làm sáng cái Tâm để thấy rõ cái Chơn tánh của mình.

Thánh hiền xưa lại do theo nguyên ngữ học phân tách chữ Tâm ra, mà giải nghĩa như vậy:

*“Tam điểm như tinh tượng,
Hoành câu tợ nguyệt tà.
Phi mao tủng thử đắc,
Tổ Phật đã do tha.”*

Nghĩa là: Ba chấm như tượng hình sao, móc câu ngang tợ trăng tà. Thành cầm thú mang lông đội sừng vẫn do đó, mà thành Tiên Phật cũng do đó.

Lại nói: *“Nhất thiết do Tâm tạo”*.

Nghĩa là: Mọi việc đều do Tâm tạo ra, Tâm tạo ra thiên đường địa ngục, làm chúng sanh mê mẩn trầm luân cũng do Tâm, mà làm Phật hoàn toàn giác ngộ cũng do Tâm.

PHƯƠNG PHÁP TU THÂN

Những bậc tu thượng thừa, trọn hiến thân cho Đạo tức cần phải ly gia cắt ái, phế hết phàm tình tục sự.

Còn hàng Thiện tín, chỉ là những người giữ Đạo mà thôi. Hàng này cần phải làm lưng sanh sống, nhưng khác hơn người thường là ngoài giờ làm lưng, thay vì rong chơi vô ích, họ như lúc rảnh rang lo lập công bồi đức, hoặc dạy dỗ lẫn nhau, cùng trau sửa tánh tình bằng cách kiểm soát tư tưởng và việc làm của mình.

Kiểm soát tư tưởng.

- Trước khi ta sắp làm một việc chi, nơi đầu óc ta đã phát sanh cái tư tưởng về việc ấy rồi. Tư tưởng càng mạnh càng xúi giục xác thân thi hành liền. Còn một tư tưởng quấy, dầu chưa đem ra thực hành, cũng đã làm cho tâm thần ta hoen ố. Đức Chí Tôn đã dạy:

“Thà các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể”.

Nói tội: chẳng khác nào nghĩ quấy, vì do tư tưởng quấy mới nói tội. Vì thế mà chúng ta cần phải kiểm soát tư tưởng của chúng ta từng li, từng tí.

Kiểm soát tư tưởng nghĩa là giữ chừng để cho Tâm trí phát sanh ra những tư tưởng quấy.

Thế nào gọi là Tư tưởng lành? Tư tưởng quấy?

- Gọi lành là những tư tưởng nào không có tánh cách ích kỷ, mà là lợi hơn, lợi vật. Gọi quấy là những tư tưởng nào lợi cho mình mà lại hại cho người cho vật.

Lại trong giờ rảnh việc, nhất là ban đêm thanh vắng là lúc Tâm hồn an tịnh, ta cần phải tưởng Trời, tưởng Phật, tức là ta dùng tư tưởng mà cảm thông với Trời Phật, hầu tiếp diễn lành tẩm tưới tâm hồn, ngày được thanh cao minh mãi.

Kiểm soát việc làm:

- Ông Tăng Sâm, môn đồ của Đức Khổng Tử, thường ngày xét mình về ba việc (Tam tỉnh ngô thân) sau đây:

1. Mưu việc cho người có bất trung không?
2. Giao thiệp với bạn bè có bất tín không?
3. Dạy học trò, tự mình có bất cập không?

Thánh hiền xưa còn kiểm soát việc làm của người hằng bữa hưởng chi là chúng ta.

Vậy mỗi buổi tối, ta nên kiểm điểm sự hành động của ta trong ngày và tự hỏi:

- 1.- Ta có ích kỷ không?
- 2.- Ta có phạm Ngũ giới cấm không?
- 3.- Ta làm việc có chểnh mảng không?
- 4.- Ta có làm ngơ trước một điều thiện nhỏ nào không?
- 5.- Ta có làm điều gì phạm đến danh giá người không?
- 6.- Ta có làm hại ai không?
- 7.- Ta có xúi giục người làm quấy không?
- 8.- Ta có làm điều chi trái với thuần phong mỹ tục không?
- 9.- Ta có làm điều chi trái luật nước không?
- 10.- Ta có làm điều gì bất công không?

Mỗi ngày ta cứ tự xét mình như vậy mãi, hễ nhận thấy mình đã làm điều chi thuộc về 10 câu tự vấn ấy, tức khắc phải lo sửa cải, một ngày cải tiến được một ít, lần lần ta sẽ quay về với lẽ phải.

Tổng kết:

Ngoài những phương pháp tu dưỡng cao siêu, dành riêng cho bậc Thượng Thừa, những quy tắc vừa kể trên đây rất hợp với chư Thiện Tín, mà vẫn không có điều chi bó buộc khó khăn, mà cũng không mấy may nào gọi yếm thế, dị đoan, mê tín.

TỊNH TAM NGHIỆP

Tịnh Tam nghiệp là dẹp yên Tam nghiệp cho tâm hồn ta được trong sạch. Tam nghiệp là gì? Là Ba nghiệp chướng làm cho con người vì đó mà phải chịu ác quả.

Tam Nghiệp là Thân nghiệp, Khẩu nghiệp, Ý nghiệp.

Thân nghiệp: Thân nghiệp do ba nguyên nhân cấu tạo:

1. - Sát sanh.
2. - Trộm cắp.
3. - Dâm dục.

Sát sanh: Đã có Thánh giáo Đức Chí Tôn cấm sát sanh. Đây xin bàn thêm. Người tu hành có lòng bác ái thấy loài Tứ sanh bị sát hại, rất nên thương xót, tự mình tìm phương cứu hộ, hoặc lấy của chuộc mạng cho chúng thay, thì đâu nỡ nào giết chúng cho đành?

Kinh Phật: (Dhammika Sutla) có dạy: “Người chủ nhà không nên tự mình giết một con vật nào, cũng không nên đồng lòng cho người khác giết, hoặc xúi họ giết”.

Trộm cắp: Trộm cắp vốn do lòng tham lam mà ra.

Đã có Thánh giáo cấm tham lam. Đây xin phụ thêm vài chi tiết. Người tu hành vì lòng bác ái tự xuất của tiền bố thí cho kẻ nghèo, thì đâu còn ham muốn tài vật của người khác? Dầu trong lúc chiêm bao cũng không mơ tưởng của họ, huống lựa là khi thức tỉnh mà khởi lòng trộm cắp?

Dâm dục: Đã có Thánh huấn cấm tà dâm. Đây xin bàn thêm. Dâm dục chẳng những là một trọng tội về luân lý, mà còn thâu ngắn đời sống con người. Biết bao người làm điều can danh phạm nghĩa vì dâm dục? Biết bao người khuyh gia bại sản cũng vì dâm dục.

Phạm đạo tặc cướp lấy tiền của là vật bên ngoài của người, thì người phải nghèo, còn sắc dục cướp lấy

tinh lực là vật báu bên trong của người, thì người phải chết.

Tóm lại, tránh được sát sanh, trộm cắp và dâm dục là giữ trọn ba điều tịnh giải của Thân, tức giải được cái nghiệp chướng thứ nhất là Thân nghiệp vậy.

Khẩu nghiệp: Khẩu nghiệp do bốn nguyên nhân cấu tạo:

- 1.- Láo xược.
- 2.- Đâm thọc.
- 3.- Lời nói thô ác.
- 4.- Lời nói không nghĩa lợi.

Láo xược: Đã có Thánh huấn cấm nói dối. Đây xin bàn thêm. Thánh hiền xưa dạy rằng: “Nửa câu nói ra chẳng phải, đủ tổn đức bình sanh” (Bán cú phi ngôn, tổn bình sanh chi đức). Phương chi ba tấc lưỡi mà việc không nói có, việc có nói không, quấy đổi ra phải, phải sửa thành quấy, thì tổn đức biết bao. Vậy người có Đạo phải nói năng chơn thật, đã khỏi tổn đức lại được người kính tin mến phục.

Đâm thọc: Người tu hành chẳng nên đem chuyện người này thuật lại với người kia, rồi đem chuyện người kia mách thóc với người nọ, cốt làm cho hai đảng giận hờn, thù ghét nhau. Trái lại, nên hòa giải những sự bất bình, xích mích nhau.

Lời nói thô ác: Người tu hành chẳng nên nói những lời thô ác và hung bạo, chỉ có người không giáo dục, thiếu lễ độ mới dùng những lời thô tục. Người nói thô tục gợi ý niệm dâm đảng và hạ thấp phẩm giá con người nói ra. Người trong cửa Đạo bao giờ cũng trọng phẩm giá mình, nên lời nói cần phải nhã nhặn, ôn hòa, dịu ngọt, gây được thiện cảm của người nghe.

Lời nói hung ác như hăm he, nguyên rửa, chứng tỏ rằng người thốt ra những lời ấy có một tâm địa hiểm sâu, ác độc, là cái nguồn sanh ra tội lỗi, mà người tu hành phải tránh.

Lời nói không nghĩa lợi: Những lời nói bông lơn đùa bỡn, thường làm cho người nghe phật ý, vì nó làm chạm đến lòng tự ái của người. Những lời nói xuyên tạc vô nghĩa lý, không đem lợi ích cho ai, mà làm cho người bị xuyên tạc mất thiện cảm với mình, mà thiện cảm là điều cần thiết trong phép xã giao.

Người tu hành muốn cảm hóa ai, hoặc muốn đem ai về chánh nghĩa, cần phải ôn hòa mà dẫn độ, thành thật mà khuyên lơn, người ta mới cảm mến mà nghe theo.

Tóm lại, tránh được láo xược, đâm thọc, lời nói thô ác, và không nghĩa lợi, là giữ trọn bốn điều tịnh giải của Khẩu, tức giải được cái nghiệp chướng thứ nhì là Khẩu nghiệp vậy.

Ý nghiệp: Ý nghiệp do ba nguyên nhân cấu tạo:

1. - Ganh ghét.
2. - Sân si.
3. - Tà kiến.

Ganh ghét: Người tu hành vốn trọng điều nhơn.

Mình nên, cũng muốn người nên; mình đạt cũng muốn người đạt (Kỷ dục lập, nhi lập nhơn; kỷ dục đạt, nhi đạt nhơn). Cho nên, thấy người đó có khả năng về việc gì, mình nên giúp cho người chóng thành công việc ấy, chớ không nên đem lòng ganh tị, kiếm chuyện soi bói, hoặc tìm cách cản trở bước đường tiến thủ của người.

Người Đạo phải tránh ích kỷ mà trọng vị tha.

Sân si: Thánh hiền xưa ghép chung 2 chữ Sân (giận) và Si (ngu dại) thật chí lý. Hẳn vậy, sự giận làm cho con người mất trí khôn mà ra ngu dại. Hoặc giả chỉ có người ngu dại mới hay giận dữ.

Tục ngữ có câu: “No mất ngon, giận mất khôn”.

Chúng ta thử tưởng tượng một người trong khi giận dữ: Trán nhăn, mắt nháng lửa, gân mặt nổi lên, sắc mặt đỏ ngầu, hay xanh nhợt, tay chân run rẩy, lời nói lập

cập, khi cộc cần thô lỗ, khi dứt nổi không chừng. Con người lúc này, không còn tự chủ, cho nên phát ra những cử chỉ và hành động đáng tiếc. Cái tâm phát hỏa rồi, thì phải trái nan phân; trí khôn lúc bấy giờ bị nộ khí choán hết, thành ra xử sự quấy, nói năng quấy mà tổn âm đức. Nên nhớ rằng: Nóng như Trương Phi là cái nóng giết mình, nguội như Trương Lương là cái nguội nên danh.

Tà kiến: Người tu hành phải biệt phân chơn ngụy để khỏi lạc vào tà kiến. Nên tin theo giáo lý của bề trên dạy, vì những giáo lý ấy, một phần do Đấng Thiêng Liêng giảng dạy, một phần do các bậc Đạo trưởng đã dùng lý trí sáng suốt mà thành lập đúng theo chơn truyền, đàn em cứ tin theo là khỏi sai lầm.

Có người tín ngưỡng minh mông, nghe nói lý thuyết nào mới lạ, phép tắc chi linh nghiệm, là vội tin theo, đến đổi bỏ Đạo mình, chạy theo những điều mà họ làm cho là huyền diệu.

Đức Chí Tôn có dạy rằng:

“Phần nhiều trong các con chẳng lo thờ kính Thầy, tưởng cho đem thờ Thầy vào nhà là chủ ý cầu một sự ích riêng chi cho gia quyến vậy thôi, chớ chẳng hiểu là một nguồn trong sạch để rửa các lỗi phạm của các con”.

Lại có người còn mê tín bóng chàng, coi bói, cầu vái cho xu kiết tị hung. Nên biết rằng theo Luật Nhơn quả, theo phép công bình cảm ứng, nếu ta hằng ngày cứ lo hành Thiện không phụ ác, không tưởng ác, không hành ác, thì thể nào ta không gặp việc lành, việc tốt, cần chi phải cúng sao cúng hạn cầu quẻ, xin xăm, coi tướng, coi số, lựa ngày, lựa giờ, cúng sao cúng hạn, mà ta tự gây ác cho ta hoải, thì sao hạn có đem thiện quả cho ta được không?

Lựa ngày lành tháng tốt để làm một việc chi mà nếu ta cứ bo bo tích ác, thì chắc gì ngày lành tháng tốt ấy giúp ích được ta?

Vấn nghi rằng việc bói khoa cũng có khi linh nghiệm, nhưng người tu hành thì cứ giữ phận yên ổn mà đi tới, phước thì hưởng phước, gặp họa thì lãnh họa,

không cần tìm hỏi việc tốt xấu, cứ thuận theo Thiên Lý mà lưu hành. Mạnh Tử có nói rằng: “Tận kỳ đạo nhi tử giả, chánh mạng giả”. Nghĩa là: Giữ trọn một chủ nghĩa đạo đức, mà chết là chánh mạng vậy.

Tóm lại, tránh được ganh ghét sân si, tà kiến là giữ được điều tịnh giải của Ý, tức giải được cái nghiệp-chướng thứ ba là Ý nghiệp vậy.

Tổng kết:

Tịnh được Tam nghiệp rồi, ta tự thấy nhẹ nhàng thơ thới, tinh thần an tịnh như nước không sóng dợn, nước tự nhiên trong, như gương không bụi vậy, gương tự nhiên sáng. Nước trong gương sáng, thì các vật tượng đều hiện vào đó cả. Cho nên người tịnh được Tam nghiệp tự thấy mình phát huệ.

ĐỨC TÁNH CỦA NGƯỜI TU

Người Đạo cần phải giữ bền hạnh cho chánh đáng thì tinh thần mới mau tấn hóa. Cần phải có những đức tánh: Từ bi, hỉ xả, nhẫn nhục, tinh tấn, bình đẳng, bác ái, nhu hòa, tự tại, chí thành, vong ngã, lợi tha, khiêm tốn.

1.- Trọng mạng sống tất cả loài tứ sanh; xót thương người đói khó, cô đơn mà trợ giúp, buồn thấy người làm dữ, vui xem kẻ làm lành. Đó là **từ bi**.

2.- Ai chê không giận, ai ghét chẳng hờn; đại lượng với người thù nghịch; dĩ ân báo ân, mà không dĩ oán báo oán, hơn nữa, dĩ oán vi ân. Đó là **hỉ xả**.

3.- Vui chịu đủ phương thử thách, gặp biến cảnh thế nào cũng biết chịu theo thế ấy, mà không phiền muộn trách than, không ngã lòng thối chí. Đó là **nhẫn nhục**.

4.- Cố tâm tiến trên con đường công đức. Quyết không nhiễm một mây vọng niệm, để tâm hồn được hư không, thơ thới, ngoài không biếng nhác tháo lui, một mực hăm hở lo tròn bổn phận. Đó là **tinh tấn**.

5.- Xem vạn vật vốn đồng nguyên, xem các loài máy động vẫn đồng tánh. Đối đãi với người không phân giai cấp, không phân quốc tịch, chẳng so đo phú bần quý tiện; lấy đức làm trọng, lấy đạo làm cao, không cậy thế ý quyền, không xu phụ người thế lực, xem ta như người, xem người như ta. Đó là **bình đẳng**.

6.- Xem tất cả chúng sanh là con một Cha, thương người mền vật, trọng tất cả sanh mạng mà không phạm giới sát. Đó là **bác ái**.

7.- Dùng nhã lượng, lễ nghi ứng đối với người phỉ báng, mềm mỏng mà khuyên lơn, ôn hòa mà hóa độ, dầu gặp rối ren gây cản thế nào, cũng bình tĩnh điều đình ôn hòa. Đó là **nhu hòa**.

8.- Phàm ở đời, bắt câu vào cảnh ngộ nào, hễ tri túc là toại, tùy phận là yên, lập công với đời là phi nguyện, chớ không cần khen thưởng; thấy lợi sợ điều phi nghĩa, gặp may không đắc chí, gặp rủi chẳng nao

lòng, lành dữ đều phú cơ báo ứng, cứ ung dung thờ thối, chẳng cho lưới trần lao lung câu thúc. Đó là **tự tại**.

9.- Thành thật với mọi người, dầu trong đạo hay ngoài đời cũng vậy, trong tất cả hành vi động tác, nhứt nhứt đều ngay thẳng thật thà, không một lời giả dối, không một ý tà tây, xử sự chẳng mưu mô lừa đảo. Đó là **chí thành**.

10.- Làm phải không cần khen, làm lành không cần thưởng, giàu sang không ham, quyền hành chẳng thích, một mực cứ quên mình, quên cả nếp sống tiện nghi, quên cả công lao cực nhọc, để phụng sự chúng sanh. Đó là **vong ngã**.

11.- Giúp người lợi vật, chỉ cho người biết làm âm đức, giúp người già cả, tùy phương tiện thí tài, thí pháp. Ấy là **lợi tha**.

12.- Đừng khoe tài đức, nhất là khi tài đức mình chẳng có, không tự cho mình giỏi hơn ai, hạ mình mà trọng người. Đó là **khiêm tốn**.

Người tu hành giữ tròn 12 đức tánh trên đây lo gì không nên Đạo.

KHÁI QUÁT VỀ ĐẠO CAO ĐÀI

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Đại Ân Xá Kỳ Ba vốn là một nền giáo lý mới mẻ, do thần cơ diệu bút của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế lập ra. Nền tân giáo lý này cũng gọi là Đạo Cao Đài, lấy theo Thánh Danh của Thượng Đế là vị Giáo Chủ dùng lập Đạo trong thời Mạt Pháp này. Cao Đài có nghĩa là cái Đài cao nhất ở ngôi Thái Cực, tức Đài ngự của Thượng Đế.

Cao Đài Xuất Thế.

Ngày 14 tháng 10 năm Bính Dần (18 November 1926) Đạo Cao Đài chính thức thành lập với một Đại Lễ cực kỳ long trọng tại Từ Lâm Tự, Gò Kén (Tây Ninh) giữa hàng muôn đạo hữu từ các tỉnh Nam Việt tựu về.

Tôn Chỉ:

Tôn chỉ Đạo Cao Đài là quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi. Tôn chỉ này dung hòa một phần lý thuyết chọn chánh từ xưa hiệp với Thánh giáo ngày nay, lập thành một Tân Giáo Lý. Một triết lý Đại đồng, hầu xây dựng một nền tảng tinh thần đạo đức chung, thích hợp với tín ngưỡng và trình độ tấn hóa của nhơn loại hiện kim.

Chủ nghĩa:

Chủ nghĩa của Đạo Cao Đài là Bác Ái và Chí Thành, Hòa Bình và Công Lý. Câu liễn ghi hai bên cổng vô Tòa Thánh Tây Ninh nói một phần nào về chủ nghĩa này.

Cao thượng Chí Tôn, Đại Đạo hòa bình dân chủ mục.

Đài tiền sùng bái, Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền.

Cứu cánh:

Thượng Đế lập ra Đạo cứu cánh là mở một con đường giải thoát linh hồn khỏi đọa luân hồi.

Con đường cứu cánh tuy được Trời mở ra, nhưng người hành Đạo phải tự giải thoát bằng cách phổ độ chúng sanh, để lập công bồi đức là điều kiện tối yếu của

cơ đức Đạo. Đi phổ độ, người hành Đạo vừa phục vụ chúng sanh, vừa lập vị Thiên Liêng cho mình.

Cơ cứu thế của Đại Đạo chỉ thuần về mặt Thiên Liêng.

Giáo lý:

Về mặt luân lý:

Đạo Cao Đài nhắc nhở người ở đời những bổn phận đối với mình, đối với gia đình, đối với xã hội là một gia đình lớn hơn, đối với Nhơn loại là một gia đình đại đồng.

Về mặt triết lý:

Đạo Cao Đài khuyên nên kính thường danh lợi, quyền tước, tránh những xa hoa phù phiếm. Tóm lại, là giải thoát mọi ràng buộc về thể chất để cầu hoàn toàn hạnh phúc cho tâm hồn.

Về mặt tín ngưỡng:

Đạo Cao Đài dạy tôn sùng Đức Thượng Đế là Đấng hóa sanh muôn vật, Đức Diêu Trì Kim Mẫu chủ về phần âm và tin tưởng các Đấng Thiên Liêng cao thượng được liệt vào hàng Tam thừa Cửu phẩm siêu hình, Đạo Cao Đài duy trì sự thờ phượng tổ tiên, nhưng cấm dùng cúng phẩm huyết nhục và đốt giấy tiền vàng bạc, giấy áo quần và đồ mã v.v...

Đạo Cao Đài cũng dạy tin có linh hồn bất diệt, có luân hồi quả báo là cơ thưởng phạt của công bình Thiên Đạo.

Đạo Cao Đài không nghịch với bất cứ tôn giáo nào, vì quan niệm rằng tất cả tôn giáo do một gốc mà ra.

Về mặt công truyền:

Đạo Cao Đài dạy trì trai thủ giới, lánh dữ làm lành, biết bổn phận công dân trong nước, bổn phận người trong khuôn viên đạo đức.

Về mặt tâm truyền:

Đạo Cao Đài giảng giải những yếu lý về hình nhi thượng học và phương pháp tu luyện đến chỗ minh tâm kiến tánh.

Đạo Cao Đài cũng mật truyền Bí pháp nhờ đó mà
linh hồn được siêu thăng.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ LÀ GÌ?

Đại Đạo là nền Đạo lớn khai lần thứ ba để cứu độ Nhơn sanh khắp cả nhơn gian.

Có Tam Kỳ Phổ Độ, tức phải có Nhất kỳ và Nhị kỳ phổ độ.

Vậy xin lược giải dưới đây:

Sách có câu: “Thiên Địa tuần hoàn châu nhi phục thi” Nghĩa là: Trời Đất xây vắn giáp vòng thì trở lại lúc khởi đầu.

Cuộc tuần hoàn vẫn có thứ tự. Kể theo thời gian thì hết ngày sang đêm rồi hết đêm trở lại ngày. Tính theo thời tiết, thì hết xuân sang hạ, hết hạ sang thu, hết thu sang đông rồi hết đông trở lại xuân.

Cuộc tuần hoàn của Vũ Trụ gồm có ba Nguơn: Thượng Nguơn, Trung Nguơn và Hạ Nguơn.

Thượng Nguơn là Nguơn Tấn hóa, Nguơn gây dựng Kiền khôn Vũ Trụ. Nhơn loại bấy giờ còn giữ Thánh đức của Thượng Đế ban cho, nên còn thuần chất phác thiện lương, cứ thuận tòng Thiên lý mà hòa hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Đó là thời đại Thái bình, tức là nguơn Thánh đức, nguơn Vô tội.

Lần lần con người vì nhiễm hồng trần phải lu lờ Thánh Đức, bỏ Thiên Lý mà sa vào nhơn dục.

Vì vậy, Thượng Đế mới khai Tam Giáo phổ độ chúng sanh bỏ dữ về lành, tức là “Nhất Kỳ Phổ Độ”.

Các vì Giáo chủ là:

- Nhơn Đạo : Văn Tuyên Đế Quân.
- Tiên Đạo : Hồng Quân Lão Tổ.
- Phật Đạo : Nhiên Đăng Cổ Phật.

Được tạo hóa, nhơn loại tất phải tấn hóa. Tấn hóa phải tranh đấu. Tranh đấu tất phải tự diệt. Đó là thời kỳ Trung nguơn tức là nguơn Tấn hóa, nguơn Tranh đấu, nguơn Tự diệt.

Cho nên Thượng Đế thiết “Nhị Kỳ Phổ Độ”.

- Nhơn Đạo có Khổng Tử cảnh tỉnh nhơn tâm đặng duy trì đạo đức.
- Tiên Đạo có Lão Tử dìu dẫn nhơn sanh ra khỏi vòng thấp hèn vật chất mà xu hướng về chỗ tinh thần cao thượng.
- Phật Đạo có Thích Ca truyền bá chủ nghĩa từ bi tránh cho nhơn sanh cái nạn tự diệt.

Không tự diệt, tức bảo tồn. Hạ nguơn tức là nguơn bảo tồn vậy.

Vì lẽ bảo tồn, nên ngày nay Hạ nguơn hầu mãi, Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút lập “Tam Kỳ Phổ Độ”. Lại cũng bởi Hạ Nguơn là Nguơn cuối cùng, Đại Đạo quy nguyên phục nhất theo lẽ tuần hoàn. Vậy mới có cái Tôn chỉ: “Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất”.

THÁNH DANH CAO ĐÀI

Hai kỳ trước, Đức Thượng Đế phân tánh giáng sanh lập Đạo Ngài có dạy:

“Nhiên Đẳng Cổ Phật thị Ngã,

“Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,

“Thái Thượng Ngươn Thỉ thị Ngã,

“Kim viết Cao Đài.”

Tam kỳ Phổ Độ này, Đức Chí Tôn không giáng thể với xác phàm như hai kỳ trước, lại dùng huyền diệu cơ bút giáng điển linh lập Đạo. Vậy Đức Giáo Chủ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (gọi tắt Đạo Cao Đài) là Đấng siêu hình, tức Thượng Đế.

Ngài lấy Thánh danh: **Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.**

Thánh danh này hàm xúc cái ý nghĩa Tam Giáo quy nguyên hiệp nhất.

Cao Đài: Là cái Đài Cao ở tận ngôi Thái Cực, Đài ngự của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế chỉ về Nho giáo, vì Nho giáo gọi Thượng Đế là Thái Cực.

Trong sách “Ấu Học Tầm Nguyên” lại giải rằng: *“Đầu thượng viết Cao Đài”*

Tiên Ông: Chỉ về Tiên giáo.

Đại Bồ Tát Ma Ha Tát: chỉ về Phật giáo.

Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy rằng:

“Các con nghe!

Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình đặng độ rồi Nhơn sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát, hai phẩm chót của Tiên Phật. Đáng lẽ, thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm nhượng là thế nào? Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ của Thầy cho Thầy là nhỏ.... cười....

Hạnh khiêm nhượng là hạnh của mỗi đứa con phải noi theo gương Thầy mới độ rồi Thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhượng sao cho bằng Thầy, Thầy lại nói,

*buổi lập Thánh Đạo, Thầy đến độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu
đời không tội lỗi, đâu đến nhọc công Thầy.*

*Ấy vậy các con rán độ kẻ tội lỗi, là công lớn làm
cho Thầy vui lòng hơn hết."*

TẠI SAO THƯỢNG ĐẾ KHÔNG PHÂN TÁNH GIÁNG TRẦN LẬP ĐẠO NHƯ HAI KỲ TRƯỚC

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải phổ biến khắp năm Châu, độ rồi chúng sanh thoát nạn luân hồi, nhất là phải độ tất cả 92 ức nguyên nhân quy hồi cữu vị.

Nguyên từ khai thiên lập địa, Đức Chí Tôn cho 96 ức nguyên nhân giảng trần khai hóa chúng sanh, song mấy vị ấy lại sa đắm hồng trần quên cả cữu vị của mình.

Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ chỉ độ được 4 ức nguyên nhân, Tam Kỳ Phổ Độ lại phải độ tới 92 ức. Xem đó đủ biết Tam Kỳ Phổ Độ lớn lao quan trọng dường nào.

Vì chỗ lớn lao quan trọng ấy, Đức Chí Tôn không mượn xác phàm lập Đạo, vì hễ mang nặng xác phàm, thì sự xê dịch từ xứ này tới xứ khác để truyền giáo lấy làm bất tiện, lại cũng không tránh khỏi lỗi làm chẳng nhiều thì ít. Sự truyền bá Đạo Trời vì thế mà khó phổ thông; còn dùng huyền diệu cơ bút, Đức Chí Tôn có thể trong một lúc giảng điễn khắp nơi mà dạy Đạo.

NHỮNG BẰNG CỐ CHỨNG TỎ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ DO ĐỨC THƯỢNG ĐẾ LẬP RA

I.- Trong mấy năm đầu khai Đạo, Đức Chí Tôn có ban cho đàn anh chúng ta nhiều huyền diệu nhờ đó Đạo bành trướng rất mau và gây được một đức tin cứng rắn.

Hồi Pháp thuộc, Đạo gặp phải nhiều trở ngại, nhiều thử thách mà vẫn lướt qua không mấy khó. Đó là nhờ sức hộ trì của Đức Thượng Đế, Đức Phật Mẫu và Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Và trải qua mấy năm binh lửa, Đạo tuy phải nhiều phen điên đảo nhưng rốt cuộc, chẳng những cứu vãn được thanh thế buổi đầu, mà mỗi chơn truyền lại còn phổ biến khắp nơi.

Nếu chẳng phải là Đạo của Trời lập ra, thử hỏi người phàm ai làm được?

II.- Các vị Giáo Chủ thời xưa cũng có tiên tri về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

a.- Sách Phật Tông Nguyên Lý có nói:

Khi Đức Thích Ca sắp Nhập Niết Bàn, đệ tử yêu quý nhất của Ngài là A Nan Da “Phiên âm là Ất Nan” rơi lụy hỏi Ngài: “Khi Tôn Sư viên tịch rồi, ai dạy bảo chúng con? Ngài đáp: “Ta chẳng phải là vị Phật đầu tiên hay vị Phật cuối cùng giáng thế. Ngày giờ đến, sẽ có vị Phật khác xuất hiện cứu đời, một vị Chí Thánh, một vị Đại Giác cực kỳ cao thượng, một vị dẫn Đạo vô song của Nhơn loại: Một vị Chúa Tể cả Thần Thánh và Nhơn loại, Đấng ấy sẽ truyền lại cho các con một mối Đạo vinh diệu về buổi sơ khai, vinh diệu về buổi thanh hành, vinh diệu vào buổi kết cuộc. Đấng ấy sẽ đề xướng một đời sống đạo đức hoàn toàn và thuần khiết.”

Phu chú: Vị Phật mà Đức Thích Ca đã nói tiên tri, theo Phật giáo là Đức Di-Lạc, chúng ta tin chắc Đức Di-Lạc của Phật giáo và Ngôi Ba của Thiên-Chúa giáo vốn là một Đấng Chí Tôn và đứng theo những lời tiên tri ấy, Người đã đến trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này với danh hiệu Cao Đài.

b.- Đức Giê-Su đã phán:

“Nếu các con kính mến ta, các con hãy nhớ những lời ta dạy bảo. Ta sẽ xin Cha Ta sai Đấng cứu khổ giáng trần và ở luôn với các con. Đó là Thần Chơn Lý mà hiện giờ các con chưa thể gặp được Đấng ấy sẽ độ dẫn các con và ở nơi Tâm linh của các con.

Đó là Ngôi ba, ngôi Thánh Thần, mà vì Ta, Cha Ta sẽ sai xuống thế. Đấng ấy sẽ dạy các con đủ điều và sẽ nhắc lại các con những điều Ta đã dạy các con rồi”.
(Kinh Phúc-Âm theo Thánh Jean, chương XIV).

PHU LUC: Trong sách Khải Huyền của Thánh Giảng (Apoea lypse de Jean) có bức thư của Đức Chúa Giê-su dạy ông viết gởi cho Hội Thánh Sạt-Đe () như vậy:

THƠ CHO HỘI THÁNH SẠT ĐE

Người cũng hãy viết cho Thiên sứ của Hội Thánh Sạt-Đe rằng:

Này là lời phán của Đấng có bảy vị thần Đức Chúa Trời và bảy ngôi sao: Ta biết công việc ngươi, ngươi có tiếng là sống nhưng mà là chết.

Hãy tỉnh thức, và làm cho vững sự còn lại là sự hãy chết vì ta không thấy công việc của ngươi là trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời ta.

Vậy hãy nhớ lại mình đã nhận và nghe Đạo thể nào thì giữ lấy và ăn năn đi. Nếu ngươi chẳng tỉnh thức, ta sẽ đến như kẻ trộm và ngươi không biết giờ nào ta đến bắt ngươi thành linh.

Nhưng ở Sạt-Đe ngươi còn có mấy người chưa làm ô uế áo mình, những kẻ đó sẽ mặc áo trắng mà đi cùng ta vì họ xứng đáng như vậy.

Kẻ nào thắng, sẽ được mặc áo trắng như vậy. Ta sẽ không xóa tên người khỏi sách sự sống và sẽ nhận danh người trước mặt cha ta, cùng trước mặt các thiên sứ Người.

Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội Thánh.

Đạo Minh Sư bên nước Trung Hoa sáng lập hội đòì nhà Thanh, có hai câu sấm do các vị Tổ Sư lưu lại.

Hai câu đối này tiên tri về Đạo Cao Đài và được nêu lên ở bìa kinh điển của Đạo này.

*Cao như Bắc nguyệt Nhơn chiêm ngưỡng,
Đài tại Nam-phương Đạo thống truyền.*

Nghĩa là Đạo cao như Bắc nguyệt, người ta ngước mặt lên mà kính mến.

Đạo liên tục truyền bá không ngừng, mà nơi phát sanh ra Đạo là Phương nam (ám chỉ nước Việt Nam).

Trong một quyển kinh xưa (Giác Thế Kinh) có bốn câu tiên tri về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ như vậy:

*“Thánh, Hiền, Tiên, Phật hi hữu chi nhơn.
Tam Kỳ Phổ Độ hi hữu chi sự.
Phi hi hữu chi nhơn.
Yên năng hành vi hi hữu chi sự?”*

Nghĩa là:

Thánh, Hiền, Tiên, Phật là bậc ít có.

Cũng như Tam Kỳ Phổ Độ là việc ít có.

Không phải là bậc ít có há làm được việc ít có hay sao?

TẠI SAO TA THỜ ĐỨC THƯỢNG ĐẾ BẰNG THÁNH TƯỢNG THIÊN NHÃN

Đức Thượng Đế là Đấng toàn năng, toàn tri, vô cùng siêu việt, trí phàm không thể tưởng tượng được cái tinh thể ra sao, nhưng chúng ta tin tưởng Ngài, thì chủ lấy cái động thể của Ngài mà căn cứ cho sự tin tưởng của ta.

Đạo tuy vô hình nhưng phải tạo ra hữu vật để phô bày cái dụng mà thiệt hành cái thể.

Về hình thức Thánh Thượng Thiên Nhãn chỉ là một biểu hiện tôn kính, một tượng trưng tôn giáo thôi.

Nhưng xét về tinh thần, thì lại có nhiều ý nghĩa sâu xa.

Trong Thánh Huấn ngày 25 tháng 2 năm 1926 Đức Chí Tôn giảng cơ dạy rằng:

"... Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng "Con Mắt" mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.

*Nhãn thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị Thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả, Ngã giả.*

"Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho "Thần" hiệp "Tinh-Khí" đặng hiệp đủ "Tam Bửu" là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập Thánh.

"... Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, từ ngày bị bế Đạo, thì luật lệ hời còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên Đình mỗi phen đánh tẩn Thần không cho hiệp cùng Tinh Khí.

"Thầy đến đặng hườn nguyên chơn thần cho các con đắc Đạo. Con hiểu "Thần cư tại Nhãn". Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ. Nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó. Thầy khuyên con mỗi phen nói Đạo, hằng nhớ đến danh Thầy".

Vả chẳng, con mắt là chủ thị quan, tức là biểu hiện sự quan sát cái tâm thức của mình cho thiệt tinh vi, đặng lo đoạn tuyệt tam nghiệp, lục căn mà trở về nguyên bản.

Lại nữa, hồi Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn giáng sanh lập Đạo lại mang lấy xác phàm, nên phải thờ Người bằng cốt Tượng, Tam Kỳ Phổ Độ Đức Chí Tôn chỉ dùng huyền diệu cơ bút mà dựng nên chánh giáo, ấy là một cuộc bán hữu hình, nên thờ Đức Chí Tôn bằng Thiên Nhãn, cũng là cách thờ phượng bán hữu hình đó vậy.

TẠI SAO CHỈ THỜ MỘT THIÊN NHÂN THÔI

Chúng ta thờ Thượng Đế bằng con Mắt phía tả vì tả thuộc Dương mà Đức Thượng Đế chủ về Chơn Dương hay Thái Dương, cũng như Đức Diêu Trì Kim Mẫu chủ về Chơn Âm hay Thái Âm.

Thờ một Thiên Nhân vì Một là tuyệt đối, Một là duy nhất có nghĩa là: Chơn lý vốn Một thôi, đời đời kiếp kiếp con người cứ do một lẽ “Thiên lý lưu hành” là Tôn chỉ bất di bất dịch.

Chủ đích của Đại Đạo là gồm các tôn giáo về Một, vứt bỏ những tin tưởng ở chỗ tiểu dị mà chú trọng ở chỗ tín ngưỡng đại đồng mới biết nhìn nhận, nguồn cội của Vũ Trụ là cái bản thể độc Nhất vô nhị của Đạo, tức Đấng Tạo Hóa.

Vả lại, chỗ lập thuyết của Tam Giáo đều căn cứ ở số Một ấy.

- Đạo Phật thì “*Vạn pháp qui Nhất*” nghĩa là muôn phép đều gom về Một.

- Đạo Tiên thì “*Bảo ngươn thủ Nhất*” nghĩa là giữ Ngươn khí cho đặng Một.

- Đạo Nho thì “*Duy tinh duy Nhất*” nghĩa là học Đạo lý cho tinh giữ tâm chí cho đặng Một.

Xem thế đủ biết Tam Giáo đều chỉ Một chơn lý mà thôi. Vậy thờ Một Thiên Nhân là tượng trưng cái số Một ấy.

HỘI THÁNH

Theo chánh thể của Đức Chí Tôn đã ấn định trong “Pháp Chánh Truyền”, Đại Đạo đại diện bởi một đoàn thể gọi Hội Thánh.

Hội Thánh là một nhóm lương sanh của Đức Chí Tôn tuyển hiệp làm một. Đức Chí Tôn đã dùng quyền Thiêng Liêng dạy dỗ, trước un đúc nơi lòng làm một khiếu tử bi, cho tâm địa có tình ái vật ưu sanh, để làm lợi khí phạm tục mà độ rỗi người phạm tục.

Đức Chí Tôn đã dùng huyền diệu cơ bút dạy dỗ từng người cho có tư cách đứng ra hành Đạo.

Hội Thánh có hai phần tại thế:

1.- Phần hữu hình: là Cửu Trùng Đài thuộc Đờn tức là xác của Đạo.

2.- Phần bán hữu hình: là Hiệp Thiên Đài, nửa Đờn nửa Đạo tức là chơn thần của Đạo.

Về vô vi: Có Bát Quái Đài thuộc Đạo, tức là Hồn của Đạo vậy, xác nhờ chơn thần mà liên lạc với Hồn, thì Cửu Trùng Đài cũng nhờ Hiệp Thiên Đài mà thông công với Bát Quái Đài.

Ba Đài cần phải có đủ thì Đạo mới được toàn thể.

CỬU TRÙNG ĐÀI

Cửu Trùng Đài là Tòa ngự của Chức Sắc Thiên Phong, đối hàm với chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Cửu Trùng Đài là hình trạng Cửu Trùng Thiên, Cửu phẩm Thần Tiên vâng mạng lệnh cầm quyền trị thế, thì Cửu Trùng Đài cũng vưng mạng lệnh cầm quyền quản trị Đạo nơi tay.

Tất cả chơn linh trong càn khôn thế giới phải vào Cửu Trùng Đài đăng đoạt giả trạng sắp đặt nơi ấy mới mong lập Thiên vị mình.

Chẳng vào cửa Đạo hiệp với Cửu Trùng Đài thì chẳng còn đi đường nào khác mà vào Cửu Trùng Thiên cho đăng.

Cửu Trùng Đài do Giáo Tông chưởng quản dưới quyền có: Ba Chương Pháp, Ba Đầu Sư, Ba mươi sáu Phối Sư (trong số này có Ba Chánh Phối Sư) bảy mươi hai Giáo Sư và ba ngàn Giáo Hữu.

Tỷ số này chiếu theo Thiên thư phải có Nhất Phật, Tam Tiên, Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập Nhị Hiền, Tam Thiên Đồ Đệ chưởng quản cơ quy “Tam Giáo Ngũ Chi” hiệp Nhất.

Từ Chương Pháp đổ xuống Chức Sắc Cửu Trùng Đài chia làm ba phái là:

- 1- Phái Thái: về Phật giáo mặc Thiên phục màu vàng.
- 2- Phái Thượng: về Tiên giáo mặc Thiên phục màu xanh.
- 3- Phái Ngọc: về Khổng giáo mặc Thiên phục màu đỏ.

Chức Sắc nữ phái chỉ tới bậc Đầu Sư, Chức Sắc nữ phái mặc thiên phục toàn màu trắng và không chia làm ba phái như bên nam. Chức Sắc nữ phái vốn có quyền tương đương với đồng đẳng nam phái, song phải dưới quyền chưởng quản của Giáo Tông.

Lễ Sanh (Nam và Nữ) là hạng Chức Sắc để lo việc lễ, chưa đứng vào Hội Thánh.

Nhiệm vụ của Chức Sắc Cửu Trùng Đài đều quy định trong “Pháp Chánh Truyền” và “Tân Luật”.

Chú ý: Ba vị Chưởng Pháp vốn Chức Sắc của Hiệp Thiên Đài bổ qua Cửu Trùng Đài cũng như Thượng Phẩm và Thượng Sanh là Chức Sắc của Cửu Trùng Đài bổ qua Hiệp Thiên Đài, ấy là Dương Nội Hữu Nhất Âm, Âm Nội Hữu Nhất Dương.

HIỆP THIÊN ĐÀI

Hiệp Thiên Đài là nơi chuyên về Đạo pháp bảo hộ luật đời và luật Đạo. Hiệp Thiên Đài nắm luật lệ như Ngọc Hư Cung nắm Thiên Điều.

Hiệp Thiên Đài tức là hình trạng Ngọc Hư Cung tại thế.

Hiệp Thiên Đài do Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm, Hiệp Thiên Đài gồm có ba chi: Chi Pháp, Chi Đạo và Chi Thế.

Hộ Pháp Chưởng quản Hiệp Thiên Đài kiêm chỉ huy Chi Pháp dưới có: Bảo Pháp, Hiến Pháp, Khai Pháp và Tiếp Pháp.

Chi Pháp lo bảo hộ pháp luật trong Đạo, chẳng ai hành động qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết.

Thượng Phẩm chỉ huy chi Đạo dưới có Bảo Đạo, Hiến Đạo, Khai Đạo và Tiếp Đạo.

Chi Đạo lo về phần Đạo nơi các Tịnh Thất và Thánh Thất xem sóc và bệnh vực chư môn đệ của Đức Chí Tôn.

Thượng Sanh chỉ huy chi Thế, dưới có: Bảo Thế, Hiến Thế, Khai Thế và Tiếp Thế.

Chi Thế lo bảo hộ chư môn đệ của Đức Chí Tôn về phần đời.

Mười hai vị Bảo, Hiến, Khai, Tiếp gọi là “Thập Nhị Thời Quân” đối hàm với “Thập Nhị Thời Thần”.

Hiệp Thiên Đài còn có “Thập Nhị Bảo Quân” tức là Hàn Lâm Viện của Đạo cùng nhiều Chức Sắc phụ thuộc khác như: Luật Sự, Sĩ Tài,...

Trên đây là sử dụng phàm trần của Hiệp Thiên Đài.

Về sử dụng Thiêng Liêng, Hiệp Thiên Đài là nơi Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật đến tiếp xúc với Hội Thánh, hễ Đạo còn, Hiệp Thiên Đài vẫn còn. Điều hệ trọng là nếu không có Hiệp Thiên Đài thì Đạo không có xuất hiện. Trời Đất qua, chớ Đạo không qua, nhân loại tuyệt chớ Hiệp Thiên Đài chẳng tuyệt.

Hiệp Thiên Đài lại là nơi Giáo Tông đến thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Lục Thập Thất Địa Cầu và Thập Điện Diêm Cung mà cầu siêu cho nhân loại.

Ba Chi trên của Hiệp Thiên Đài: Thế, Pháp, Đạo tượng trưng ba giai đoạn tấn hóa của phép tu, ai tu đúng theo luật, hành theo pháp mới được thể nhân ca tụng công đức mình, ấy là Đắc Thế.

Đắc Thế rồi còn phải tầm Chơn Pháp đặng cứu chữa, dạy dỗ nhơn sanh đúng theo Tâm Pháp, nếu mình Hành Pháp được hiển linh thì nhơn sanh ngưỡng mộ, ấy là Đắc Pháp.

Đắc Pháp rồi phải tầm hiểu chỗ nhiệm màu của Đạo vô vi để tự giải thoát luân hồi, ấy là **Đắc Đạo**.

BÁT QUÁI ĐÀI

Bát Quái Đài tại Tòa Thánh là nơi thờ phượng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cùng Chức Sắc và Tín Đồ qui vị cho trọn phép Trời Người hiệp Nhất.

Các Đấng Thiêng Liêng thờ phượng nơi Bát Quái Đài là các vị Giáo Chủ của Tam Giáo, Ngũ Chi, cùng các vị thay mặt tôn giáo mà hành Đạo trong buổi “Tam Kỳ Phổ Độ” cho nên cách thờ phượng sắp đặt nơi đây chủ về ý nghĩa Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất.

Đã nói Bát Quái Đài là Hồn Đạo mà Đức Chí Tôn vẫn nắm phần Hồn và làm chủ Bát Quái Đài, thì Đạo chẳng khi nào còn chịu dưới quyền phàm nữa, cho nên Đức Chí Tôn đã nói: “Không chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa” là vậy.

Cơ màu nhiệm của Đạo là do chỗ Đức Chí Tôn mở cửa Bát Quái Đài cho các chơn linh đã tự mình lập vị nơi Cửu Trùng Đài vào tận Bát Quái Đài mà hiệp một cùng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Cửu Trùng Đài chỉ cách Bát Quái Đài có một cánh cửa như Niết Bàn cách phàm trần có một xác thân. Cánh cửa ấy nay đã mở thì cơ đắc Đạo tại thế đã mở ra rồi vậy.

Cửu Trùng Đài lo phần độ rỗi chúng sanh, thì Bát Quái Đài lo phần siêu rỗi.

Cửu Trùng Đài: do pháp luật mà hành Đạo đặng độ rỗi chúng sanh.

Hiệp Thiên Đài: lo bảo tồn pháp luật. Về sở dụng Thiêng Liêng.

Bát Quái Đài: nắm Thiên điều làm cân thường phạt Thiêng Liêng.

1.- Cửu Trùng Đài: là ngôi vị Thánh, Thần, Tiên, Phật của Đức Chí Tôn sắp sẵn tại thế cho Chức Sắc Thiên Phong cũng như bốn Đạo đoạt thủ. Cửu Trùng Đài tức là Cửu Trùng Thiên tại thế.

2.- Hiệp Thiên Đài: là Thiên môn mở rộng ra rước cả nguyên nhơn trở về cựu vị, và giúp cho cả hóa sanh

đến tranh đoạt phẩm vị Thiêng Liêng ấy là cái ngổ hiệp các chơn linh trong toàn thế giới.

Hiệp Thiên Đài là Ngọc Hư Cung tại thế.

3.- Bát Quái Đài: là tòa ngự của Thần, Thánh, Tiên, Phật dưới quyền chưởng quản của Đức Chí Tôn tức là Thiên Triều, là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

TÔN CHỈ CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Quy Tam Giáo, Hiệp Ngũ Chi. Qui hiệp để làm gì? Để chung hiệp nhau mà phổ độ chúng sanh.

Đành rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có giáo lý và tâm pháp mật truyền riêng, nhưng tôn chỉ là quy Tam Giáo hiệp Ngũ Chi nên lý thuyết có một phần rút trong tinh ba của lý thuyết các tôn giáo, cốt để thực hành cái tôn chỉ ấy. Vì vậy mà dung hòa và nạp dụng những giáo lý bất câu của Đạo nào đã được công nhận là chơn lý, vì chơn lý chỉ có một mà thôi. Đồng thời Đại Đạo có trách nhiệm thuyết minh những lý thuyết đã bị người đời hoặc vì tranh cãi hoặc vì hiểu lầm mà sai biệt chơn truyền.

Thực hành tôn chỉ “*Qui nguyên phục Nhất*” là thừa nhận các tôn giáo đều một gốc mà ra, đều tôn sùng một Đấng Chúa Tể tức Ông Cha chung, mặc dù mỗi nước vì khác ngôn ngữ mà xưng tụng bằng danh hiệu khác nhau.

Đức Chí Tôn đã dạy:

“Nhiều đạo cũng như cái nhà, phải có nhờ nào là cột cái, nào là cột con, đòn tay, kèo, rui. Rui là nhỏ, mỏng mảnh hơn hết, mà cũng phải nhờ nó, tuy là kẻ cho nhiều tên, chớ cất rồi thì có một chủ ở mà thôi”.

CHỦ NGHĨA CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Hai yếu điểm của chủ nghĩa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Bác Ái và Chí Thành.

Đức Chí Tôn đã dạy:

“Đạo gốc tại lòng bác ái và chí thành”

Bác Ái: Là lòng đại từ đại bi thương xót sanh linh hơn thân mình cho nên kẻ có lòng bác ái coi mình nhẹ như mảy lông, mà coi thiên hạ trọng bằng Trời Đất.

Còn **Chí Thành** là lòng thành thật đem đến cực điểm mà đối đãi ngoài đời và trong đạo.

Lòng bác ái của Đức Khổng Tử gốc ở điều Nhân mà Đạo Nhân thì lấy sự thương yêu làm trọng.

Ở Chúa Giêsu lòng bác ái không hạn chế ở sự giúp đỡ, ban phước và giải nạn, mà còn tự đem mình chịu khổ trên Thập Tự Giá để cứu chuộc tội lỗi cho chúng sanh.

Lòng bác ái của Đức Chí Tôn vốn không tận cùng như Người đã dạy sau đây:

“... Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.”

Trong một Thánh giáo khác, Đức Chí Tôn lại dạy:

“Thầy thường nói với các con rằng Thầy là cha của sự yêu thương, Do bởi thương yêu, Thầy mới tạo thành thế giới và sanh dưỡng các con.

Vậy thì các con sản xuất nơi sự yêu thương, các con là cơ thể của sự yêu thương.

Ấy vậy, sự thương yêu là giếng bảo sanh của càn khôn thế giới. Bởi sự yêu thương mà vạn loại hòa bình, càn khôn an tịnh, mới không thù nghịch nhau. Không thù nghịch nhau, mới không tàn hại nhau. Không tàn hại nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa.

Còn kẻ nghịch cơ sanh hóa là gì?

- Là Quỷ Vương đó, Quỷ Vương vốn là tay diệt hóa. Cũng như có sống của Thầy ắt phải có chết của Quỷ Vương.

Quỷ Vương lấy cơ thể nào để tàn hại các con?

- Ấy là sự ghét vì ghét nhau vạn loại mới nghịch lẫn nhau, nghịch lẫn nhau mới tàn hại lẫn nhau, mà tàn hại lẫn nhau là cơ diệt thể.

Vậy Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu thì cũng chẳng đáng ghét nhau”.

Tóm tắt bài Thánh giáo này chúng ta có thể nói:

Thương người, thương vật là gần Trời,

Ghét người, ghét vật là gần Quỷ Vương.

TẠI SAO CHÚNG TA THƯƠNG CẢ NHƠN LOẠI

Trên mặt địa cầu nhơn loại sở dĩ chia ra thành nhiều giống là bởi phong thổ cùng khí hậu mỗi xứ khác nhau, song chỉ khác về hình thức thôi, nhưng về Thiên Đàng thì ai cũng thọ của Thượng Đế một điểm linh quang (Hồn) nhờ đó mà sanh sống, mà tri giác. Thế thì cả nhân loại đều là con một cha. Là con một cha, tất phải thương yêu nhau mới phải Đạo, song ngày nào còn thấy nhân loại dùng binh lực để xô xát lẫn nhau, ngày nào còn thấy sức mạnh đè ép sức yếu, ngày ấy thế giới hòa bình chỉ là cái không tưởng mà thôi. Phải đi sâu vào tâm hồn người để tìm cội rễ của sự trạng ấy: tánh ích kỷ, lòng tham dục, óc tranh đấu, chiếm đoạt và cái quan niệm sai lầm về danh lợi chính là bao nhiêu động lực xô đẩy loài người vào cuộc cắn xé lẫn nhau.

Từng ấy, bản năng không thể dùng võ lực đàn áp được. Cần có một nền luân lý, một tôn giáo cao thượng cảm hóa được lòng người và gieo vào đây chút tình bác ái.

Bác ái là nền tảng của một tôn giáo chọn chánh. Tôn giáo tức là tình thương nhân loại vì thương nhân loại tôn giáo mới phục vụ nhân loại, mới lo cứu rỗi linh hồn của nhơn loại.

Thật tế mà nói, chúng ta không thể thương tất cả mọi người cùng một mức độ. Sự thương yêu phải khởi từ thân đến sơ, từ gia đình đến làng mạc, từ làng mạc đến quốc gia, từ quốc gia đến quốc tế. Và lại có người ta vừa gặp mặt là thấy không thể nào ta có thiện cảm được. Có người vừa thấy là ta muốn tránh xa, lại cũng có người tánh tình hung tợn, nói năng thô bỉ mà đối với họ ta càng phải dè dặt từng chút. Nhưng đó có phải là lý do chính đáng cho chúng ta nếu thiếu tình thương yêu với họ chẳng? Không. Dầu sao, họ với chúng ta cũng vốn là con một cha. Họ là những người hoặc thiếu giáo dục, hoặc đã chịu ảnh hưởng xấu của hoàn cảnh, hoặc lúc ấu thơ không được hưởng tình yêu đầm ấm của gia

đình. Nhưng trong tâm hồn họ bao giờ cũng tiềm tàng một điểm thiên lương. Hãy đánh thức điểm thiên lương ấy, họ sẽ là người khả ái.

Đấy là việc phải làm của những Chức Sắc lãnh sứ mạng phổ độ chúng sanh. Mà phổ độ tức là cụ thể hóa tình thương yêu nhân loại vậy. Tình thương minh mông như trời biển, bao gồm vạn vật, cũng như ánh thái dương soi ấm vạn vật mà chẳng sót vật nào.

Thương yêu nhân loại, tức là thể theo đức hạo sanh của Thượng Đế. Mọi hành vi của bậc chơn tu đều thấm dần đạo đức. Hành vi ấy chẳng những do bản phận mình sai khiến, mà còn để tình thương ấy đối với Thượng Đế.

Cũng như con thảo không làm điều quấy, không phải vì điều ấy quấy, mà vì không muốn trái với cha mẹ, cho nên lòng tín ngưỡng tôn giáo, cũng như lòng hiếu thảo, có một ảnh hưởng hiệu nghiệm và cứu rỗi về tinh thần.

Đức Chí Tôn có dạy:

“Sự thương yêu là giống bảo sanh của càn khôn, thể giới bởi sự yêu thương yêu mà vạn loại hòa bình, càn khôn an tịnh, đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, không thù nghịch lẫn nhau mới không tàn hại nhau, không tàn hại nhau mới giữ bền cơ sanh hóa”.

Tình thương! giản dị thay danh từ ấy! mà cũng lớn là hữu ích thay! Vì tình thương là nguồn hạnh phúc, là cơ cấu hòa bình, Nhưng thiếu tôn giáo để làm nền tảng thì tình thương chỉ là một danh từ rỗng tuếch.

CỨU CÁNH CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Đức Chí Tôn lập Đạo cứu cánh là mở cho nhân loại con đường giải thoát luân hồi, tức là con đường công quả, mà tất cả người Đạo, từ tín đồ đến Chức Sắc phải noi theo đặng lập công bồi đức bằng cách quen mình phổ độ chúng sanh.

Đức Chí Tôn đã dạy:

“Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc đạo cùng chẳng, tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn.... Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình, thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ.”

Đức Chí Tôn còn buộc mỗi Tín Đồ phải độ ít nhất là 12 người vào Đạo.

Nếu có ai thắc mắc hỏi: “Người đi phổ độ lập công quả, rủi nửa chừng chết đi, thì cơ đắc Đạo lấy đâu mà chứng chắc?”.

Xin đáp: “Phẩm vị Thiên Liêng vốn có nhiều đẳng cấp là: Thần, Thánh, Tiên, Phật. Chúng ta do công tu mà tiến lên đẳng cấp ấy. Công tu nhiều, tức đắc quả cao, công tu ít tức đắc quả thấp, không một mảy nào sai chạy. Nếu công tu của mình vì chết nửa chừng mà mất, thì cơ màu nhiệm tấn hóa không nghĩa lý gì, mà cán cân công bình Thiên Đạo cũng hóa ra chình lệch. Phương chi Đức Chí Tôn đã chỉ rõ điều kiện đắc quả cho chúng ta biết, thì chúng ta cứ vững lòng hành Đạo theo Thiên mạng và Thiên chức của mình, lo chi không đắc kỳ sở nguyện.

Các bậc cao minh trí thức có thể chuyên chú về đường tự giác, lo khảo cứu và học hỏi để tìm hiểu chơn lý nhưng bao giờ cũng lấy công quả làm nền tảng cho việc tu hành, nhất là phải trừ bản ngã, là cái vô cùng trở ngại cho bước đường tiến hóa.

ĐẠI AN XÁ

Nơi Tòa phán xét (Nam Tào) từ những tư tưởng, những lời nói cho đến hành vi của con người, nhất thiết đều ghi chép hẳn hoi, cho nên một mảy không bỏ qua, dù lành đều báo ứng. Luật như quả rất mực công bình, mà cơ hành luật lại càng chặt chẽ.

Thế thì con người ở cõi phàm gian, với những hành động hằng ngày, tránh sao khỏi tội tình nghiệp báo? Tạo nhưn tất phải thọ quả, con người cứ trả hết rồi vay, thì thế nào thoát nạn luân hồi.

Nhưng mỗi lần khai Đạo là mỗi lần Đức Chí Tôn đại ân xá, nghĩa là ban cho con người biết hồi đầu hướng thiện và lo việc tu hành, một ân huệ lớn lao nghĩa là những tội lỗi của họ đã chổng chất từ mấy kiếp trước được Ông Trên bôi xóa và cho họ làm một Tân Dân trong cửa Đạo, với một “tư pháp lý lịch” còn trinh bạch. Nhờ vậy người nhập môn hành Đạo mới rảnh nợ tiền khiên, chỉ lo trau dồi đạo hạnh và lập công bồi đức là đấng Đạo trong một kiếp tu.

Hạ nguơn này, Đức Chí Tôn lập Đạo kỳ ba nên mới có Đại Ân Xá kỳ ba.

Phép “giải oan”, phép “cắt dây oan nghiệt” phép “độ thẳng” và các phép bí tích khác của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, được đem áp dụng trong sự thi hành luật Đại Ân Xá đó vậy.

CÚNG TỬ THỜI CÓ ÍCH CHO CHÚNG TA NHỮNG ĐIỀU GÌ?

Người không biết Đạo cho rằng cúng kiến là dấu hiệu ỷ lại Thần quyền.

Là người trong cửa Đạo ta đủ kinh nghiệm để tin chắc rằng cúng kiến có một tác dụng rất hay về mặt tinh thần đạo đức. Vì thế mà tôn giáo nào cũng trọng sự cúng kiến.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có định lệ cúng Tứ Thời, Tý Ngọ cúng rượu, vì rượu tượng trưng nguồn khí, mà Tý Ngọ là nguồn khí của Trời Đất hưng thịnh, Mẹo Dậu cúng trà, vì trà tượng trưng nguồn thần, mà Mẹo Dậu là giờ nguồn thần của Trời Đất hưng vượng.

Ở thế kỷ văn minh vật chất này, nhiều sự ồn ào náo nhiệt làm cho đạo tâm xao lãng. Nào là nỗi sớm lo chiều liệu trong đời sống vật chất, nào là cuộc bi thương, hoan lạc, mỗi mỗi đều làm cho người yếu đức tin để xa lìa mối Đạo. Vậy cần phải có phương pháp nào để nhắc nhở và nâng đỡ con người khỏi thất Đạo. Cái phương pháp thần diệu ấy là cúng Tứ Thời đó vậy.

Cúng Tứ Thời là để khép mình vào khuôn lễ giáo và thanh tịnh kiềm chế con tâm không cho phóng túng để giữ được trạng thái hư không mà chẳng sanh vọng niệm. Càng cúng Tứ Thời, đạo tâm càng phấn khởi.

Thất Nương, một vị Nữ Phật tại Diêu Trì Cung đã dạy:

“Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi”.

Câu “Nam mô Phật” nhắc chừng chúng ta phải thành kính tưởng niệm Đấng Toàn Giác mà học tập theo trong muôn một.

Câu “Nam mô Pháp” gọi cho chúng ta cái niệm tưởng về Đạo Pháp hằng phải tuân theo để tu cho đúng cách.

Câu “Nam mô Tăng” nhắc nhở chúng ta phải trọn lòng thành kính với Giáo Hội Tăng Già, tức Hội Thánh, mà những lời chỉ giáo đáng làm khuôn vàng thước ngọc

cho chúng ta noi theo để mỗi ngày tăng cao đạo đức và học vấn của mình.

Bài “Khai Kinh” nhắc cho chúng ta nhớ hằng ngày cái tôn chỉ cao siêu của Tam Giáo “*Gốc bởi lòng làm phải làm lành*” và câu “*Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh kinh*” dạy chúng ta trước khi vào châu Đức Chí Tôn, phải giữ mình hoàn toàn trong sạch, chẳng những trong sạch về thể xác, lại còn trong sạch về tâm hồn. Mà mỗi ngày giữ được bốn lần như thế, không phải là quý hóa lắm sao?

Đức Chí Tôn đã dạy:

“Phải thường hỏi lấy mình khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa mà lương tâm có điều chi cần rút chằng? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương tâm chưa đặng yên tịnh, thì phải biết cải quá, rán sức chuộc lấy lỗi đã làm, thì các con có lo chi chằng bị bực Chí Thánh. Thầy mong rằng mỗi đứa đều lưu ý đến sự sửa mình ấy, thì lấy làm may mắn cho nền Đạo; rồi các con sẽ đặng thông dong mà treo gương cho kẻ khác...”

Vậy cúng Tứ Thời cũng là phương pháp kiểm soát việc làm hằng bữa để răn lòng sửa tính.

Lại mỗi lần cúng Tứ Thời, chúng ta gom tất cả năng lực của đức tin để tưởng Trời, tưởng Phật, tức là dùng tư tưởng mà cảm thông với Trời Phật và tiếp diễn lành từ trên ban xuống, cho tâm hồn thấm tươi, trong sạch nhẹ nhàng mà ứng hiệp với cơ mầu Tạo Hóa.

Cúng Tứ Thời có ích cho chúng ta sở dĩ là thế.

MƯỜI HAI ĐIỀU TÍN NGƯỠNG CĂN BẢN CỦA ĐẠI ĐẠO

1.- Thượng Đế là Đấng tạo ra Càn Khôn, Vũ Trụ và hóa sanh vạn vật. Nhân loại phải tín ngưỡng kính trọng Thượng Đế và trong các hành động nhất nhất phải tùng Thiên Luật.

2.- Là Đại Từ Phụ, Thượng Đế không bao giờ hành phạt chúng sanh toàn là con cái yêu thương của Người. Nhưng vì phép công bình, Thượng Đế lập luật “Nhơn Quả” làm cân thưởng phạt Thiêng Liêng. Chúng sanh do chỗ hành động mình mà rước lấy họa phước.

3.- Lòng từ bi của Thượng Đế không nở để chúng sanh không rõ Thiên Điều mà phạm tội nên từ thượng cổ Người đã phân tánh giáng trần lập Đạo dạy dỗ chúng sanh biết điều thiện mà làm, điều ác mà tránh, và dùi dắt bát phẩm chơn hồn tiến hóa lên đến chỗ cực điểm. Nhưng nếu lòng người mê muội, không hồi đầu giác ngộ thì hình phạt phải cam.

4.- Thượng Đế chương quản Càn Khôn vũ trụ.

5.- Luân hồi là cơ tấn hóa của bát phẩm chơn hồn. Trong mỗi kiếp tái sanh các chơn linh gây ra nghiệp duyên, nên tái sanh buộc phải thọ quả. Vì vậy mà luân hồi và quả báo đi đôi.

6.- Thần, Thánh, Tiên, Phật, trước vốn là người phạm nhờ tu mà đắc quả. Vậy thì tất cả phạm nhơn ai cũng có thể làm Tiên, Phật nếu biết tu, Nhất là gặp “Tam Kỳ Phổ Độ” ban hành luật Đại Ân Xá, chúng sanh được may mắn “tu nhất kiếp, ngộ nhất thời”.

7.- Phạm nhơn là Hồn tại thế. Âm nhơn là Hồn giải thể cho nên Phạm nhơn và Âm nhơn có thể thông công bằng cơ bút, đồng cốt, hoặc phương thế nào khác.

Người tu luyện đến bậc cao siêu có thể xuất chơn thần thông công với các Đấng Thiêng Liêng hoặc luyện đắc “Nhãn thông” và “Nhĩ thông” mà thấy và nghe được.

8.- Vật chất tan rã rồi hợp thành một thể khác, duy chơn hồn là trường tồn và tuần tự tấn hóa đến mực cuối cùng là chỗ chí thiện.

9.- Âm nhơn là hồn mới giải thể còn quuyến luyến hồng trần, chưa thoát được buồn vui đau khổ, bởi còn mang cái chơn thần là chan chứa tình cảm. Âm nhơn cần có thân nhơn tụng kinh cầu nguyện cho họ được an ủi mà bớt đau khổ.

Kinh Cầu Siêu rất linh nghiệm, vì mỗi tiếng tụng lên vốn có sức rung động huyền diệu vô cùng. Sức rung động đó hiệp với sức tư tưởng mạnh mẽ và thành kính của người tụng kinh gây thành một mãnh lực phi thường, đánh tan chơn thần của Âm nhơn giúp họ mau giải thoát đau khổ và hình phạt Thiêng Liêng.

10.- Con người thọ sanh tại thế đều có số mạng định đoạt, do nghiệp duyên của mình đã tạo ra trong kiếp trước. Cho nên người biết Đạo bao giờ cũng an phận tùy duyên, chẳng vì nghèo túng mà trễ nải việc Đạo.

Nếu con người biết chuyên làm lành lánh dữ cùng tu âm chất trong kiếp dương sanh, thì có thể chuyển hoá ra phước. Định mạng là Trời, mà lập mạng là ta vậy.

11.- Tân Luật có ảnh hưởng rất lớn lao về Tiên phong Phật sắc của người tu trong Đại Đạo, chẳng giữ “Tân Luật” là trái phép Đạo mà trái phép Đạo không bao giờ vào được Bạch Ngọc Kinh.

12.- Muốn đắc quả, phải dự thi ở trường thi “công quả” nghĩa là phải phổ độ chúng sanh không làm đặng thể này phải tìm thể khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt được phẩm vị Thiêng Liêng.

CƠ KHẢO THÍ

Có trường thi “công quả” tất có “khảo thí” theo phép công bình Thiên Đạo. Phạm muốn đoạt thủ ngôi vị phẩm nơi trường thi ấy, người hành Đạo phải có công lao xứng đáng và phẩm hạnh hoàn toàn. Chịu thử thách mà không sa ngã, mới đáng đăng tên vào Tiên tịch.

Vì lẽ công bình, Đức Chí Tôn buộc phải để cho Ma Vương cám dỗ. Kẻ nào kém đạo hạnh phải sa vào cạm bẫy.

Thường thường chánh tà tương khắc. Hễ Đạo khai thì tà khởi, Đạo không ma khảo, Đạo khó thành. Ma không Đạo khai, ma không được dịp mở cơ thịnh vượng.

Ma khảo có nhiều cách, đại khái như:

- 1.- Mạo danh Tiên Phật, đòi ban huyền diệu, cốt mê hoặc người phải xa chánh Đạo.
- 2.- Dục người thấy sắc đẹp mê sa, thấy tài vật ham muốn.
- 3.- Hóa việc lạ lùng quái gở cho người bỏ dở công phu.
- 4- Chiêu theo sở dục con người mà cám dỗ, tức là đánh ngay chỗ yếu của người.
- 5.- Bày bố những khó khăn gay cấp cho người thối chí ngã lòng.

Đức Chí Tôn đã cho biết trước:

“... .., chung quanh các con, dầu xa, dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp; chúng nó chẳng hề thấy đáng, là đạo đức của các con.

Ấy vậy rón gìn giữ bộ thiết giáp ấy hoài cho tới ngày các con hội hiệp cùng Thầy.

Nghe và rón tuân theo.”

Đường đã trải qua, chúng ta thấy rõ tu hành gặp không biết bao trở lực. Nào là người hữu ý hay vô tình

kích bác, cho đến bà con cật ruột cùng bạn thân yêu buổi trước, mà nay thấy chúng ta tu hành, họ cũng đem lòng nhạo báng. Nào là gây điều khó dễ, mong phá hoại việc tu.

Trong khi lập công bồi đức, chúng ta lại gặp nhiều nghịch cảnh tiền tài thốn thiếu, tật bệnh triền miên hoặc những nỗi bất bình những điều thống khổ dễ khiến chúng ta ngã lòng thối bước, nếu không nhẫn nại và vững đức tin.

Những chướng ngại trên đây là sự trạng của Cơ Nghịch Khảo.

Lại cũng có khi chúng ta sa ngã vì sắc đẹp, vì danh vọng, vì lợi quyền là những cạm bẫy để quyền rũ con người vào đường tội lỗi mà thất Đạo.

Đó là Cơ Thuận Khảo.

Tóm lại, Cơ Đạo có nghịch khảo và thuận khảo là hai phương pháp tôi luyện lòng người tu hành cho ra cao thượng. Vàng không trui lửa, ai biết vàng cao? Ngọc chẳng giùi mài ai hay ngọc quý?

Chúng ta tin chắc rằng mỗi lần bị khảo mà không ngã là mỗi lần chúng ta được lên được một nấc thang tấn hóa đó.

Vậy người tu hành phải chịu luật khảo thí và phải kiên tâm trì chí lướt qua mọi thử thách, tự tin và bền chí là bí quyết thành công.

KHÁI QUÁT VỀ TỬ GIÁO

Tổng niệm:

Thiên thơ đã định cho nước Việt Nam chịu ách đô hộ của Trung Hoa ngót một ngàn năm rồi nước Pháp ngót tám chục năm. Phàm phong tục và tín ngưỡng đều do học thuật và tôn giáo mà ra mà nước Việt Nam đã theo học thuật và tôn giáo nước Trung Hoa là Nho, Thích, Đạo và của nước Pháp là Thiên Chúa giáo, tất nhiên đã hấp thụ tư tưởng và tín ngưỡng của bốn giáo ấy.

Vậy ta thử xét qua các trào lưu tư tưởng trên đây mà tính họ đã thấm nhuần quốc hồn và quốc túy của chúng ta.

KHỔNG GIÁO

Đạo của Đức Khổng Tử lập ra gọi là Khổng giáo. Đức Khổng Tử sanh nhằm đời nhà Châu, gặp hồi Ngũ bá tranh hùng, nhơn dân đồ thán, phong tục suy đồi nên chủ trương của Người thiên về thực tế rất nhiều. Người định đem luân thường đạo đức dạy người đời đối xử nhau như thế nào cho hợp lẽ phải, chớ không truyền bá những lẽ huyền vi u ẩn, những điều này Người chỉ truyền riêng cho các bậc cao đồ thôi. Người lập ra lễ nhạc tiêu biểu cho phép trật tự và luật điều hòa của Trời Đất.

Học thuyết của Khổng giáo: Đức Khổng Tử tin có Trời, có Quỷ Thần, có cơ báo ứng.

Theo Ngài, Trời là Đấng vô hình mà Ngài gọi là Lý. Lý ấy rất linh động, rất cường kiện cao minh, chúa tể cả Vũ Trụ. Lấy chỗ cùng tốt mà nói thì gọi là Thái cực, lấy nghĩa bao quát thế gian thì gọi là Thiên, lấy nghĩa làm chúa tể vạn vật thì gọi là Đế. Ấy vậy, theo quan niệm của Khổng Tử trời là Đấng Thái Cực hay Thượng Đế.

Người kế vị đắc lực cho Đức Khổng Thánh là ông Mạnh Kha (Mạnh Tử) là bậc Á Thánh.

Những sách làm nền tảng cho tư tưởng học thuyết của Khổng Mạnh là Tứ Thư và Ngũ Kinh:

Tứ Thư: Tứ Thư gồm có Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ và Mạnh Tử.

Sách Đại Học chép những lời khuyên của Đức Khổng Tử, mô tả nhiệm vụ của người quân tử, là trau dồi đức tánh của mình để giúp người khác trong việc tu nhân, mà cứu cánh là đến chỗ chí thiện. Ngay ở trương đầu sách có câu: “Đại học chi Đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện”. Nghĩa là “Cái Đạo của người theo Đại học là phát huy cái đức sáng của mình, để cải hóa người dân đi đến chỗ chí thiện”.

Sách Trung Dung dạy người đời ăn ở đúng mực trung, không thái quá mà cũng không bất cập.

Sách Luận Ngữ mô tả tánh tình, cử chỉ của người quân tử trên đời sống thực tế.

Sách Mạnh Tử: (Do Mạnh Tử viết ra) Luận về luân lý, giáo dục, chánh trị và kinh tế.

Ngũ Kinh: Ngũ Kinh gồm có Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ và Kinh Xuân Thu.

Kinh Thi ghi chép các bài thơ phú, các bài ca dao do Đức Thánh sưu tầm và chọn lọc, góp thành một quyển sách có ảnh hưởng lớn về tinh thần đạo đức.

Kinh Thư là sách trong đó Đức Thánh sao lục các điển, mô, huấn, cáo, thệ, mạng, của các triều từ Nghiêu Thuấn đến đời Đông Châu.

Kinh Dịch giải thích lẽ biến hóa của Trời Đất và sự hành động của muôn vật.

Kinh Lễ ghi chép các lễ nghi trong gia đình, trong hương đảng và trong triều chánh.

Kinh Xuân Thu là sử ký nước Lỗ do Đức Thánh san định lại.

Tổng luận:

Học thuyết Khổng giáo hay Nho giáo là căn bản nền tảng luân lý cổ truyền của nước Việt Nam. Quan niệm về Đạo làm người của Nho giáo đã ăn sâu vào tâm hồn quần chúng. Cho nên, dù sang trọng hay bần hàn, ai cũng tự thấy cần phải lấy nghĩa hơn, thành thật mà cư xử lẫn nhau. Ai làm trái lại, tức là vi phạm luật danh dự do Đạo làm người nêu ra, nếu họ lấy làm xấu hổ trước tòa án dư luận.

Đành rằng luân lý cổ truyền có một vài điểm không còn thích hợp với trào lưu tiến hóa của con người hiện tại, nhưng không nên vì thế mà ta bỏ hẳn cái luân lý quý hóa ấy đã lưu lại cho ta biết bao gương anh hùng, liệt nữ và đạo đức thanh cao.

PHẬT GIÁO

Sau khi Đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn, Đạo Phật chia làm hai Tông: Bắc Tông hay Đại Thừa xu hướng về duy tâm, được quảng đại quần chúng về theo. Nam Tông hay Tiểu Thừa thiên về duy vật và lập thuyết theo khoa học và lý trí. Tông này lại được một số trí thức trong nước hoan nghênh.

Đạo Phật Bắc Tông được bành trướng ở nước Việt Nam dưới hai triều Lý, Trần, tức từ đầu thế kỷ XI (thứ 11) đến cuối thế kỷ XIV (thứ 14), nhưng về sau lại suy kém hơn Nho giáo. Mãi đến ngày nay, Đạo Phật lại phục hưng trong khi Nho giáo gần như lu mờ.

TỨ ĐIỀU ĐỀ: Phật cho đời là khổ nên Đạo của Ngài là Đạo cứu khổ. Lần thuyết pháp đầu tiên của Ngài gọi là Chuyển Pháp Luân, Ngài đề xướng thuyết Tứ Diệu Đề gồm có: Khổ Đề, Tập Đề (hay Nhơn Đề), Diệt Đề và Đạo Đề.

Về **Khổ Đề**, Ngài dạy: “*Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, cái gì không ưa mà hợp là khổ, cái gì ưa mà phải lìa là khổ, cái gì muốn mà không được là khổ, nói tóm lại, triền miên trong ngũ trược là khổ*”.

Về **Tập Đề**, Ngài dạy: “*Nguyên nhân sự khổ là lòng tham sống: Vì tham sống nên cơ luân hồi sanh tử, càng tham càng muốn, càng được càng tham*”.

Về **Diệt Đề**, Ngài dạy: “*Diệt khổ phải tiêu trừ cho hết lòng tham dục*”.

Về **Đạo Đề**, Ngài dạy: “*Đạo diệt khổ tức là Đạo Bát Chánh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tiến, chánh niệm, chánh định*”.

Đó là chỗ bí yếu của Đạo diệt khổ mà Đức Thích Ca xưa đã tìm ra. Giữ được tám điều chánh ấy, thì là minh chánh. Chánh thì tịnh, tịnh thì an thì sáng, sáng thì thông, thông thì đắc đạo. Đắc đạo là hết già, hết bệnh, hết phiền não, hết nghiệp báo luân hồi, hết trì trệ theo

giả tướng, mà trở lại bản thể Chơn Tâm vào cõi Niết Bàn.

Thập Nhị Nhơn Duyên: Trong đệ nhị đề (nhơn đề) có nói nguyên nhơn sự khổ là lòng tham dục. Vậy tham dục bởi đâu mà ra? Bởi sự vô minh, nghĩa là mê muội không thấu rõ lẽ tử sanh. Có lẽ các bậc cao đồ của Đức Phật dựa theo đó mà đề xướng một thuyết khác để tiếp thụ và giải thích cho rõ thuyết Tứ Diệu Đề thuyết ấy là “Thập Nhị Nhơn Duyên”.

Nhơn duyên là sao? Là nhơn cái này mà sanh ra cái kia, Tỷ thí hạt giống gieo xuống đất nứt mộng lên cây mà kết quả. Nhưng kết quả được là nhờ có duyên. Duyên là vật giúp cho nhơn để kết quả. Vậy hạt giống là nhơn, nước, đất, phân, tro là duyên.

Trong thập nhị nhơn duyên, cái này sinh ra cái kia và cứ liên tiếp nhau như một chuỗi.

Mười hai nhơn duyên, cứ theo thứ tự, xin kể ra đây:

- 1.- Vô minh: nghĩa là tối tăm mê muội.
- 2.- Hành: nghĩa là hành động.
- 3.- Thức: nghĩa là nhận thức, biện biệt.
- 4.- Danh sắc: nghĩa là hình danh, sắc tướng.
- 5.- Lục nhập: nghĩa là sáu giác quan, gồm có ngũ quan là mắt, mũi, miệng, tai, tay thêm giác quan thứ sáu là trí tuệ.
- 6.- Xúc: Nghĩa là cảm xúc.
- 7.- Thọ: nghĩa là cảm giác tiếp thọ của ngoại vật.
- 8.- Ái: nghĩa là yêu mến, tức là lòng tham dục.
- 9.- Thủ: nghĩa là ham mê, quyến luyến sự sống
- 10.- Hữu: nghĩa là có xác thân có sống ở đời.
- 11.- Sanh: nghĩa là sanh ra ở cõi đời này
- 12.- Lão tử: nghĩa là già rồi chết.

Những nhờn duyên ấy quan hệ với nhau đại thể như thế này: Vì mê muội (vô minh) mới sanh ra hành động (hành), có hành động sanh ra nhận thức (thức) v.v...

Triết lý Đạo Phật hồi nguyên thì đại để có hai thuyết Tứ Diệu Đề và Thập Nhị Nhơn Duyên. Về sau mới có thuyết vô ngã, không sắc, sắc không, v.v...

Tổng luận:

Vì Đạo Phật cho đời là biển khổ, nên có người lầm cho là yếm thế (chán đời). Tuy Đạo Phật cho đời là biển khổ nhưng không khổ vì vậy mà để cho chúng sanh trầm luân mãi mãi. Đạo Phật dạy phải tinh tấn mạnh bạo mà thoát khổ thì đâu phải là yếm thế? Đạo Phật gốc ở sự khổ mà ngọn là phép cứu khổ.

Bốn đức tánh: Đại từ, đại bi, đại nguyện, đại lực là bốn yếu tố của tinh thần Đạo Phật.

ĐẠO GIÁO

Đạo Giáo là do Đức Lão Tử lập ra. Sự tích Ngài nhiều sách ghi chép khác nhau. Theo các nhà khảo cứu Châu Âu, Ngài giáng sanh nhằm đời Nhà Châu (Trung Hoa) lối 551 năm trước Tây lịch kỷ nguyên. Và theo ông Tư Mã Thiên (nhà làm sử nước Trung Hoa) thì Đức Lão Tử tên là Lý Nhĩ tự Bá Dương, thụy là Đam, nên gọi là Lão Đam.

Đức Lão Tử chủ trương về Đạo, nên Đạo của Ngài gọi là Đạo giáo.

Quan niệm về Đạo:

Ta cần phân biệt chữ Đạo của Nho giáo và Đạo trong Đạo giáo.

Chữ Đạo của Nho giáo là Đạo làm người, là Nhơn Đạo, còn *chữ Đạo của Đạo giáo* là nguyên lý thiên nhiên hóa sanh vạn vật, là lẽ dĩ nhiên hay Thiên Đạo.

Đức Lão Tử chủ trương rằng vạn vật đều do Đạo mà ra, rồi vạn vật cũng trở về với Đạo. Mà Đạo là gì?

Trong Đạo Đức Kinh của Ngài trước tác ngay chương đầu luận về Đạo, Ngài viết:

“... Cái không tên là đầu mối của Trời Đất.

Cái có tên là mẹ của vạn vật nên thường vô dục mới thấy phần ảo diệu. Còn tâm mà hữu dục chỉ thấy sắc tướng. Cả hai tướng ấy đồng một gốc mà không tên. Đầu là mờ mịt, đã là mờ mịt lại càng mờ mịt thêm. Nhưng những điều khéo lại do đó mà ra”.

*... Vô danh thiên địa chi thi
Hữu danh vạn vật chi mẫu
Cố thường vô dục dĩ quan kỳ diệu
Thường hữu dục dĩ quan kỳ khiêu (kiểu)
Thử lưỡng dã đồng xuất chi vị danh
Đồng vị chi huyền
Huyền chi hựu huyền
Chúng diệu chi môn.*

Quan niệm của Đức Lão Tử về Đạo thật là siêu việt, khó cho bậc thường nhơn am hiểu. Cũng trong Đạo Đức Kinh chương 25, Ngài viết:

“Trước khi có Trời Đất, vốn có một Đấng tự nhiên thành ra. Yên lặng thay! Riêng đứng một mình không thay đổi, đi khắp mọi nơi chẳng dứt. Có thể làm mẹ của Trời Đất, Ta vốn không biết tên gì, miễn cưỡng gọi là Đạo, miễn cưỡng gọi là lớn”. (Hữu Nhất vật hỗn thành. Tiên thiên địa sanh. Tịch hê! Giao hê! Độc lập nhi bất cải, châu hành nhi bất đãi. Khả dĩ vi thiên địa chi mẫu. Ngô bất tri kỳ danh, cưỡng tự chi viết Đạo, cưỡng danh chi viết Đại).

Đức Lão Tử cho rằng Đạo là nguyên lý huyền diệu, vô hình vô sắc, sanh ra âm dương, Trời Đất và vạn vật. Hành động theo Đạo, tức là giữ Đạo Trời, vì Đạo Trời chẳng tranh mà hay được, chẳng nói mà hay ứng, chẳng vờ mà tự lại, lẳng lặng mà hay mưa. Lưới trời lỏng lẻo thưa mà chẳng lọt. Do tư tưởng ấy mà Ngài đề xướng thuyết vô vi.

Đạo Vô Vi: Vô vi không phải là không làm gì hết, Người cho Đạo Trời là vô vi mà bất vô vi, nghĩa là không làm mà không phải không làm. Mới nghe dường như mâu thuẫn nhưng đó là một triết lý cao siêu. Hễ thuận với Đạo rồi thì cái mình “làm” không phải “mình làm”, mà là cái Đạo nơi mình làm. *Cái làm ấy, là cái làm của Đạo nơi ta, nghĩa là của cái vô ngã gọi là vô vi. Cho nên không phải là làm, mà là làm theo Trời, không làm theo nhơn dục theo bản ngã mà làm theo Thiên Lý.*

Đức Lão Tử lại nói: “Ba chục cây gọng cộng làm một bánh xe, dùng cái không ở giữa, bánh xe mới chạy được. Nấn đất sét để làm lu chậu, dùng cái không ở giữa lu chậu mới đựng được. Vách có cửa, nhưng nhờ cái không ở giữa thì mới vào ra được.

Cho nên cái có để làm lợi, cái không để mà dùng”.

Nhơn sanh triết học: về nhơn sanh triết học, nghĩa là triết về đời sống của con người, Đức Lão Tử khuyên người đời nên tri vô dục mà giữ lấy tánh chất phác của Trời phú cho.

Tổng luận:

Đạo giáo là một nền triết lý cao siêu, dạy con người sống tự nhiên theo lẽ Trời, vứt bỏ những xa hoa phù phiếm tránh cạnh tranh về mọi phương diện để tìm sáng khoái cho tâm hồn.

Triết lý về Đạo giáo thu gọn trong bộ Đạo Đức Kinh do Đức Lão Tử soạn thành. Bộ Đạo Đức Kinh chia ra hai quyển, quyển thượng và quyển hạ, gồm có 81 chương. Quyển thượng nói về Đạo, quyển hạ nói về Đức nên gọi chung là Đạo Đức Kinh.

THIÊN CHÚA GIÁO

Cơ Đốc giáo (Christianisme) do Chúa Jésus lập ra. Tiếng Jésus phiên âm là Gia-tô. Chúa Jésus cũng gọi là Jésus Christ, phiên âm là Gia Tô Cơ Đốc. Hiện nay, Cơ Đốc giáo chia ra: Thiên Chúa giáo (Catholicisme), Tân giáo hay Đạo Tin Lành (Protestantisme) và Hy Lạp giáo (Eglise Grecque).

Chính Thiên Chúa giáo từ trước được truyền bá qua nước Việt Nam vậy ta nên hiểu khái quát về tôn giáo này. Thiên Chúa giáo cũng gọi là Công giáo, nghĩa là tôn giáo được chính thức công nhận (Religion officielle).

Thánh Kinh: Thiên Chúa giáo có một bộ kinh rất quý gọi Thánh Kinh (Bible) cũng như Đạo giáo có bộ Đạo Đức Kinh vậy. Thánh Kinh chia làm hai phần: Phần thứ nhất gọi Cựu Ước hay Sám truyền cũ (Ancien Testament), nói về Đạo Do Thái (Judanisme), vì Đạo này là nguồn gốc của Đạo Cơ Đốc. Phần thứ nhì gọi là Tân Ước hay Sám truyền mới (Nouveau Testament) nói về Đạo Cơ Đốc.

Bản Thập Điều: Luân lý Thiên Chúa giáo gồm trong bản thập điều. Bản thập điều này tóm tắt những lời Đức Chúa Trời đã dạy ông Moïse trên núi Si nai (Sinai).

- 1.- Thờ phượng và kính mến Đức Chúa Trời trên tất cả.
- 2.- Không nên gọi tên Đức Chúa Trời vô cớ.
- 3.- Giữ phép ngày chúa nhật.
- 4.- Thảo kính cha mẹ.
- 5.- Không giết người.
- 6.- Không làm chuyện dâm dục.
- 7.- Không lấy của người.
- 8.- Không làm chứng dối.
- 9.- Không muốn vợ chồng người.
- 10.- Không tham của người.

Mười điều răn cấm trên đây cũng gọi là luật Moïse.

Phép Bí Tích: Các phép bí tích như phép Thêm Sức, phép Xức Dầu Thánh, phép Giải Tội, phép Thánh Thể, phép Hôn Phối, v.v...

Là những phép đặc biệt do Chúa Cứu Thế lập ra, mục đích là ban và tăng ơn phước cho người chịu phép.

Tín Điều:

Người Công giáo rất trọng đức tin, cho rằng nhờ có đức tin mới nhận đúng chơn lý của Chúa Giê-su (Jésus) và đức tin đưa đến sự trông cậy ở Đức Chúa Cha, ở ơn phước đời này và hạnh phước Thiêng Liêng. Vậy có những tín điều sau đây:

Đức Chúa Trời là Cha, dựng nên Trời Đất.

Đức Chúa Jésus là con một Đức Chúa Cha và là Chúa của người Công giáo.

Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, người chịu thai sanh ra bởi Đức Bà Maria Đồng Trinh.

Người lên Trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha, phép tấu vô cùng.

Ngày sau người lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Tin hiệu lực của phép tha tội.

Tin xác loài người sau này sống lại.

Tin sự hằng sống.

Giáo Lý: Giáo lý của Đạo Thiên Chúa gồm có mấy yếu mục sau đây: Luật tương báo, luật phân biệt, lòng bác ái, phép công bằng, sự bố thí, sự vứt bỏ của cải, tức xả phú cầu bần, sự cầu nguyện, sự đoàn kết.

Về bác ái: Chúa Jésus dạy rằng:

“Hãy thương yêu kẻ nghịch con, hãy làm ơn cho kẻ làm khốn con, hãy cầu nguyện cho kẻ bắt bớ, hãm hại con. Đức Chúa Cha ở trên Trời là Đấng làm cho mặt trời soi sáng kẻ dữ cũng như người lành và làm mưa xuống đồng đều cho đũa gian cũng như người ngay”.

Về xả phú cầu bần, Chúa Jêsus dạy: “*Nếu con muốn hoàn toàn hãy bán hết những đồ gì con có, rồi lấy tiền phân phát cho những người nghèo khổ*”.

Về luật tương báo, Người dạy: “*Ai sử dụng dao kiếm sẽ chết vì dao kiếm*”.

Tổng luận:

Thiên Chúa giáo là một tôn giáo gồm cả Nhơn Đạo và Thiên Đạo.

Nhơn Đạo được nhận thấy ở mười điều răn cấm. Thiên Đạo nhận thấy ở mấy khoản tín điều căn bản. Một tôn giáo rất thực tế.

LÒNG TIN THƯỢNG ĐẾ

Tổng niệm:

Từ ngàn xưa, con người tuy trình độ tân hóa còn thấp kém nhưng đã có tin thờ Thượng Đế, trong những giờ phút khó khăn người ta hằng cầu cứu nơi Ngài, người lương thiện đặt tất cả đức tin nơi sự ủng hộ của Ngài, kẻ hung ác thường nấp nấp nấp nấp sợ Ngài hành phạt.

Vì trình độ trí thức khác nhau, mà quan niệm của cổ nơn về Thượng Đế cũng phải sai biệt: Khởi thi người ta thấy vật nào cũng linh thiêng, chỗ nào cũng Thần cả, Thần là Vũ Trụ, đối với họ vẫn là một, nên mới phát sanh cái học thuyết Phiếm thần. (chỗ nào cũng là: Thần là một cùng với Vũ Trụ).

Ở Cổ Ba Tư, người ta đề xướng cái thuyết thờ Thần Lửa, gọi là Hỏa giáo, đến đời Đường tôn giáo này được truyền sang qua Trung Quốc, gọi là Thiên giáo. Lần lần lòng tín ngưỡng của con người theo nhịp tân hóa mà sáng suốt thêm lên cho đến ngày nay, hầu hết nhân loại trên toàn cầu đều tin có một đơn vị đệ Nhất. Một nguyên lý tuyệt đối, là nguồn gốc của Càn Khôn Vũ Trụ và nhân loại, mà người ta gọi là Đấng Tạo Hóa hay Thượng Đế.

Các nhà triết học và các nhà tôn giáo từ Đông chí Tây, từ cổ chí kim, đều tin tưởng sự tự hữu của Thượng Đế, mặc dù quan niệm của họ có vài điểm dị đồng.

Tuy trí phàm của chúng ta không thể tưởng tượng được Thượng Đế ra sao, mắt phàm của chúng ta không thấy được Thượng Đế nhưng chúng ta có đủ bằng cứ chứng minh sự tự hữu của Ngài.

Những bằng chứng này đại loại có ba thứ: bằng chứng về Võ trụ, bằng chứng về đạo lý, bằng chứng về siêu hình.

Bằng cứ về vũ trụ:

Ông Voltaire, một đại văn hào nước Pháp hồi thế kỷ 18, có làm 2 câu thơ để tỏ lòng tin tưởng Thượng Đế. Hai câu thơ này tạm dịch như sau:

“Cảnh trí Vũ Trụ khiến tôi hoang mang, tôi không thể nghĩ rằng chiếc đồng hồ này (ám chỉ Vũ trụ) lại có mà không có người thợ máy đồng hồ”.

Đồng một quan niệm với Voltarie, khi ta thấy một con chim bị bắn rơi, tuy không thấy ai bắn, nhưng ta vẫn biết chắc phải có một tay thiện xạ, mới làm cho con chim bị đạn.

Ta tuy không thấy được diễn khí nhưng ta tin chắc có diễn khí là do sự tác dụng của nó.

Ta tuy không thấy được Thượng Đế, nhưng sự trật tự và điều hòa của Vũ Trụ đủ làm cho ta tin có Thượng Đế.

Trật tự điều hòa của vũ trụ:

Những hiện tượng quanh mình ta, từ loài thảo mộc đến côn trùng và phi cầm tẩu thú cho đến nhân loại, sao ta dám cho ngẫu nhiên mà ra? Nếu là ngẫu nhiên thì muôn vật ấy tất là hỗn độn không vật nào phân biệt với vật nào được. Sự thiệt là loại nào có hình thể của loại ấy, giống nào theo giống ấy, mỗi vật mỗi hình điều hòa chí lý, nó tàng ẩn trong cảnh vô hình mà ta không thấy. Cái điều hòa ấy lại phát hiện trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, cứ liên tiếp mà vận hành trong trật tự, còn vạn vật thì cũng ứng theo thời tiết mà sanh sanh hóa hóa. Vạn vật có sự sống rõ ràng, không ai chối cãi được. Lại sự sống ấy còn hàm dưỡng một giác tánh biểu lộ từ cây cỏ thú cầm cho đến loài người thì chuyển thành cái trí khôn linh hiệu lạ lùng. Cái lý điều hòa tạo hình muôn vật, cái sinh khí, cái cảm giác ấy, cái động lực linh hoạt ở trong muôn vật tất phải do một nguồn cội nào. Cái nguồn cội ấy, khi còn bất động (tĩnh thể) gọi là Đạo mà khi đã động (động thể) mà chuyển hóa thì gọi là Đấng Tạo hóa, là Thượng Đế, là Trời vậy.

Bằng chứng về đạo lý:

Bằng chứng về đạo lý căn cứ ở tinh thần phục vụ.

Bất cứ người nào cũng tự thấy có tinh thần phục vụ. Mặc dù đối với việc thiện hay việc ác, ta tự do muốn làm hay không làm, nhưng tinh thần phục vụ lại bắt buộc ta phải làm việc nọ, tránh việc kia.

Ví dụ: ta thấy một đứa bé vấp té không chỗi dậy được. Ta có thể bỏ đi luôn vì có ai buộc ta phải đỡ nó dậy đâu? Nhưng không nỡ làm lơ, ta chạy lại đỡ nó dậy và xem coi nó có bị thương để lo cứu cấp. Hành động này chính do tinh thần phục vụ thúc đẩy ta làm.

Tinh thần phục vụ không phải do người đời lập ra, nó vốn có sẵn trong lương tâm ta, mà lương tâm đối với lý trí, là một ánh sáng Thiêng Liêng, đối với ý chí, nó lại là một quy tắc chuẩn thẳng bất di bất dịch.

Đã nói tinh thần phục vụ không do một luật gia hữu hình nào lập ra, tất nhiên nó phải do một luật gia vô hình mà ta gọi là Thượng Đế.

Bằng chứng về siêu hình:

Siêu hình học chứng minh rằng, tất cả vạn vật trong Vũ Trụ đều chuyển động không ngừng. Từ tinh thần đến vật chất, từ cái bản thể tế vi thuần túy, đến cái bản thể thô sơ phức tạp, thấy đều chuyển động luôn.

Một vật mắt phàm ta cho là bất động, chẳng hạn như hòn đá, mỗi nguyên tử trong những thành phần cấu kết thành khối đá vẫn luôn luôn vận chuyển.

Thinh âm, ánh sáng, hơi nóng, điện khí, điện từ, quang tuyến, v.v... toàn là cách thức ba động của tinh lực và vật thể trong Vũ Trụ phát hiện ra, biến thành cái năng lực chuyển động vô cùng vô tận.

Sự chuyển động toàn thể này phải do một động cơ duy nhất điều khiển nó. Cái động cơ duy nhất ấy tức là Thượng Đế.

Ông Descartes nhà triết học kiêm toán học nước Pháp hồi thế kỷ 17, dùng lý trí suy nghiệm để chứng minh sự tự hữu của Thượng Đế, Ông nói:

“Tôi biết tôi là tôi, nhưng tôi đây là gì? Là một giống vật hoài nghi, mà đã hoài nghi tức là tôi chưa toàn thiện. Nhưng tôi nhận thấy tôi không hoàn thiện, tôi không thể không quan niệm một Đấng thật toàn thiện. Ý niệm toàn thiện này do đâu mà tôi có? Vì tôi là bất toàn thiện kia mà? Cũng không phải do ngoại giới mà tôi có được ý niệm toàn thiện đó, vì ngoại giới cũng là bất toàn thiện. Vậy ý niệm toàn thiện ấy nhất định phải là của Đấng Toàn Thiện ban cho tôi. Luôn đến ý niệm tuyệt đối hữu hạn cũng thế. Chúng ta là kẻ hữu hạn mà lại có ý niệm về vô hạn. Ý niệm ấy cũng chỉ có Đấng vô hạn là Thượng Đế ban cho ta được mà thôi.”

VŨ TRỤ QUAN

Định nghĩa Vũ Trụ Quan:

Ông Châu Hi định nghĩa Vũ Trụ như vậy?

Tứ phương thượng hạ, viết: “Vũ”, cổ vãng kim lai, viết: “Trụ” (Bốn phương, trên, dưới, gọi vũ, xưa qua nay lại, gọi trụ).

Giải rộng ra: Không gian vô biên, vô tận là “Vũ”, thời gian vô thủy vô chung là: “Trụ”.

Vậy Vũ Trụ: hiểu rộng ra thêm nữa, gồm tất cả cái gì trong không gian và thời gian.

THUYẾT SÁNG TẠO VÀ THUYẾT LƯU XUẤT

Các triết gia Âu châu có chỗ dị đồng về quan niệm Vũ Trụ. Người thì cho rằng Vũ Trụ sở dĩ có là nhờ Thượng Đế sáng tạo. Kẻ lại cho rằng Thượng Đế lưu xuất bản thể mà tác thành Vũ Trụ.

Theo thuyết sáng tạo (théorie de la création) Thượng Đế lập ra Vũ Trụ ở ngoài Ngài, chớ không phải rút ở bản thể Ngài mà lập ra.

Theo thuyết lưu xuất (théorie de l' Emanation) Thượng Đế chiết một phần bản thể của Ngài để lập thành một bản thể khác tức là Vũ Trụ.

Căn cứ vào đoạn Thánh giáo sau đây, chúng tôi nhận thấy hai thuyết ấy có thể bổ túc cho nhau.

Thánh giáo:

“Khi chưa có chi trong Càn Khôn, Thế giới thì khí Hư vô sanh có một mình Thầy. Rồi Thầy lập ngôi Thái cực. Thái cực phân Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái lại biến hóa vô cùng mới lập ra Càn khôn, Thế giới.

Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, nhơn loại, gọi là chúng sanh”.

Theo Thánh giáo trên đây, Thượng Đế dùng phép vô vi Bát Quái mà lập Vũ Trụ, tức là cơ sáng tạo.

Đoạn Ngài lại phân tánh Ngài mà sanh ra vạn vật (chúng sanh) tức là phép lưu xuất vậy.

VÔ CỰC

Nguyên hời vô thử, nghĩa là khi chưa tạo thiên lập địa, cõi thái hư (không gian) mờ mờ mịt mịt chỉ có một nguyên lý tuyệt đối thiên nhiên hiện hữu, vô thử vô chung, cổ nhân mượn phạm ngữ gọi là khí Hư Vô hay Vô Cực, Phật giáo gọi nguyên lý ấy là Chơn Như, Khổng giáo gọi là Thiên Lý, Lão giáo gọi là Đạo.

Khí hư vô lại sanh ra chơn linh của Thượng Đế.

BA NGÔI

Thứ nhất, Thượng Đế lập ngôi một của Ngài là Thái cực. Ngài lại dùng ý chí biến Thái cực làm cơ động tịnh. Thái cực động sanh Chơn Dương làm Hỏa. Hỏa là Thần tức là cái động thể Nguơn Thần của Thượng Đế mà Đạo gọi Mộc Công, vì mộc năng sanh hỏa.

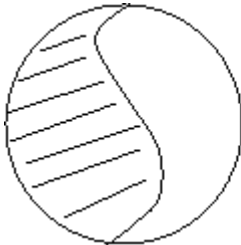
Thái cực lại tịnh mà sanh Chơn Âm làm Thủy. Thủy là Tinh tức cái Tịnh thể Nguơn Thần của Thượng Đế mà Đạo thơ gọi là Kim Mẫu, vì kim năng sanh thủy.

Ấy vậy Thượng Đế làm chủ Chơn Dương, còn Đức Diêu Trì Kim Mẫu làm chủ Chơn Âm, mà Chơn Dương và Chơn Âm vốn đồng một gốc.

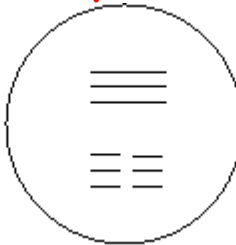
Thượng Đế lại vận chuyển ngôi Thái Cực, cứ một động một tịnh mà sanh hai nguyên lý Thái Dương và Thái Âm lập thành ngôi Hai là Lưỡng Nghi (Thái Dương và Thái Âm).

Lưỡng nghi lại vận chuyển theo mạng lệnh Thượng Đế, sanh thêm hai nguyên lý Thiếu Dương và Thiếu Âm lập thành ngôi Ba là Tứ Tượng (Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm).

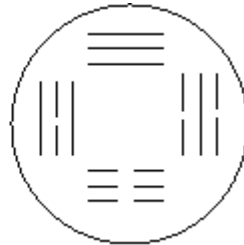
BIỂU HIỆN BA NGÔI



Thái cực



Lưỡng nghi



Tứ tượng

CƠ SÁNG TẠO

Thượng Đế dùng quyền Chí Tôn, lập phép vô vi Bát Quái mà tác thành Vũ Trụ. Trước nhất, Ngài lập ba cõi Thanh Thiên.

- 1.- Thái Thanh Thiên, Phật giáo gọi là Đại Bát Niết Bàn
- 2.- Thượng Thanh Thiên, Phật giáo gọi là Bát Niết Bàn
- 3.- Ngọc Thanh Thiên, Phật giáo gọi là Niết Bàn.

Trong bài kinh xưng tụng Đức Thái Thượng Đạo Tổ (Tiên giáo) có câu:

“Đạo cao nhứt Khí, diệu hóa Tam Thanh”.

Xong, Thượng Đế lập thêm ba cảnh giới là: Thượng giới, Trung giới, và Hạ Giới.

Thượng giới gồm ba cõi Tiên là:

- 1.- Cõi Thiên Tiên.
- 2.- Cõi Địa Tiên.
- 3.- Cõi Nhơn Tiên.

Mỗi cõi này đều có ba tầng, cộng chung thành chín, gọi Cửu Trùng Thiên. Theo Thánh giáo Cửu Trùng Thiên kể từ trên xuống dưới gồm có:

- 1.- Hỗn Nguơn Thiên,
- 2.- Hư Vô thiên.
- 3.- Tạo Hóa Thiên.
- 4.- Phi Tượng Thiên.
- 5.- Hạo Nhiên Thiên.
- 6.- Kim Thiên.
- 7.- Xích Thiên.
- 8.- Huỳnh Thiên.
- 9.- Thanh Thiên.

Hỗn Nguơn Thiên có Lôi Âm Tự. Hư Vô Thiên có Ngọc Hư Cung. Tạo Hóa Thiên có Diêu Trì Cung.

Trung giới gồm có cõi Thánh và cõi Thần. Mỗi cõi cũng chia nhiều tầng, đây chỉ nói sơ lược thôi.

Hạ giới là cõi phàm trần có tinh tú và thất thập nhị địa cầu, đều có Nhơn loại, cùng các thứ sanh vật, nhưng hình thể và cách sinh hoạt vẫn khác nhau.

Địa cầu chúng ta ở đứng vào hạng 68.

Do tám cung Bát Quái, Thượng Đế phân tánh cho xuất hiện Bát Phẩm Chơn Hồn chuyển xuống Càn khôn Thế giới biến thành chơn linh của chúng sanh.

Trong “Phật Mẫu Chơn Kinh” có câu:

*“Thiên cung xuất vạn linh từng Pháp,
Hiệp âm dương hữu hạp biến sanh.
Càn khôn sản xuất hữu hình,
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh.”*

Bát hồn là: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn.

Vạn vật vẫn nhờ phép Âm Dương giao cảm của Thượng Đế mà sanh ra, và thọ của Thượng Đế một điểm linh quang, gọi là hồn.

Bát Quái là nơi sản xuất Bát Phẩm Chơn Hồn giáng trần để thi hành luật tấn hóa.

Khi đắc Đạo, tức tấn hóa đến mức cuối cùng, các chơn hồn cũng do Bát Quái là nơi sản xuất để trở về cựu vị. Cho nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho “Bát Quái Đài” là tượng trưng cơ đắc Đạo tại thế đó vậy.

CHƠN LÝ

Người gửi thân vào cửa Đạo bao giờ cũng phải và hành đúng theo chơn lý.

Chơn lý là gì? Là lý Chơn thật, nói nôm na là lẽ thật, lẽ phải. Có hai thứ chơn lý: Chơn lý tương đối và chơn lý tuyệt đối. Chơn lý tương đối là chơn lý do lý trí con người tìm ra. Chơn lý tuyệt đối là chơn lý của Trời vậy.

Chơn lý tương đối xuất phát do hai yếu tố chánh sau đây:

a/ Đối tượng của tư tưởng.

b/ Tư tưởng về đối tượng ấy.

Ví dụ ta tư tưởng một điều gì rồi ta cho nó là phải. Cái điều tư tưởng đó là đối tượng. Khi ta cho nó là phải tức là ta đã dùng tư tưởng về đối tượng ấy rồi. Cái phải ấy đối với ta lẽ thật, tức chơn lý vậy. (chơn lý tương đối)

Con người nhờ trí khôn mà học hỏi, tìm tòi kinh nghiệm nên thông nhiều việc. Sự thông hiểu đó là chơn lý, nhưng chỉ là chơn lý tương đối thôi, vì nó tùy trình độ trí thức con người mà được cao thượng hay tầm thường.

Như người đời dùng thịt cá nuôi thân cho là bổ dưỡng. Trái lại người tu hành lại cho rằng rau, hoa quả là chất bổ. Cả hai đều có cái lẽ phải của mình.

Vậy chơn lý tương đối tùy quan niệm con người mà có, và bao nhiêu quan niệm là bao nhiêu chơn lý ấy.

Xin đơn cử một ví dụ cho dễ hiểu: một ngọn đèn chung quanh có thể bốn tám kiếng khác màu nhau: một tấm vàng, một tấm đỏ, một tấm xanh, một tấm tím.

Người đứng ngay tấm kiếng màu xanh thấy ánh đèn màu xanh, người đứng ngay tấm kiếng màu đỏ thấy ánh đèn màu đỏ, v.v... Kể bảo xanh, người cho là đỏ, phân phân bất nhứt không ai chịu tin theo vì chính mỗi người đã thấy kia mà. Cho nên sở dĩ có nhiều người cãi nhau về chơn lý là chỉ vì thế.

Vậy muốn cho mọi người thấy đích xác cái màu của ngọn đèn ra sao ta cứ gỡ bốn tấm kiếng ấy ra là được ánh ngọn đèn tượng trưng chơn lý tuyệt đối, mà hễ nó xuyên qua bốn tấm kiếng thì là tượng trưng chơn lý tương đối vậy. Thế thì chơn lý tương đối không cố định.

Nó biến đổi theo thời gian và trình độ tấn hóa của con người. Điều mà hôm nay ta cho là chơn lý có thể ngày mai, đối với ta, nó không còn là chơn lý nữa.

Những chơn lý tương đối, tức chơn lý của loài người, sau rồi sẽ tấn hóa lên để gặp nhau ở chỗ duy nhất là chơn lý tuyệt đối, là lý của Trời (Thiên lý).

Các chơn lý này mới thiệt là bất di bất dịch. Từ xưa đã có tôn giáo thì đã có chơn lý này, vì tôn giáo vốn của Trời lập ra mặc dù có nhiều hình thức. Nó là chơn lý duy nhất, cao thâm huyền bí, trí người tầm thường không thể nào quán thông được.

Chơn truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay, tức là chơn lý ấy vậy. Chơn truyền lại có hai phần.

Công truyền và Tâm truyền.

Phần **Công truyền** dạy chung cách thức tu hành theo luật pháp của Đạo cho khỏi lạc đường lối thiên định và tránh gây những tội tình nghiệt ác lỗi cuốn con người vào vòng sanh tử.

Phần **Tâm truyền** gồm những yếu lý về hình nhi thượng học dành riêng cho những bậc trí thức tiếp thọ, sau khi công viên quả mãn. Có người quá tin ở tài trí mình, không cùng chơn truyền vẫn có, lại nghĩ theo ý riêng, đề xướng những điều phản chơn truyền, cốt để thỏa mãn cái chơn lý chủ quan của mình. Đó chỉ là chơn lý tương đối, mà chơn lý tương đối không thể nào hoàn toàn được, vì nó do bộ óc không hoàn toàn của người đề xướng nó ra.

Vậy chúng ta tu hành cần phải giữ chơn truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là chơn lý của Đức Chí Tôn ban bố cho chúng ta, nhờ đó thành tâm đắc quả.

BẢN NGÃ

Phàm làm việc gì mà trông mong ở tư kỷ, tư lợi, như làm lành mong gặp phước, làm phải để cầu khen, như vậy là tư về bản ngã, nghĩa là ngã chấp, chấp cái ta. Cái ta là cội rễ các việc tư, cho nên việc gì chẳng lợi cho mình mà nếu buộc phải làm, thì làm lấy có lại tính thiệt so hơn hơn, cân nhắc từng chút. Còn làm việc gì có lợi cho mình thì mệt nhọc không nài. Vậy cái Ta thì thường chứa đầy tư tưởng thiên lệch theo ngã kiến, nói tóm lại nó là nguồn gốc của các tánh xấu xa đê tiện, như vị thân, vị kỷ, tự ái, v.v... Những tánh xấu này làm cho con người tự cao, tự đắc mà không bao giờ phục thiện. Cho nên con người mà tâm hồn còn chứa đầy những tư tưởng thấp hèn thế ấy, thì còn chỗ đâu mà chứa những tư tưởng cao siêu vong ngã. Mà trong người thế ấy thì khó mà tấn hóa, có chăng chỉ tấn hóa một cách chậm chạp đó thôi.

Tượng chấp có Ta thì chẳng biết có Người. Ta và Người mà phân biệt, thì bao nhiêu hành động thiên về vị kỷ mà mất lễ công, có khi còn phải thất nhơn thất đức.

Diệt được cái Ta là tiết chế được tình dục, đoạn trừ tư tâm ngã kiến, rồi nhứt cử nhứt động đều quay về vị tha, quên cả mình để mưu lợi cho người. Đã quên cả mình thì còn việc gì làm lụy cho mình được?

Thử kiểm trong hình hài ta coi có cái gì thiệt là của ta đâu?

Thân thể con người do bốn nguyên tố lớn hiệp thành, gọi Tứ đại giả hiệp. Tứ đại là: đất, nước, lửa, gió.

Xương thịt trong thân tánh chắc, thuộc **Đất**,

Huyết dịch trong thân tánh lỏng, thuộc **Nước**,

Ôn độ trong thân tánh ấm, thuộc **Lửa**,

Khí chất trong thân tánh động, thuộc **Gió**.

Khi hồn lìa khỏi xác bốn nguyên tố cấu tạo nên cơ thể thấy đều tan rã, rồi hiệp thành một bản thể khác để rồi tan nữa, hiệp nữa, thoát có, thoát không.

Rõ ràng là một giả tướng. Đã là một giả tướng tội gì bo bo chấp lấy cái ta?

Cho nên, bực tu hành nếu không lo trừ bản ngã thì chẳng thể nào bỏ Vọng về Chơn, bỏ Mê theo Giác mà thoát ra vòng luân hồi quả báo. Là vì hễ còn ôm ấp cái ta, là còn cố chấp ngã kiến, nên không thể nào tìm ra chơn lý.

Chơn lý với bản ngã không bao giờ lưỡng lập.

Tổng luận:

Ta và Người bao giờ cũng mâu thuẫn nhau, nếu trong đời sống của chúng ta mà còn phân biệt Nhĩ Ngã thì không ai là không lo củng cố cái bản ngã của mình. Nhưng nếu diệt được cái bản ngã, ta sẽ thấy đâu đâu cũng là mình cả và cái sống của người thiên hạ cũng là cái sống của mình. Hiểu và tin chắc như thế, tức là chúng ta đã đi đến chỗ Đại Đồng. Trang Tử nói: *“Người và Tạo hóa hợp làm một rồi, thì đi đâu lại không phải là mình”*.

CHƠN NGÃ

Nhơn hồn chuyển sanh từ kiếp này sang kiếp khác. Vì vô minh vọng chấp cái thân tứ đại làm bản ngã, cho nên ích kỷ mà sanh dục vọng, rồi tạo nhơn mà phải trả quả.

Nếu con người biết tu, dùng qui giới mà lọc cho Nhơn hồn trong sạch, dùng thiền định mà làm cho nó yên tịnh và sáng suốt, như nước biển yên lặng không sóng dợn thì Nhơn hồn sẽ đắc giác mà chứng quả Địa Tiên hoặc cao hơn một bậc là Nhơn Tiên.

Nhơn Tiên và Địa Tiên là bậc sáng suốt, dứt sạch vô minh, biết được quá khứ vị lai, phân biệt được vọng với chơn, nên không còn duyên theo ngoại cảnh. Tuy nhiên, phần thô tướng đã dứt, nhưng phần tế tướng chưa đoạn tuyệt. Vì vậy mà sau khi hưởng tận Tiên vị trong một thời gian mấy ngàn, mấy muôn năm ở cõi Tiên rồi, còn phải chuyển kiếp đặng tấn hóa thêm lên và diệt trừ cho tuyệt tế tướng.

Người có Tiên căn giáng thể là bậc đại thông minh, học ít hiểu nhiều, có khi trực giác mà hiểu biết, Người bao giờ cũng hành động phi phạm cao thượng, độ thể cứu đời bằng cách dìu dẫn chúng sanh trên đường đạo đức. Vừa cứu độ, vừa tu luyện cho trí tuệ của mình phát triển hoàn toàn, mà chứng quả Bồ Đề, Phật giáo gọi là Bồ Tát, Đạo giáo gọi là Thiên Tiên, hưởng quả tại cõi Bồ Đề hay cõi Thiên Tiên.

Bồ Tát hay Thiên Tiên đều là bậc toàn tự giác, biết rõ quá khứ vị lai, hiểu thấu cơ mầu nhiệm của Trời Đất, không còn gì học hỏi nữa. Song tự giác chỉ là giác ngộ cho mình thôi, nên còn tự kỷ mà chấp trước vẫn còn. Muốn cầu chánh giác, Bồ Tát phải giáng thể một lần nữa để lập Đạo cứu Đời.

Đó là giác tha, nghĩa là đem cái giác ngộ của mình mà giác ngộ chúng sanh, sự giác ngộ của mình đã hoàn toàn, sự giác ngộ chúng sanh đã viên mãn, tức là tự giác và giác tha đầy đủ, nên được chứng quả chánh

giác, Phật giáo gọi thành Phật, Đạo giáo gọi là Đại Giác Kim Tiên.

Chúng quả Phật thì được hoàn toàn giải thoát, hết phiền não, chướng ngại, hết nghiệp báo luân hồi, hết trì trệ theo giả tướng mà trở lại bản thể Chơn tâm, tức là Chơn ngã mà vào cõi Niết Bàn.

ĐẠO ĐỨC

Theo Đức Lão Tử, cái nguyên lý tự nhiên là Đạo, được vào trong lòng người gọi là Đức.

Theo nghĩa thông thường Đạo Đức là lý pháp người ta noi theo để cư xử với đời thế nào cho trên hợp với lẽ Trời, dưới hợp cùng luân lý.

Người có đạo đức bao giờ cũng biết thận trọng:

Đối nội: không làm việc gì tổn thương đến hơn cách mình, dù là việc âm thầm không ai biết.

Đối ngoại: cũng không bao giờ làm việc phi nghĩa và tổn hại vật, mặc dù việc ấy có lợi cho mình.

Người không đạo đức, trái lại không cần quấy phải, phạm việc gì có lợi cho mình thì cứ mạnh dạn mà làm, mặc dù việc ấy có hại cho ai. Vì vậy mà họ cứ tính đủ trăm mưu ngàn kế để thỏa mãn bản năng đề tiện của họ.

Người không đạo đức không có tín ngưỡng và không có tư tưởng thanh cao, họ chỉ sống với sự lôi cuốn của thị hiếu và dục vọng, không cần biết nghĩa vụ đối với hơn quần xã hội là gì.

Người không đạo đức chẳng thể nào bền chịu với cảnh nghèo túng, họ dám làm liều, miễn sao cho có tiền xây dựng no ấm cho họ, cho nên trong xã hội mà đa số người không đạo đức, thường xảy ra những thảm kịch giết người đoạt của, hay lừa đảo của nhau không là việc lạ.

Trái lại, người có đạo đức thì vui chịu với số phận, gặp cảnh nào cũng yên ổn thanh thoi, thì đâu đến nỗi bị ngoại vật lôi cuốn vào vòng tội lỗi?

Nhưng đạo đức cần phải đi đôi với tài năng. Một người có đạo đức mà thiếu tài năng thì chưa có đủ tư cách hoàn toàn để giúp Đời, giúp Đạo.

Một người có tài năng mà thiếu đạo đức chỉ sống ích kỷ và làm hại cho hơn quần xã hội thôi.

Một người khả dĩ được hoàn toàn là khi nào kiêm cả tài đức. Có đức để làm tròn nghĩa vụ, có tài để làm tròn nhiệm vụ.

Còn như chịu kém một phần, thà kém tài hơn là kém đức. Câu *“Đức thắng tài chi quân tử, Tài thắng đức chi tiểu nhân”* thật chí lý.

Đạo đức là nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu đạo đức xã hội sẽ lâm vào cảnh cuồng loạn.

Đức Chí Tôn đã dạy:

“Những sự phạm tục đều là mưu kế của Tà Mị Yêu Quái cốt để ngăn trở bước đường Thánh Đạo của các con. Những mưu quỷ quyết ấy do lệnh Thầy dùng để thử các con. Thầy đã nói: Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con; nó hằng thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đặng là đạo đức của các con. Thầy lại khuyên các con gìn giữ bộ thiết giáp cho đến ngày hội hiệp cùng Thầy. Ấy vậy Đạo là vật rất hữu ích như giáp hữu ích cho thân các con, nếu các con bỏ giáp thì thân các con ra trần lổ; còn bỏ Đạo thì các con ở dưới phép Tà Thần.”

Nhờ đạo đức, chúng ta chế phục thất tình, lục dục, chế phục được tình dục, tức khỏi lo vướng phải lưới rập tà mị bủa giăng, tức là tránh khỏi những điều cảm dỗ.

Đạo đức là nguồn cội của sự sáng. Nhờ có đạo đức thần trí được quang minh, thông tuệ. Thần trí được minh huệ, thì biết phán đoán giả chơn và thấu đáo một phần nào lẽ huyền vi của Tạo hóa.

Lòng đạo đức vốn làm nòng cốt cho Thần Thánh, vì một tư tưởng hay hành vi đạo đức luôn luôn vẫn được Thần Thánh chứng giám và hộ trì cho. Lòng vô đạo đức tức có nét vạy tà, mà tâm tánh vạy tà là chỗ cho tà thần xâm nhập để giục quấy thêm lên.

Đạo đức lại là chiếc thang tấn hóa đưa lần chúng ta lên tột phẩm vị Thiêng Liêng. Bước đặng một nấc tức đặng một phẩm cao. Bước đến một nấc thang tức là đến cõi hoàn toàn chí thiện tức đến cõi Thượng Đế vậy.

MỤC ĐÍCH ĐỜI NGƯỜI

Nếu con người sanh trên thế này chỉ để hưởng những khoái lạc về vật chất, để bận rộn cho kiếp sống còn, rồi giàu cũng như nghèo, sang cũng như hèn, đều mai một dưới vương quốc huỳnh thổ, như thế thì kiếp người có chi mà đáng kể.

Không! Kiếp sống con người đâu phải giới hạn từ lúc sơ sanh đến khi nhắm mắt mà thôi đâu. Đó chỉ là một giai đoạn của kiếp sống hoàn toàn. Kiếp sống hoàn toàn của con người là nguồn hằng sống, là kiếp sống muôn đời vĩnh viễn, trải qua nhiều giai đoạn mà tôn giáo gọi là kiếp tái sanh, hay luân hồi chuyển kiếp.

Thác sanh xuống cõi trần, ta được Thượng Đế ban cho nhiều tiềm lực quý hóa, nhiều hoài bão vô biên. Bản phận ta là lo phát triển những tiềm lực và thỏa mãn những hoài bão ấy. Từng kiếp tái sanh, tức từng giai đoạn của kiếp sống vô biên, ta học hỏi, nghiên cứu, rút kinh nghiệm, ta đào luyện tâm hồn trong đau khổ, trong thử thách cho nó tỏ ngộ thêm lên, ta tự tạo những đức tánh cao siêu nhờ đó ta lần đến cõi chí thiện chí mỹ.

Thượng Đế ban cho ta đủ phương tiện phụng sự Ngài trong cuộc đại hóa. Thế là ta hân hạnh được dự phần sử dụng luật Tấn Hóa không ngừng. Ta vạch cho nhơn loại một vòng chân trời trong sáng; ta an ủi những tâm hồn đau khổ, ta cảnh giác những tâm hồn tội lỗi, để đưa lần những tâm hồn ấy lên chỗ thanh cao là nơi chói lọi ánh huy hoàng của sự Thật, sự Lành và sự Đẹp (Chân Thiện Mỹ) là một công trình vĩ đại, là một sự cải tạo tinh thần.

Trong việc phụng sự nhơn sinh, tức phụng sự Thượng Đế ấy ta tự thấy nhiều thỏa thích hơn là sống một cuộc đời ích kỷ, khô khan, vô vị, còn gì quý hóa bằng gieo rắc trong tâm hồn người những hạt giống từ thiện, công bình, bác ái, để rồi gặt hái những hoa thơm trái đẹp giúp cho nhu cầu của một đời sống tinh thần đạo đức?

Ta hãy ngược lên nhìn bao quát cái viễn ảnh tốt đẹp của tương lai ta, để giữ vững đức tin, để đủ can đảm cùng nghị lực chống lại những mưa gió bão bùng bất trắc của cõi đời vật chất. Ta hãy thận trọng từng bước một để đi lần đến những đỉnh cao vót mà đời gọi là Đạo Đức, Nghĩa Vụ và Hi Sinh.

Ta chẳng nên hững hờ dừng bước ngắm xem những hoa đồng cỏ nội, không một hương vị gì đáng kể.

Ta nên biết rằng từ cái gì đẹp đẽ và quyến rũ, cho đến những tinh cầu vĩ đại trong Càn khôn Vũ trụ sẽ đều tiêu tan, nhường chỗ cho cái gì khác mới và quý hơn. Duy có linh hồn ta là hằng sống, Nó tiến và tiến mãi, qua cả thời gian và không gian, như một khách lữ hành trên con đường muôn dặm, để rồi sẽ đến đích cuối cùng là hoàn toàn giải thoát.

Mục đích đời người là thế.

GIỚI

Giới là những điều răn cấm phải giữ, những điều luật phải tuân, để tu dưỡng cho trúnng đích. Cho nên trong Đạo có ngũ giới cho thiện nam, tín nữ giữ phận tu hành.

Ngũ giới là cấm sát sanh (không giết hại), cấm du đạo (không trộm cắp), cấm tà dâm (không dâm dục bậy bạ), cấm vọng ngữ (không nói dối nói bịa), cấm tửu nhục (không rượu thịt).

Bực tu hành mà giữ trọn giới cấm thì lòng được trong sạch và trống không, chẳng còn vọng tưởng đến việc phàm trần khoái lạc. Lòng được sạch trống không thì ý tưởng mới hết tham sân, ý tưởng hết tham sân thì hết phát khởi nơi tâm những vọng niệm sát sanh, đạo tặc, tà dâm, nơi cửa miệng không còn thốt ra những lời giả dối, gạt gẫm hoặc vu khống người khác.

Tóm lại, giữ được giới cấm là tránh được “tam nghiệp” là: ý nghiệp, thân nghiệp và khẩu nghiệp”, tức là dứt bỏ được ba mối chướng ngại, làm cho con người phải chịu luân trầm trong biển khổ, sông mê.

Từ xưa đến nay, lịch sử thường ghi chép biết bao tội ác của loài người mà nguyên nhân chung là bởi không biết giữ được những điều răn cấm ấy mà ra vậy.

Phàm, tâm tánh con người vốn của Trời phú cho nhưng tình dục lại do chỗ cảm xúc ngoại vật mà phát sanh. Tình dục là mối dây oan nghiệt trói con người trong vòng Nhơn dục mà xa Thiên lý. Vậy muốn trở lại con đường Thiên lý, trước phải khép chặt lục căn, không cho lục trần dấy động. Phải giữ cho được mắt chay, tai chay, mũi chay, lưỡi chay, thân chay, ý chay, tức là “Lục trai” đó.

Lục căn chay tịnh rồi thì lục trần hết chỗ dựa, tự nhiên tiêu diệt. Đó là phép “chánh bản thanh nguyên” nghĩa là: sửa gốc cho thẳng thì ngọn tất thẳng, làm nguồn trong thì nước tất trong.

Song lễ đó chỉ là dẹp giặc bên ngoài, còn Tâm thì giặc bên trong cần phải chạy mới được.

Tâm chạy có nghĩa là tâm phải phải sạch trần duyên, Tâm mà tham muốn lợi danh, tức bị lợi danh ràng buộc. Sự ham muốn vốn thiên hình vạn trạng, nhưng tóm lại là ở lòng tham sống, lòng tham sống thúc đẩy con người quyền luyến hồng trần quay cuồng trong vòng sa mê vật chất, tự tạo khổ cho mình mà không tự biết.

Nếu biết thâm cái vọng tâm lại đừng cho nó phóng túng ra thiên hình vạn trạng thì có gì là khổ nữa đâu?

Cái tâm mà không ham muốn, không tưởng, không lo thì ngoại vật hết thâm nhập, mà nội niệm cũng không sanh được.

Tâm có mà như không, ấy là sắc tức thị không, mà tâm trần chết thì tâm đạo phát sanh, ấy là không tức thị sắc.

Việc tu hành cốt yếu là trau cái tâm cho trong sạch, hầu ngày sau được tiêu diêu tự tại nơi Niết Bàn Cực Lạc. Nay ta còn chen lẩn trong trần tục, mà giữ được Tâm chạy tức là gặp Niết Bàn tại thế vậy.

ĐỊNH

Định: Giặc bên ngoài đã dẹp, giặc bên trong hết dậy đó là đến thời kỳ “xây dựng”, tức Thiền định.

Thiền định đại khái là ngồi yên lặng, chú tâm vào một chỗ mà suy ngẫm đạo lý nhiệm màu.

Thiền định có nhiều cách, nhiều bậc, khởi đầu là tập trung tư tưởng, nghĩa là luôn luôn chú tâm tư tưởng vào một vật, không giây phút nào xao lãng. Cách tập ấy rất khó khăn, vì trí người thường bông lông bất định, đương tưởng việc này chưa xong lại bắt tưởng qua việc khác.

Vì ý và tâm khó câu thúc như ngựa và vượn chạy nhảy phóng túng và leo trèo lằng xằng nên nhà Phật gọi là “ý mã tâm viên”.

Tập trung tư tưởng không khác nào cầm cương ngựa chững, càng kèm thúc, nó càng hung hăng nhảy đá. Nhưng nếu bền công tập luyện đúng giờ đúng khắc lâu ngày chầy tháng viên mãn công phu, thì thần trí mình được yên tịnh vững vàng hết lau chau phóng túng.

Lúc bấy giờ mới nên bắt đầu nhập định. Trước nhứt phải tập theo phương pháp hữu hình, nghĩa là lựa một vật hữu hình làm đối tượng rồi suy cứu cho cùng tận dạng biết rõ vật ấy hình tượng thế nào, làm bằng chất gì, công dụng ra sao, v.v...

Lần lần bắt qua tưởng gấm một vật vô hình hoặc một vấn đề triết lý cao thâm, siêu việt.

Về triết lý người ta nên tưởng gấm những vấn đề về bác ái, từ bi, sự chơn khoái lạc ở đời, cái nguồn cội và chỗ trược thanh của muôn vật

Được công phu đầy đủ về phép thiền định vô hình rồi, người ta mới tập qua phép “vô vi đại định”.

Đại định thời không tưởng điều chi nữa hết mà cứ để thần trí yên lặng hư không, không còn chấp trước, mà hề hết chấp trước cảnh vui tức là hết sanh mừng, cũng như hết chấp trước cảnh khổ thì hết sanh buồn bậc v.v...

HUỆ

Huệ: Giữ được “tịnh tự” như vậy rồi “định lực” mới phát triển sanh Huệ.

Huệ là gì? Là cái trí huệ, cái tinh mẫn khôn ngoan nhờ đó mà diệt được “vô minh” thấy rõ cái chơn tướng, cái hiện tượng quá khứ, hiện tại và vị lai của muôn vật. Cái Huệ nhà Phật gọi là “bát nhã”. Nhờ cái Huệ người tu mới đưa mình qua bên kia bờ Đạo (giác ngộ) nên cũng gọi là “Bát nhã ba la mật đā” (prajnaparamita).

Trí Huệ vốn khác Trí Thức: Phàm việc chi có học hỏi mới biết là nhờ Trí Thức nên gọi là Thế Trí, không học mà biết tự nhiên là nhờ Trí Huệ nên gọi là Xuất Thế Trí.

Chúng ta từng thấy trong giới tu hành, có người tuy học lực tầm thường hoặc dốt nát, nhưng đạo lý cao thâm, luận thuyết siêu thường, khiến người có trí thức phải đem lòng thán phục, đó là nhờ phát Huệ vậy.

NGHĨA VỤ

Nghĩa vụ là bổn phận phải làm theo những nghĩa lý ở đời. Bất cứ người nào cũng phải có nghĩa vụ. Mặc dù, đối với việc thiện hay việc ác, ta tự do muốn làm hay không làm tùy ý, nhưng nghĩa vụ buộc ta phải làm việc nọ, tránh việc kia.

Ví dụ đi đường ta thấy một đứa bé vấp ngã không ngồi dậy được, ta có thể làm lơ bỏ đi vì có ai buộc ta đỡ nó dậy đâu, nhưng ta không nỡ bỏ đi, rồi ta lại đỡ nó dậy, và xem nó có bị thương hay không, hầu tìm phương cứu cấp. Hành động ấy chính do nghĩa vụ thúc đẩy ta làm.

Một ví dụ khác: Hai người đi dọc bờ sông thấy một kẻ té xuống đó. Hai người ấy trong lúc bất cập, họ không cần suy nghĩ, và cũng không ai bảo ai, đồng nhảy xuống sông vớt người lâm nạn lên. Đó là họ biết trọng tinh thần nghĩa vụ. Hơn nữa cái tinh thần nghĩa vụ ấy tiến đến chỗ hi sinh tánh mạng mình để cứu tánh mạng của kẻ khác.

Nếu mọi người biết làm tròn nghĩa vụ, mặc dầu không ai buộc ai làm, thì ngoài xã hội sẽ không thấy cảnh trái tai gai mắt và bất công, các ngành hoạt động xã hội sẽ không một giây phút nào ngưng trệ, và đời sống con người cũng sẽ được dễ dàng.

Trong Đạo mà biết trọng tinh thần nghĩa vụ, thì mọi công việc của Đạo sẽ được điều hòa và tiến mạnh trên đường phục vụ chúng sanh. Chúng ta sẽ không còn đau lòng xem thấy những cảnh thờ ơ, lười biếng, những tâm hồn uể oải, những việc làm cho lầy có nữa. Chừng đó thì đối nội chúng ta sẽ không còn điều chi thắc mắc, vì guồng máy hành Đạo sẽ hoạt động điều hòa cùng một nhịp. Đối ngoại chúng ta sẽ thâm nhập cảm tình của công chúng.

Đành rằng đối với tất cả người trong Đạo, nghĩa vụ có chỗ khác nhau; nó phải tùy theo khả năng của mọi người. Nhưng nghĩa vụ nào cũng cao cả, mà người làm tròn nghĩa vụ, bao giờ cũng thấy tâm hồn khoan khoái,

và lương tâm an tịnh. Đó là một phần thưởng vô hình, mà tất cả những phần thưởng hữu hình trên thế gian này không bao giờ sánh bằng, nhưt là khi chúng ta làm tròn nghĩa vụ giữa cơn sóng gió bão bùng, xuyên qua mọi thử thách gay go, và giữa cảnh thăng trầm của Đạo.

Vốn có nhiều thứ nghĩa vụ: Nghĩa vụ đối với chính mình, nghĩa vụ này buộc chúng ta phải biết tự trọng, biết kiềm chế lấy mình, để thực thi những cái gì chánh đáng, cái gì tốt đẹp, cái gì hữu ích.

Nghĩa vụ đối với chức vụ buộc chúng ta phải làm tròn cái trọng trách, cái Thiên mạng mà Ông Trời giao phó cho chúng ta. Nghĩa vụ đối với xã hội buộc chúng ta phải thương người mền vật và tận tâm phục vụ xứ sở và non sanh.

Còn nghĩa vụ đối với Thượng Đế thì vô bờ vô bến. Chúng ta phải phục vụ Ngài với một tinh thần cao cả, đưa chúng ta đến chỗ xả thân. Vì Thiên luật vạn vật trên thế gian này phải xả thân để giúp đời mà tấn hóa. Khoáng vật xả thân cho thảo mộc tấn hóa, thảo mộc xả thân để giúp thú cầm tấn hóa, rồi thú cầm cũng phải xả thân để giúp cho loài người mà tấn hóa thêm lên, đến loài người cũng phải xả thân giúp đời để tấn hóa lên ngôi vị Tiên Phật.

Tóm lại, tinh thần nghĩa vụ là một định luật Thiêng Liêng ngấm ngấm thúc đẩy con người vào những công tác lợi tha và hi sinh cho một lý tưởng cao cả, để góp phần xây dựng đời sống tinh thần lẫn vật chất của con người ngoài Đời cũng như trong Đạo.

KIỆP LUÂN HỒI

Điểm Linh Quang (Hồn) thác sanh xuống cõi phàm mục đích để học hỏi kinh nghiệm và tấn hóa. Chuyển sanh xuống cõi sắc giới tất phải mượn xác thân mà hành động. Càng hành động càng tạo nhơn. Tạo nhơn, linh hồn tái sanh phải trả quả.

Theo Thánh giáo, kiếp luân hồi là sự tiến chuyển của điểm Linh Quang, bắt đầu từ vật chất này chuyển qua vật chất khác; luân chuyển trong muôn ngàn kiếp như vậy. Rồi bỏ vật chất tiến hóa lên thảo mộc, đoạn bắt đầu từ thảo mộc mà chuyển lên bực thú cầm; thoát kiếp thú cầm mới đến kiếp nhơn loại. Ấy vậy, vật chất, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại là loài hữu sanh nên gọi chung là chúng sanh. Nhơn loại là bậc cao nhất trong loài chúng sanh, nên gọi là Thượng Sanh. Đến kiếp người rồi linh hồn còn phải luân chuyển ngàn ngàn muôn muôn lần nữa mới đến tột bực nhơn phẩm (Thượng Phẩm).

Nhơn phẩm trên mỗi địa cầu chia ra thành nhiều hạng. Theo Thánh giáo địa cầu chúng ta ở là địa cầu 68. Thượng đẳng nhơn sanh nơi địa cầu này, kể luôn về tinh thần vật chất, vốn không bằng bực chót nhơn phẩm ở địa cầu 67. Đệ nhất nhơn phẩm ở địa cầu 67 lại cũng chưa bằng bực chót của địa cầu 66 v.v...

Cái giá trị của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài cho tới đệ nhất cầu và Tam Thiên thế giới. Đó là phần thế giới hữu hình. Thoát khỏi thế giới hữu hình, linh hồn bỏ xác phàm tiến hóa lên cõi vô hình. Một cách siêu việt hơn, cao thượng hơn, rồi còn phải chuyển kiếp tu hành nữa cho đến khi đặng trọn lành (toàn giác) mới có thể lên đến Bạch Ngọc Kinh là nơi Đạo Phật gọi là Niết Bàn vậy.

Xem thế đủ biết nhơn phẩm chia ra thành nhiều đẳng cấp là dường nào. Linh hồn phải trải qua biết mấy ngàn muôn kiếp mới đặng trọn lành mà về căn bản.

Nếu kẻ không tu hành làm đủ phận người, công bình chánh trực, khi hồn xuất khỏi xác rồi thì cứ theo

đẳng cấp gần trên mà chuyển kiếp lại nữa, thì linh hồn biết đời nào thoát nạn luân hồi?

Vì lòng đại từ, đại bi, không nỡ để sanh linh chịu mãi cái nạn luân hồi, nên Đức Chí Tôn mới lập “Tam Kỳ Phổ Độ” cứu cánh là mở cho nhơn loại một con đường giải thoát, lại ban ân huệ rất lớn lao đặc biệt cho cả Càn khôn, Thế giới, ai ngộ được một đời tu cũng trở về cựu vị. Xem đó đủ biết Đạo quý trọng là đường bao, và khai Đạo kỳ ba này lớn lao cao thượng là thế nào.

Một lần Đạo Trời khai là mỗi lần đại ân xá cho cả chơn linh chìm đắm giữa sông mê biển khổ. Muôn năm ngàn kiếp mới gặp một lần. Cơ hội này mà không tu, sau ăn năn rất muộn.

Đức Chí Tôn có dạy:

*Biển khổ chơi voi lặn sóng đập,
Mau chơn kéo trĩ bước con đò.*

LUẬT NHƠN QUẢ

Tạo hóa vốn chí công, không vì thương mà thưởng, không vì ghét mà phạt. Ngài chỉ lập ra luật “Nhơn Quả”, cũng gọi là luật “Báo Ứng”, là cái quy tắc định rằng hễ nguyên nhân như thế nào, thì nhứt định có kết quả như thế ấy, không một mảy sai chạy. Vậy, ai tạo nhơn lành sẽ hưởng quả lành, ai tạo nhơn dữ ắt rước quả dữ.

Cái quả vốn là kết quả cái nhơn của chúng ta tạo ra trong kiếp trước, hoặc kiếp này. Rồi cái quả ấy lại làm nhơn cho cái quả khác sẽ báo ứng về sau. Nhơn và quả tiếp tục báo ứng như ảnh tùy hình, mà buộc trói con người trong vòng nghiệp báo.

Có hai thứ nghiệp báo: Biệt nghiệp và Cộng nghiệp

I.- Biệt nghiệp: Là quả báo riêng từng người ai tạo nhơn là nấy thọ quả.

II.- Cộng nghiệp: Là quả báo chung cho nhiều người. Như nhiều kẻ đồng phạm một việc ác, khi đền tội, phải chịu hậu quả một lượt với nhau.

Lại có nhiều kẻ, tuy tạo nhơn khác nhau, song tội đồng nhứt thể nên đến khi trả quả, cũng chung chịu với nhau một lượt.

Lại có khi một người làm ác mà nhiều người đều hưởng lợi, thì cũng chịu chung một cộng nghiệp.

Tất cả nạn nhơn của một tai họa lớn như động đất, bão lụt, chìm tàu, hỏa hoạn, bệnh khí, chiến tranh, v.v... đều là những người chịu một quả báo chung vì họ đã đồng tạo một ác nghiệp.

Mặc dầu xa lạ nhau, mặc dầu kẻ nam người bắc, Thiên cơ xui khiến thế nào cho họ hiệp nhau một chỗ đặng đền tội chung một lượt.

THỜI GIAN BÁO ỨNG

Bất câu một nguyên nhân nào cũng có cái tánh cách tự nhiên là đem lại cái kết quả cấp kỳ. Nhưng thường lại có một nguyên nhân khác xen vào phản ứng làm cho cái kết quả ấy phải hoãn lại một thời gian.

Tỷ như chúng ta để ngón tay vào lửa (nguyên nhân), chúng ta ắt bị phỏng liền (kết quả cấp kỳ). Nhưng nếu chúng ta dè dặt bao bọc ngón tay bằng một chất thuốc gì có cái công hiệu che chở, thì là chưa bị phỏng liền. Lửa cần phải đốt hết chất thuốc ấy rồi mới bắt qua ngón tay.

Lớp thuốc ấy vốn là (nguyên nhân phản ứng).

Như ở các nước thuộc miền ôn đới như nước Việt Nam, phàm giống lúa hễ gieo xuống (nguyên nhân) là nứt mộng lên mau (kết quả).

Nhưng ở các xứ lạnh, lúa lại chậm lên là tại tuyết giá cản ngăn. Tuyết giá vốn là nguyên nhân phản ứng.

Một đứa bé chơi nghịch (nguyên nhân), Cha nó bắt nó nằm xuống mà răn phạt (kết quả). Trong lúc người đưa roi lên sắp đánh, bỗng có một người bạn đến thăm. Người cha phải hoãn sự răn dạy lại đặng tiếp khách.

Sự khách đến vốn là nguyên nhân phản ứng.

Cũng vì luật “phản ứng” mà cái quả của một thiện nhân hay một ác nhân có khi không báo ứng ngay trong kiếp tạo nhân. Chúng ta vẫn thấy có nhiều kẻ bạo tàn ác đức mà lại giàu sang sung sướng, nghinh ngang hống hách với đời, là bởi họ đương hưởng cái quả của thiện nhân họ đã tạo trong kiếp trước. Nhưng một khi đã tận hưởng quả lành, thì ngay trong kiếp đương sanh, hoặc trong kiếp tái sanh, họ sẽ chịu khổ của cái ác nhân mà họ đương tạo.

Đối với thời gian, sự ứng quả có ba cách:

1.- Nghiệp báo ứng ngay trong đời tạo nhân gọi là Đương Kiếp Nhân Quả hay Thuận Hiện Nghiệp.

2.- Nghiệp báo ứng theo cái nợ tạo trong kiếp trước, gọi là Tiền Kiếp Nợ Quả hay Thuận Sinh Nghiệp.

3.- Nghiệp báo ứng ở kiếp sau do cái nợ hiện tại, gọi là Hậu Kiếp Nợ Quả hay Thuận Hậu Nghiệp.

ĐỜI VÀ ĐẠO

Đạo chúng ta đã hiểu là gì rồi, đây xin định nghĩa chữ Đời.

Đời là cõi thế gian, hiểu rộng ra là tất cả những người sống trong cõi thế gian, tức quần chúng vậy.

Đạo vốn Thiêng Liêng vĩnh cửu.

Đời thì hữu sanh hữu diệt.

Đời và Đạo tuy tương phản nhưng vẫn liên quan như bóng với hình. Đức Chí Tôn đã dạy:

*“Buổi lập Chánh Đạo, Thầy đến độ rồi kẻ có tội lỗi.
Nếu đời không có tội lỗi đâu đến nhọc công Thầy”.*

Vậy Đạo sở dĩ lập ra là để cứu giúp đời. Nếu không có đời, Đạo lập ra có ích gì?

Đức Nhân Âm Đạo Trưởng lại dạy rằng:

*“Đời lẫn Đạo, Đời xa cõi phước,
Đạo diu Đời, vận nước mới an.
Đức lập quyền, dân được châu toàn,
Quyền xưa Đức, hơn gian thống khổ...”*

Đời sanh hoạt thì Đạo giúp đời, sanh hoạt theo lẽ Bảo Sanh, Nhơn Nghĩa, Đại Đồng. Người tu hành mà không thiết đến nhơn quần xã hội là hoài bão một quan niệm sai lầm, cũng như người xã hội không đồng hành theo lẽ Đạo chẳng khác nào con thuyền không lái.

Đạo là vô vi, Đời là hữu hình. Vô vi và hữu hình phải liên đới nhau như hồn với xác.

Như cây đèn: Luôn về ngọn lửa là vật hữu hình, tỷ là Đời. Còn cái ánh sáng dọi ra là vô vi, tỷ là Đạo. Người ta làm cây đèn chớ không làm ánh sáng (vô vi) mà hễ thắp đèn tự nhiên có ánh sáng.

Như cái chén: Làn gốm ngoài là vật hữu hình, tỷ là Đời. Còn cái lòng trống ở trong là vô vi, tỷ là Đạo. Người ta làm cái chén chớ không làm cái lòng ở giữa (vô vi): mà hễ làm cái chén, cái lòng trống ở giữa tự nhiên phải có.

Như cái cửa: Luôn vừa khuôn, vừa cánh cửa là vật hữu hình, tử là Đòi, còn cái khoảng trống để vô ra là vô vi, tử là Đạo. Người ta làm cái cửa chớ không làm cái khoảng trống ấy (vô vi) mà hễ làm cái cửa, cái khoảng trống ấy tự nhiên phải có.

Như một cái bánh xe: luôn về vành tròn và cái hoa cửu là vật hữu hình, tử là Đòi. Còn cái lỗ để tra cốt vào cho bánh xe quay là vô vi, tử là Đạo. Người ta làm cái bánh xe chớ không làm cái lỗ cốt (vô vi) mà hễ làm cái bánh xe cái lỗ cốt ấy tự nhiên phải có.

Cây đèn, cái chén, bánh xe, cái cửa là vật hữu vi. Người ta sở dĩ chỉ tạo mấy vật ấy là để ứng dụng cái chỗ vô vi của nó mà thôi.

Vậy người đời phải có Đạo, nghĩa là phải theo một tôn giáo nào tùy sở thích, vì tôn giáo (gác ra ngoài những lễ huyền vi màu nhiệm) vốn là kim chỉ nam cho mọi hành động của con người trong khuôn viên đạo đức, tinh thần.

PHẦN LUẬN LÝ

1. Làm việc là một định luật.
 2. Áp dụng sự làm việc trong Đạo Đời.
 3. Nhiệm vụ một chức sắc Thiên phong đối với Đời, với Đạo.
 4. Đời sống đơn giản và thanh bạch.
 5. Tinh thần kỷ luật.
 6. Nhon phẩm.
 7. Công bình và Bác ái.
 8. Lễ phép.
 9. Lòng tha thứ.
 10. Mê tín, Dị đoan.
 11. Nghĩa tương trợ.
 12. Hy sinh cho một lý tưởng.
 13. Tinh thần đoàn kết.
 14. Xã hội.
 15. Liên hệ giữa cá nhân và xã hội.
 16. Tôn trọng cổ tích, thắng cảnh, danh lam ...
 17. Tinh thần bảo thủ và chí tiến thủ.
 18. Bản phận đối với cầm thú.
 19. Đức sanh của Tạo Hoá.
 20. Trí thức và tình cảm.
 21. Hòa và Đồng.
 22. Tri và Hành.
 23. Bản phận với gia đình: Cha con, Anh em, vợ chồng.
 24. Ngũ thường.
-

PHẦN LUÂN LÝ

SỰ LÀM VIỆC LÀ MỘT ĐỊNH LUẬT

Sự làm việc là luật thiên nhiên phải tuân theo đặng tự tạo đời sống, tùy khả năng và sở thích của mỗi người. Chẳng phân giàu nghèo, chẳng luận nam phụ lão ấu, ai cũng phải làm việc, để trở nên người hữu dụng vừa cho mình, vừa cho gia đình mình, và cho xã hội.

1.- Hữu dụng cho mình.

a/- Con người thuở còn ấu thơ đã phải lo làm việc rồi, bằng cách vào trường học tập đặng mở mang trí hóa vì bởi “học nhi tri chi” (học mà biết) chớ chẳng phải “sinh nhi tri chi” (sinh ra mà đã biết).

b/- Đến tuổi thành nhen, một mình bươn chải với đời, phải tiếp tục làm việc, còn cực nhọc hơn ở trường, đặng tự sống, chớ không trông ai vừa giúp cho được. Như thế mới khỏi chiều lòng ai, khỏi bị ai nặng nhẹ hà khắc. Như hữu học, thì làm việc bằng trí óc, còn ít học, thì làm bằng tay chơn, không có nghề nào hèn hạ, chỉ có người lười biếng mới hèn.

c/- Tuổi già cũng còn làm việc, không nặng thì nhẹ, đặng giữ gìn sức khoẻ hầu tránh làm khổ nhọc cho con cháu.

d/- Phụ nữ lưu, cũng cần làm việc như hạng nam nhi, chẳng nên cho mình là liễu yếu đào thơ, rồi ỷ lại nơi chồng con, mà ngồi không luống sức. Đành rằng lo tề gia nội trợ, là một bổn phận trọng yếu trong tư thất, nhưng ngoài ra còn bổn phận đối với đời, thế nào cho ra người có phẩm vị.

Làm việc có ích cho mình là vậy.

2.- Hữu dụng cho gia đình cho xã hội.

a/- Làm chủ gia đình, phải ân cần trong nghề nghiệp, mới có phương nâng đỡ gia đình, sống vui trong cảnh cơm no, áo ấm. Chẳng những như vậy thôi, mà

nhờ có làm mới dự tiên để xây trở phòng khi hữu sự, như quan hôn tang tế, hay lúc phong vũ bất kỳ.

b/- Làm chủ gia đình được giàu, thì nên thi ân bố thí bồi lộ tu kiêu, cất học đường, tạo cấp cô viện, v.v...

Còn dự giả nữa thì kinh doanh sự nghiệp mở mang kinh tế giúp cho xã hội thêm giàu, cho quốc gia thêm mạnh.

c/- Nếu nghèo thì tùy phận mà xử sự, chớ chẳng vì nghèo mà vị kỷ vong tha hay không giữ gìn nhân vị.

Tổng kết:

Sự làm việc là điều cần thiết của sự sống. Đó là một định luật bất di bất dịch, không ai qua luật ấy mà được toại kỳ chí yên kỳ thân cho lâu dài được.

Cho hay mỗi người đều có phẩm giá cá nhân rất nên quý trọng, thì không vì lẽ nhu cầu đời sống mà không lo hoạt động thể nào cho việc cân xứng với bản năng thuần túy của mình. Và lại, giữa thời đại văn minh này, sự làm việc của người ta có ảnh hưởng nặng nề vào phẩm chất, và càng đi sâu xa thời ảnh hưởng càng công hiệu. Lẽ dĩ nhiên, để hành động cho được việc, điều có lợi là phải ngó tới việc phải làm, và hình dung trước cái có thể làm, nhiên hậu sẽ làm, hoặc cái không thể làm, nhiên hậu sẽ chừa bỏ.

Đó là điểm để phân biệt người ra khỏi giống thú, là giống không có trí khôn, chỉ hành động theo cảm giác, nhứt thời tha hồ, thì cứu cánh sẽ dẫn đầu hay đó.

Vậy thì cần yếu là trong khi làm việc phải để ý tứ và lương tâm vào đấy, sẽ thấy cái thú vị của đời sống, hầu theo đuổi nhiệm vụ cho đến kỳ cùng mà không biết chán.

Đã nhận định rằng sự làm việc là hữu ích, thì nó không riêng cho người đời mà là chung cho cả người đạo nữa.

Nếu cho rằng đã phải hết thể sự, đặng vào cửa tử bi cho an nhàn trí não mới yên ổn thân sanh, rồi hằng ngày trầm tư mặc tưởng, không làm gì hết, ấy là làm. Vì

bởi cuộc vay trả nghiệp xưa chướng cũ chưa xong,
mong gì giải thoát.

Tuy vẫn trong cửa Đại Đạo không còn những sự
tranh danh đoạt lợi, những điều hơn kém, mạnh được
yếu thua, nhưng sự làm việc vẫn còn là bản phận
Thiên Liêng của mỗi người, để lập công bồi đức, và
dọn mình cho ra người xứng đáng, để độ đời cứu thế.

ÁP DỤNG SỰ LÀM VIỆC TRONG ĐẠO ĐỜI (Phổ độ lập công quả)

Sanh trên cõi trần này, bá nhơn, bá tánh, mỗi người được tự do riêng tạo đời sống theo chí hướng, hoặc sống chung lộn theo người thế gian, hoặc sống tổ hợp với người tôn giáo. Tuy khác quan niệm, giới nào cũng lấy sự làm việc làm căn bản để đạt thành sở nguyện của giới mình. Đây nói về nhà tôn giáo thì chẳng phải phé hết thế sự, từng cửa Đạo rồi sớm kệ chiều kinh là rồi bổn phận. Người Đạo còn có sứ mạng Thiêng Liêng cao thượng hơn mà người đời không có, là sự hi sinh để làm công quả và lo phổ độ.

Công quả:

Đức Chí Tôn đã dạy:

“Người dưới thế gian này muốn giàu có phải kiếm phương thế làm ra tiền. Ấy là về phần xác thịt, còn muốn đắc Đạo phải có công quả”.

Hai chữ công quả có nghĩa thiển cận là hễ ra công trồng cây thì hằng bữa cố gắng chăm nom săn sóc cho đến ngày đơm bông kết trái, tức là ngày hưởng lộc thì công trồng mới không phải uổng.

Còn suy diễn ra, thì công quả có nghĩa là một mặt để hết tâm tánh giúp ích cho nền Đạo và một mặt dụng công lao làm phương tương công chiếu tội, lấy khổ hạnh làm cứu cánh thoát luân hồi, mới mong có ngày đắc Đạo.

Vả chẳng những phẩm tước và quyền hành chỉ là những hình thức bề ngoài, quan hệ về sự đặt ngôi phân thứ, để giữ gìn trật tự nghi tiết, giữa chốn đông người, chớ kỳ trung điều trọng yếu của nó là ở bên trong của từng cá nhân, khuôn luật chuẩn thẳng buộc Chức Sắc Thiên phong không được bán đồ nhi phé, mà phải thất đạo tâm. Chừng ấy dầu Chức Sắc lớn bậc cũng chưa ắt giữ còn áo mão.

Trái lại, Đạo hữu tu cam phận nhỏ nhen mà đầy đủ thiện chí, phụng sự không màng cực nhọc khó khăn, quyết lòng tự lập, không cầu nài phong thưởng, nhưng

rồi sự phong thường tự nhiên, vô triệu nhi lai, nêu gương sáng cho người khác noi theo để bước.

Thiết tưởng cửa Đạo là nơi để cho cả sanh linh được thư thả làm nhà chung, hầu tìm nét yêu thương, hưởng nguồn hạnh phúc, mà được cùng chẳng là do công quả nhiều hay ít, và sự thật tâm cùng không của mỗi người nơi đó.

Phổ độ:

Sanh nhằm đương kiêm thời đại, thiên hạ đảo huyền, luân thường suy bại, con người vì nhu cầu vật chất mà không diệt tánh bạo tàn, nên sự yêu thương và nét công bằng đã khuất dạng theo thời gian, đời sống hiện giờ chỉ là đời sống khổ.

Cho hay mối Đạo là mối dây kết chặt tình thương, thì người nhập Đạo là người có bổn phận phổ truyền giáo lý, độ dẫn quần linh, tương trợ tương thân, tránh đường tội lỗi.

Phổ độ chúng sanh bằng cách này hay cách khác tức là phương mầu nhiệm để lập vị Thiêng Liêng. Vì vậy nên Đức Chí Tôn buộc mỗi người trong Đạo, từ Chức Sắc đến Đạo hữu lưỡng phái phải độ cho được ít nhất là 12 người nhập môn (Thánh ngôn ngày 27 tháng 8 năm 1926)

Ví bằng chẳng ra công độ rồi, thì ngày về Bạch Ngọc Kinh chỉ với hai tay không, bao nhiêu công phu tu luyện ở cõi trần sẽ là công dã tràng.

Tổng luận:

Sự làm việc trong cửa Đạo là cần thiết cho đời sống của kẻ xuất thế ly gia, để phụng sự thiên hạ mà không mất phần mình, tức là mình được “tiên tự giác nhi hậu giác tha” đã có phần công quả lại thêm công phổ độ. Nếu tưởng rằng một khi đã phé nhưn sự lo việc tu hành, rồi cứ mơ tưởng luyện Đạo cho mau thành Tiên tác Phật ấy là lầm. Vì bao giờ công quả còn kém, nhưn sự chưa rồi, và chẳng có một tác động gì gọi là đại chí, thì dễ gì

mong đứng ngang hàng với các Đấng Thiêng Liêng cho
đặng.

NHIỆM VỤ MỘT CHỨC SẮC THIÊN PHONG ĐỐI VỚI ĐỜI, ĐỐI VỚI ĐẠO

Mang Thiên chức vào thân, vị Chức Sắc Thiên Phong của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không còn là người của mình hay của gia đình mà là người đã chịu hi sinh làm con tế vật dâng cho Đức Chí Tôn sử dụng để cứu nhơn độ thế.

Vậy thì Chức Sắc Thiên Phong có sứ mạng Thiêng Liêng thể thiên hành hóa, tức có bổn phận đem Đạo giải khổ cho chư quần linh trong thời mạt pháp này.

Nhiệm vụ này kiêm cả hai mặt Đạo và Đời. Tuy Đời và Đạo không chung một quan niệm, một chủ nghĩa, Chức Sắc là kẻ ở trung gian sẽ làm dây nối liền cho đôi bên tương đắc. Bằng chẳng vậy thì hoài công phổ độ.

1.- Đối với Đạo:

Chức Sắc cầm quyền không nên dùng cách hành phạt, mà nên dạy dỗ khuyên lơn cho Đạo hữu lỗi lầm biết hồi tâm hướng thiện.

Thiết tưởng Đạo hữu là kẻ ít phước không được thường nghe Thánh giáo, nên cam phận bất thông chơn pháp, thì Chức Sắc bề trên nên tự mình gần gũi đàn em, đặt mở vòng u ám cho chúng dễ bề tu luyện. Nếu cứ ở trên nhìn xuống thấy đồng Đạo thấp hèn, rồi đem lòng khinh bạc, là mình thất Đạo mà không hay đó vậy.

Chẳng giống với quyền Đời dùng nghiêm luật để cai trị, quyền Đạo chỉ lấy công ái để dỗ dành. Vị Chức Sắc cần giữ gìn đức hạnh cho hoàn toàn, chỉ biết bố đức hơn ra oai, thì ân hơn lập pháp mà thôi. Càng thân cận kẻ dưới, người bề trên càng nên rộng lượng khoan dung mà diu độ.

Đức Chí Tôn đã dạy: “Độ một kẻ hung hăng còn khó hơn độ một nước”. Trong trường hợp này vị Chức Sắc phải nhọc công lắm sức, chẳng tiếc lời khuyên, không thẹn hạ mình hầu làm nên cho kẻ khác. Đặt vậy thì Công mới thành, Ngôn mới chánh, Đức mới rạng.

2.- ĐỐI VỚI ĐỜI:

Người đời vì nhu cầu vật chất, xa hẳn đạo tâm, cứ giữ chặt tách phàm đặng chiếm phần đắc lợi dám làm tội mà quên phải đền tội.

Để giúp cho kẻ lầm lạc đang sa đắm trong vòng nghiệt chướng, được giải thoát tai nạn, vị Chức Sắc có bốn phận giải rõ chơn giáo cho người đổi tâm hướng thiện. Ấy là bốn phận đối với từng cá nhân ở Thế.

Đối với xã hội, còn cái nhiệm vụ trọng yếu khác là tạo nên tình yêu ái trong khuôn viên đạo nghĩa luân thường. Như hòa tâm hiệp thì tình cảm nảy sanh, vị Chức Sắc ngoan khéo sẽ dụng phương điều hòa các tình cảm cá nhân làm một khối thương yêu của xã hội, thì nơi này là nơi người Đời nhờ Đạo được sống hạnh phúc ngoài lẽ thống khổ.

Phương chước đầu tiên là lấy lễ đãi người, nhiên hậu sẽ dĩ đức phục nhưn là thượng sách.

Sau này vị Chức Sắc còn có trách nhiệm đối với nhà cầm quyền Đời Đạo vì bởi:

Đạo không Đời không sức.

Đời không Đạo không quyền.

Muốn cho dân được giáo hóa trở nên dân lành, biết tuân luật pháp quốc gia thì phải nhờ có Đạo hướng dẫn, nhưng cần phải có quyền Đời giúp sức Đạo mới thành công. Trái lại nếu Đạo không đủ phương tiện giáo hóa, để dân trở nên bạo tàn đạp đổ luân thường đạo lý, khuấy rối an ninh, quyền đời phải can thiệp trấn áp, ắt sanh loạn.

Song thế thường Đời ít khi cộng tác với Đạo mặc dầu là việc hữu ích cho Đời hơn là cho Đạo. Vị Chức Sắc phải làm thế nào cho Đạo Đời tương đắc mới tròn nhiệm vụ.

Tổng kết:

Chức Sắc Thiên phong phải luôn giữ mình cho xứng phận người cầm đuốc huệ soi sáng, cho đời bớt

cạnh tranh về vật chất và hướng về tâm linh, mới mong xây dựng được đại đồng thiên hạ.

ĐỜI SỐNG ĐƠN GIẢN VÀ THANH BẠCH

Cuộc sống ở đời có nhiều hình trạng khác nhau, vì nơn sự ai nấy sáng, và cách xử sự không ai giống ai, mới xuất hiện những tấn tuồng ai bi khổ nảo, mà miệng thể gian cho rằng Đời là khổ không phải là quá đáng. Và chẳng Đấng Tạo Hóa háo sanh vô lượng không hề tạo khổ cho ai, thoảng như có khổ là do mình tự triệu. Như có thừa thì xa xỉ, không đủ thì bõn sẻn, không ngăn cấm thì hoang dâm, không tiết độ thì hại thân, buông thả lòng dục thì hư hỏng. Đó là những nguyên nhân làm cho nền trật tự xã hội phải chinh lịch, và giá trị con người phải tổn thương, rồi phải bao nhiêu khổ tâm đặng thoát vòng khổ lụy.

1.- Sống đơn giản:

Đơn là đơn sơ, giản là giản tiện, sống đơn giản thì không có điều gì mà phải bắt cập hay thái quá.

Đành rằng đối với đời sống, cái ăn và cái ở là cần thiết, nhưng ăn đặng sống, chẳng phải sống đặng ăn.

Sách có chữ “tri túc thường lạc, đa tham tắc ưu”. Nghĩa là biết đủ thường vui, nhiều tham ắt lo. Người tri túc, dầu nghèo hèn cũng vui, tức là trị được cái khó tánh với cái bản ngã. Không tri túc thì dầu giàu sang cũng còn lo, tức là làm tội cho cái dục vọng mà cái dục vọng thường hay khiến hư, và hư là khổ.

Người sống đơn giản chẳng những tránh được cái khổ này là một điều lợi lớn còn thâu thập được nhiều cái lợi khác là khỏi mất thì giờ, khỏi hao tiền của không bận rộn tâm trí.

Một diệu kế để yên vui trong cảnh sống đơn giản là cứ nhìn kẻ dưới sẽ thấy mình đủ. Và đó cũng là phương mầu cho người Đạo áp dụng để răn lòng đừng ham muốn theo thường tình thế sự mà gây oan nghiệt.

2.- Sống thanh bạch:

Thanh là trong, **bạch** là trắng. Sống thanh bạch là sống trong sạch với sức lực và tài năng của mình mà thôi.

Như đã có của còn làm điều phi nghĩa đặng giàu thêm, hay đã nghèo lại làm chuyện bất minh cho hết nghèo, thì đời sống phải bộn nợ nhọc nhãi. Những cái nợ cái nhọc này không kíp thì chầy sẽ rửa bằng sự đền tội, hoặc với cách này hay cách khác, nhưng không bao giờ tránh khỏi, vì luật công bình vay trả đã định vậy.

Nghĩ vì kẻ tiểu nhân thì vụ lợi, mà người quân tử thì vụ nghĩa, thành thử hai lý tưởng tương khắc và hai hành vi bất đồng, nhưng bao giờ lẽ phải cũng về với cái nghĩa. Bởi trong cái nghĩa đã sẵn chứa lòng nhơn, nên người quân tử ưu đạo bất ưu bản và vẫn sống trong vòng thanh bạch.

Người nhập Đạo rồi không còn ham luyến lợi trần nên thi hành triệt để Tứ Đại Điều Quy khoản 3, về tiền bạc thu xuất phân minh và mượn vay lo trả, đặng giữ gìn đời sống thanh bạch.

Còn về đời sống đơn giản, thì tùy tiện không xa xỉ, theo điều thứ 15 Tân Luật là gương xả phú cầu bản xả thân cầu Đạo.

Tổng kết:

Thế sự hay biến đổi, đời người có lúc bị cực, có hồi thối lai và để đề phòng bất trắc nên tập trước cho quen sống đơn giản và thanh bạch thì bước đường vẫn được ung dung tự tại, dầu cho hoàn cảnh nào cũng vậy.

TÌNH THẦN KỶ LUẬT

Kỷ luật là những phép tắc do những tổ chức xã hội đặt ra để giữ gìn trật tự xã hội và điều hành trách vụ của các phần tử trong tổ chức.

Vả chẳng ai cũng có ý thức rằng mình tự do. Ấy là một điều hiển nhiên. Vì bởi có tự do mới có nghĩa vụ ai cũng có nghĩa vụ, bắt buộc lương tâm làm cái này cái kia và chỉ có nghĩa là khi nào lương tâm đó tự do. Có tự do mới có trách nhiệm, mà ta có thể tránh trách nhiệm hay thi hành nếu ta muốn.

Điều cần yếu là chẳng nên có quan niệm rằng hễ tự do là được tự ý hành động lợi mình mà hại kẻ khác, thì sự hành động ấy chẳng những ra ngoài giới hạn tự do của mình mà còn vi phạm quyền tự do của kẻ khác.

Vì vậy mới có kỷ luật để bảo thủ sự tự do trong giới hạn của nó và ngăn ngừa sự tự do thái quá là nguồn sanh loạn trong quần chúng.

Có hai thứ kỷ luật: Kỷ luật khách quan và kỷ luật chủ quan.

1.- Kỷ luật khách quan:

Là kỷ luật do những tổ chức chánh trị bên ngoài cá nhân buộc cá nhân tuân theo. Ấy là luật pháp trong nước bất khả xâm phạm để giữ gìn trật tự cho toàn dân được an cư lạc nghiệp.

Trong các tổ chức xã hội khác như Thương mại, Nghiệp đoàn, Giáo huấn, Tương tế, v.v... nơi nơi đều có kỷ luật để cho mọi người yên trí làm việc có hệ thống và theo phương pháp khoa học (không mất thì giờ, đỡ tốn phí) đặng tiến triển mạnh mẽ trong nghề và trong vòng trật tự.

Như Quân đội là một cơ quan để giữ gìn trị an trong nước và trật tự xã hội, tức là có phận sự bảo vệ tự do của nước và của dân cũng, phải có kỷ luật đặng trên để điều khiển, dưới phải trọn tuân mới đi đến kết quả thành công.

Nếu thiếu kỷ luật trong tổ chức thì người điều khiển dẫu có tài năng cách mấy cũng không sao giữ vững nền tảng của tổ chức được.

Còn đã có kỷ luật mà vi phạm, là tự ý phá hoại quyền lợi của tổ chức.

2.- Kỷ luật chủ quan:

Là phép tắc tự cá nhân đặt ra cho mình tuân theo. Nếu vì sự sống, vì quyền lợi cá nhân, mà biết cư xử trong giới hạn tự do của mình, không xâm phạm giới hạn tự do của người khác, ắt tránh được sự tranh giành, đụng chạm thì sự sống và quyền lợi cá nhân không hề bị tổn thương bao giờ.

Kỷ luật trong Đạo:

Trong cửa Đạo là nơi trau dồi tánh dữ hóa hiền, sửa đương lòng ta trở thành tâm chánh, thì Tứ Đại Điều Qui và cách sắp đặt chỗ ăn, chỗ ở nam nữ phân biệt là kỷ luật khách quan.

Những chuẩn thẳng mực thước để tự buộc mình phải thi hành cho nên người xứng đáng hướng dẫn nhơn sanh trên con đường đạo đức là Ngũ Giới Cẩm nói chung và nghiêm luật trong Tịnh Thất nói riêng, là kỷ luật chủ quan.

Tổng kết:

Tự do chơn chính phải ở trong kỷ luật, mà phục tùng kỷ luật là không phạm tự do chơn chính. Không phạm ấy là giữ được chữ hòa trong gia đình, trong xã hội luôn cả trong nước. Tinh thần kỷ luật giúp cho mỗi người tạo cái đời sống luân lý và luật pháp, tránh được những điều phiền phức trong xã hội.

NHƠN PHẨM

Nhơn phẩm là giá trị con người, tức danh giá cá nhân. Giá trị này cao hay thấp, nặng hay nhẹ, vinh hay nhục là tùy hành vi và tánh đức của mỗi người mà nhận định. Những kẻ nhơn tử, nghĩa khí, có bụng yêu đời, sẵn lòng giúp thế, là những người biết tôn trọng nhiệm vụ và nâng cao nhơn phẩm mình. Trái lại làm điều phi nghĩa, vị kỷ vong tha, là tự mình làm mất phẩm giá mình. Vậy thì nhơn phẩm không phải tạo bằng tiền bạc hay bằng chức vị xã hội mà bằng đạo đức luân lý vậy.

Vì bởi có sự trọng khinh nhơn phẩm, nên trong xã hội có hai hạng người: một hạng được người ta tôn sùng và thân cận là hạng quân tử, còn một hạng bị người ta chê bai và xa lánh là hạng tiểu nhơn.

1.- Quân tử:

Cố giữ danh giá cá nhân trong mọi hành tàng không để nhơn phẩm bị tổn hại bởi những cạm bẫy của bả lợi mờ danh. Chẳng những vậy thôi, người quân tử còn tôn trọng nhơn phẩm của kẻ khác trong mọi nơi và mọi dịp, bằng cách tránh cho họ những cạm bẫy ấy.

Thậm chí đến lúc khốn cùng, người quân tử không đổi chí hướng.

2.- Tiểu nhơn:

Vụ ở điều lợi riêng, bất kể phải quấy nhục vinh, kẻ tiểu nhơn không có tánh tình cao quý gì cả. Làm điều phi nghĩa, thất đức tức là tự mình coi rẻ nhơn phẩm mình, hồ để bảo ai tôn trọng mình cho đặng?

Nhơn phẩm trong cửa Đạo:

Vào Đạo đặng trước sửa mình sau làm gương cho kẻ khác; việc tu kỹ là bổn phận đầu tiên và càng chuyên cần chừng nào, nhơn phẩm của mỗi người càng thanh cao chừng ấy, và đã là người sống trong vòng mực thước chánh nhơn, hiền hòa, thì không thể phân hạng quân tử và tiểu nhơn trong đại gia đình Đạo được.

Về sự tu kỹ có ba phương pháp để tập rèn hơn cách là:

Thứ nhất: Trong khi im lặng, vắng vẻ một mình, nên tập trung những tư tưởng tốt lành, loại trừ những ý nghĩ xấu xa, hầu chế ngự cái tánh buông lung hay xúi giục những hành vi có thể làm tổn thương hơn phẩm. Vì vậy Thầy Mạnh Tử nói rằng: “Học vấn chi Đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ”. Cái Đạo học vấn không có điều gì khác, chỉ có tìm cái tâm đã sổ ra mà thôi.

Thứ nhì: Giữa bạn đồng Đạo cùng chung một nơi ăn, một chỗ ở, như ở giữa một tiểu gia đình, nên dầu muốn dầu không, luôn luôn phải tỏ bày trên gương mặt một nụ cười, một nét vui đặng kết tình thân hữu. Biết đâu chừng cơn vui của một người chia sẻ cho kẻ khác, sẽ lấp được một phần nào cơn sầu của chúng bạn.

Thứ ba: Trong cuộc giao tiếp bất luận với ai, phải thủ tín là điều cần thiết để bảo vệ danh giá, vì một khi mất chữ tín thì hơn phẩm liền mất theo.

Lại nữa trong lúc đàm thoại chẳng nên nói những điều ta suy ngẫm mà phải suy ngẫm những lời ta nói.

Kết luận:

Người biết quý trọng hơn phẩm, vốn có một tinh thần thanh khiết và cường kiện, phú quý không mê hoặc được, bần tiện chẳng thay đổi được và oai võ chẳng khuất phục được.

CÔNG BÌNH VÀ BÁC ÁI

Giữa thế kỷ XX này, tiền tài vi chủ, mạnh được yếu thua, thân con người nếu bị giam hãm trong vòng thống khổ, bởi sự bất công và vô nhân đạo, thì kiếp sống chỉ là kiếp đọa đầy không có gì là lạc thú.

Đời sống hạnh phúc con người phải nhờ một chánh sách Công Bình và Bác Ái, làm nền tảng cho nền luân lý thuần túy đã mất từ lâu.

1.- Công bình:

Điều gì mình không muốn người ta làm thì mình đừng làm cho người ta, ấy là lẽ công bình nữa.

Theo thế tình, hễ có vay tất phải có trả, có thọ ơn tất phải có đền ơn, ăn cho đồng chia cho đều, không so hơn tính thiệt, nói tóm là tránh những điều bất công thì không xảy ra những sự bất hòa trong gia đình cùng xã hội. Chừng ấy chốn công đường sẽ hết kẻ kiện thưa, nơi tư thất người người yên sống.

Có công bình lý tưởng và công bình sự kiện.

Lương tâm không cho ta hà khắc kẻ yếu hay xâm phạm quyền lợi của ai, mặc dầu ta là kẻ mạnh, nếu ta xử sự do lương tâm hướng dẫn, ấy là công bình lý tưởng.

Luật pháp của xã hội lập ra đặng giữ gìn tài sản và sanh mạng của mọi người và bảo vệ công lý, luật pháp ấy là công bình sự kiện.

Chẳng những về mặt Đời, có luật pháp để sửa trị những điều bất công, mà về mặt Đạo cũng có chuẩn thẳng để bảo vệ công chánh và giữ niềm hòa khí giữa người đồng Đạo. Như Đạo giải thoát của nhà Phật là Đạo Bát Chánh có ấn định luật công bình căn cứ nơi Chánh Ngữ là phải nói những điều đúng chơn lý không nói những điều giả dối xảo quyệt. Chánh nghiệp là chỉ làm những việc ngay chánh công bình không làm những việc tàn bạo gian ác, và Chánh Mạng là cứ sống theo

con đường công chánh, không vì lợi lộc mà bỏ nghĩa thân.

Còn luật công bình của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Tứ Đại Điều Quy, để giúp cho mỗi người được thung dung hành Đạo mà không phạm đến thanh danh quyền lợi của kẻ khác.

2.- Bác ái:

Nếu vì công bình rồi quyền lợi ai nấy giữ, cơm ai nấy ăn, nhà ai nấy ở, việc ai nấy lo, ắt hóa ra một đoàn thể tuy gần gũi nhau, mà thật sự thì cách xa nhau, bởi không ai ngó ngàng đến ai, tức là vong tha ích kỷ, là điều tối kỵ trong gia đình tôn giáo.

Vậy thì công bình phải rút trong nguồn bác ái, mới tạo hạnh phúc cho loài người được. Bác ái là tình thương yêu sâu rộng, và tình thương ấy thực hiện bằng cách bố thí và cứu trợ.

Vả chẳng bố thí có nhiều cách: Hoặc chơn thật và quyết lòng trợ khốn phò nguy, hoặc kiêu hãnh muốn làm việc thiện đặng lấy tiếng; nên sự bố thí có giá trị cùng chẳng là do cách bố thí. Nó có giá trị cao thượng là khi nào làm ơn không vụ lợi, và hoàn toàn giúp đỡ như anh em một nhà. Em ngã chị nâng, bạn bạn giúp đỡ nhau, người mạnh giúp kẻ yếu, cứu trợ kẻ tật nguyền, v.v... Đó là bác ái tương trợ thật sự.

Làm ơn mà đừng làm giảm giá trị người thọ ơn mới thật là bác ái.

Nên lưu tâm về chánh sách giáo hóa chúng sanh của các tôn giáo, bằng cách cấm sát sanh, chủ ý là khuyên kẻ hung hăng nên chừa tánh dữ. Bỏ dữ theo hiền, tức là gần sự thương yêu. Thương được mới hiệp được. Hiệp được mới lập thành đại đồng thiên hạ, chừng ấy mới cộng hưởng thái bình vĩnh cửu.

Kết luận:

Có công bình mà thiếu bác ái thì trật tự xã hội không bền vững, có bác ái mà thiếu công bình thì hạnh phúc toàn thể không hoàn toàn.

Vì vậy công bình và bác ái là hai đức tánh cần thiết và bổ túc nhau, để củng cố tương tranh và gây hạnh phúc.

LỄ PHÉP

Lễ phép là những quy điều đặt ra để giữ gìn hạnh phúc trong sự giao tiếp với người trên và kẻ dưới, thế nào cho có vẻ hòa kính nhau.

Lễ phép cũng còn cái sở dụng để bảo tồn trật tự trong gia đình và xã hội, luôn tới cả một dân tộc một quốc gia nữa.

Nhờ có lễ mới gây thành tình cảm tốt, mới chế tài hành vi con người ta và phòng ngừa những điều rối loạn hồ đồ.

1.- Lễ:

Muốn người ta trọng mình và yêu mình, trước phải trọng người và yêu người. Người trên không có lễ, thì không lấy chi đặng khiến kẻ dưới, kẻ dưới không có lễ, thì không lấy chi đặng đãi người trên.

Người ta ai cũng có lòng muốn, mà lòng muốn người ta không có giới hạn, thì không thể không tranh. Tranh thì loạn, loạn thì khốn cùng. Cho nên chế lễ để chia phận nghĩa cho rõ ràng, chế ngự cái muốn, không để cùng kiệt các vật sở dụng, và cái vật sở dụng không làm kiệt cái muốn, tức là các vật sở dụng với cái lòng ham muốn phù trì lẫn nhau mà sinh trưởng.

Vả lại cái muốn thì nhiều, mà vật sở dụng thì ít nên tránh sao khỏi tranh giành, nên chế lễ để tiết chế cái muốn và bảo tồn các vật mới còn sanh hóa được, cho nên nói Lễ là nuôi là ý đó.

Hễ giữ thì chẳng luận lúc nào hay nơi nào, đều phải cẩn thận từng hành vi từng ngôn ngữ. Như làm một việc gì mà thất lễ thì không làm, nói một lời gì thất lễ thì không nói, xem những sự gì mà thấy vô lễ thì không nghe. Ấy là phép trau dồi đạo hạnh, giữ vững đạo tâm không nhiễm việc xấu, tránh xa tai họa. Vì vậy nên Ông Thái Công bảo: “Siêng cần là của báu vô giá, cẩn thận là lá bùa hộ thân” (Cần vi vô giá bửu, thận thị hộ thân phù) là vậy.

2.- Pháp:

Có lễ tức là có pháp. Pháp là khuôn viên mực thước để răn lòng sửa tánh hầu tránh điều tội lỗi. Trong nhà có lễ pháp thì lớn nhỏ phân minh, ở ngoài có lễ phép thì thượng hòa hạ mục.

Phép nước cũng căn cứ theo lễ, chế ra hình để trị loạn. Bỏ phạt công dân hễ biết sợ phép nước, thì hằng ngày được vui vẻ (tức là được bình an) còn để duôi phép công (hay là khi để quan quyền) thì hằng ngày lo lắng (sợ nay mai bị tội không chừng). Nên cổ ngữ rằng: “Cụ pháp triều triều lạc, khi công nhứt nhứt ưu”.

Người có pháp độ không hay nói nhiều, nên được thanh nhân. Hay tha thứ khoan dung, thì không có kẻ oán. Tránh ganh hiềm ghét ngỗ, thì không ai thù. Không tham danh chước lợi, thì không mất tự do.

Lễ Pháp trong cửa Đạo là Tứ Đại Điều Quy để cho Thiện Nam Tín Nữ hằng ngày gìn giữ đặng trau dồi đức hạnh.

a.- Về Lễ thì phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bậc thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người. Lỡ làm lỗi, phải ăn năn chịu thiệt. (khoản 1, điều 22, chương V Tân Luật).

Đối với trên, dưới đừng lờn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung. (khoản 3).

Trước mặt sau lưng, cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi khi sau. (khoản 4).

b.- Về Pháp chớ khoe tài đừng cao ngạo quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo. Đừng nhớ cừu riêng. Chớ che lấp người hiền. (khoản 2).

Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. (khoản 3).

Đừng thấy đồng Đạo tranh đua ngòi mà xem không để lời hòa giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên dễ dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người. (khoản 4).

Kết luận:

Lễ Pháp có cái công hiệu phòng ngừa nguồn loạn. Nó có cái vi diệu ngăn cấm không cho phát hiện những điều quấy khiến người cứ gần điều lành, tránh điều tội mà tự mình không hay.

LÒNG THA THỨ

Lòng tha thứ là lòng khoan dung hỉ xả tội lỗi của kẻ khác. Muốn được vậy thì phải có đức lớn, độ lượng cao, thành thật, thương yêu không coi ai là thù nghịch cả. Thoảng như gặp kẻ thất giáo vô lễ, hoặc bị đũa vỡ phu thị nhục, đại trượng phu không vì đó mà phần nộ chinh lòng.

Trái lại, còn tha thứ cho kẻ kia, thì được lợi vừa cho mình, vừa cho kẻ ấy.

1.- Lợi cho mình:

Muốn có lòng tha thứ trước hết phải sẵn có dạ yêu thương. Có biết thương yêu mới gạt bỏ được những điều tội lỗi của kẻ phạm, tất nhiên không còn toan mưu rửa hận, tránh được sự kết oán gây thù, khỏi phải trả vay nghiệp báo về mai hậu.

Nghĩ vì kẻ hạ sĩ có bụng dạ đàn em ưa sanh sự, thì người thượng sĩ có khí tượng đàn anh không đáng tranh giành hơn thiệt, hầu lưu lại mãi mối nhờn tình, đặng ngày sau còn thấy mặt nhau mới tốt. Đó là cái lợi, vừa nhịn người, vừa được an thân, lại không mất niềm giao hảo.

Chẳng những vậy thôi, hễ càng rộng tình tha thứ để bố đức thi ân, thì cái phúc của mình tự nó càng tài bồi. Nên cổ ngữ rằng: “Vạn sự tùng khoan, kỳ phúc tự hậu” thì không mất phần ai cả.

Còn cái lợi khác, nếu gặp những trường hợp chướng ngại này kia, người có trí nên tự xét và tìm hiểu những cái khuyết điểm trong cách xử sự của mình hầu bỏ khuyết ngay, tức là có dịp để mình liệu bề chánh kỷ. Nuôi lòng lành, điều dữ tự nó tiêu tan, tha thứ lỗi người, không tha thứ lỗi mình, ấy là thượng sách.

2.- Lợi cho kẻ khác:

Kẻ làm điều tội lỗi, hoặc vì dốt nát, hoặc vì mê si, hay bởi tánh hung hăng không ai kiềm chế, hay bởi nhẹ dạ non lòng, dễ nghe lời xúi dục hành động vô ý thức,

một khi kẻ ấy được tha thứ, ắt sẽ hồi tâm không tái phạm, nếu được nhiều lần tha thứ nhiều lúc ăn năn, kẻ nghịch kia sẽ trở nên người bạn tốt. Ấy là chuyện họa vi phước, cho kẻ kia nhờ và cũng là bổn phận kẻ sáng suốt, phải hạ mình chiều chuộng khoan dung, đặng dẫn lối người ám muội trên đường chánh kỹ.

Vả chẳng Đức Chí Tôn đã ban hành cho mỗi người một điểm linh quang hằng sáng suốt, nhưng vì ngoại cảm xấu xa che lấp nên phải lu mờ, nếu được ngoại cảm tốt lành xâm nhập phá tan màn hắc ám, chuyển hư thành nên, thì dầu cho tiểu nhơn cũng trở thành quân tử.

Kết luận:

Ở trong cảnh giới hỗn tạp phong ba này, mà muốn lập thân không phải dễ. Vậy cái khuôn phép xử thế phải rộng rãi khoan dung, dầu cho bị đau khổ tâm hồn, cũng xem như đi trên con đường bằng phẳng mới yên ổn được. Không đau khổ làm sao biết thương yêu và tìm ra bản ngã? Bởi vậy cho nên phải hằng nhớ rằng, chi chi cũng phải sẵn có niềm hòa khí, nét yêu thương mới có lòng tha thứ. Thiếu tình thương yêu, ắt mất dạ khoan hồng, rồi thế nào “Dĩ đức phục nhơn” cho được?.

MÊ TÍN DỊ ĐOAN

Giữa thời đại văn minh vật chất này, tiền tài lợi lộc hay làm cho hơn tâm này sanh những mưu này kế nọ, để cho người gạt người, cho kẻ khôn lường kẻ dại, tưởng không phải là việc lạ. Nhứt là về mặt tín ngưỡng, có những khía cạnh rất dễ khiến kẻ mê tâm mọi tánh, dám hi sinh làm dụng cụ cho người khác sử dụng. Và một khi tâm tâm nhiễm về đường tà, thì thành mê tín dị đoan nan giải.

Nguyên nhân: Dân tộc nào cũng vậy, hễ còn xa ảnh hưởng văn minh khoa học, và chưa được đào luyện trong tinh thần khoa học thì không khỏi lâm vào lối mê tín dị đoan.

Mê tín là quá tin tưởng theo những điều gì một cách mù quáng, trước khi tìm hiểu cho ra lẽ phải trái.

Dị đoan là tin chắc tưởng thiệt những điều quá kỳ dị không thể tin được.

Hậu quả: Bị lợi dụng, kẻ mê tín không khỏi mất tiền mất của, thậm chí có thể lụy đến thân là khác.

Như gieo sự bất yên trong số người mê tín, có nhà lo đi xem bói, coi đồng coi cốt, có người nhờ thầy pháp đánh bùa đánh phép chữa bệnh, đó là hành động vô ý thức và thiếu sáng suốt để tiền mất tật còn.

Lâu ngày căn bệnh trầm kha (nếu nói về bệnh hoạn) rốt cuộc phải nhờ lương y điều trị.

Còn nói về tội tình, thay vì ăn năn chữa cải, lại cậy kẻ khác tụng kinh cầu phước, tội kia còn đó, kinh nọ làm gì cho tiêu, nghiệp chướng vẫn còn là nghiệp chướng.

Vì yếu tánh và thất học, kẻ tin dị đoan vừa thấy một viên đá to tướng liền thấp hương khấn vái cầu xin này nọ và cho đó là Đá Thần, có đủ oai linh cầm quyền sinh sát. Người đi biển rủi gặp lượn sóng khổng lồ thì cho là Sóng Thần rồi cũng thấp nhang đèn khấn vái cho biển lặng sóng êm, thay vì lánh nạn nơi khuất gió.

Có nhiều nơi ở gần biển, một khi gặp Cá Ông mắc cạn, chết khô trên bãi, thì dân cư nội vùng xúm lại để

tang, lập miếu phụng thờ và cầu an cho bá tánh. Càng kể càng thêm nhiều điều hoang đường vô lối.

Thử nghiệm kỹ hành vi và tin tưởng như thế đem lại kết quả gì nếu chẳng phải là kết quả làm cho trí óc tán loạn, tinh thần thấp kém thì muôn việc đều hư hỏng.

Phương cứu chữa: Hễ có Mê thì có Ngộ

Mê là đem tâm đeo đuổi theo những cái ảo ảnh vô thường, thoát có thoát không, không dựa vào đâu để bảo đảm kết quả chắc chắn theo nguyện vọng của kẻ hữu cầu.

Nếu tinh ý đem tâm quy về cái lẽ chân thật duy nhất không bao giờ mất và dùng lý trí để cứu xét phải trái chánh tà. Phải thì theo, trái thì tránh, chánh thì làm, tà thì hủy. Dốt thì học hỏi nơi người hữu học, ám muội thì noi theo gương kẻ sáng suốt mà đồ theo, chẳng nên nghe lời huyền hoặc, chẳng nên làm chuyện dị đoan luôn luôn thận trọng mọi sự và mọi dịp.

Ấy là chuyển Mê khỏi Ngộ là vậy.

NGHĨA TƯƠNG TRỢ

Ở cõi phàm này không ai sống cô độc mà hưởng đầy đủ nhu cầu cho được. Không ai có thể tự hào mình làm được trăm việc, tự cung cấp mọi điều cho mình mà không nhờ đến xã hội.

Thử xem một bằng chứng rất minh xác trước mắt chúng ta hằng thấy là một người làm ruộng có lúa ăn mà không có nhà ở nếu không có thợ mộc giúp tay. Còn thợ mộc phải cần thợ rèn mới có dụng cụ hành nghề v.v... Người này nhờ sức người kia mới đủ phương tiện sanh sống, sự liên đới quan hệ giữa các ngành nghề nghiệp trên đây là chỉ cho ta thấy sự giúp đỡ xoay vần về tài lực giữa người trong xã hội có ích là dường nào.

Thiết nghĩ xã hội nào cũng có người bất túc kẻ hữu dư, có người lành mạnh, kẻ tật nguyên, thì tương trợ là điều cần thiết để tạo phúc cho nhau trong khoảng đời thống khổ của mỗi người.

Có nhiều cách tương trợ hoặc bằng lời nói, việc làm hoặc bằng tiền bạc của cải. Ai cũng có thể giúp kẻ khác nếu không với hằng sản thì với hằng tâm. Chớ đừng vị kỷ vong tha mà phải bị xã hội ghét bỏ. Một khi mất đi sự tương trợ của xã hội, thì dầu tung tiền muôn bạc ức để đổi lấy bất cứ thứ gì cũng không được, thì sự giàu sang khi đó sẽ trở nên vô ích.

Nghĩ vì đời thường khổ lại thường gặp nhiều cảnh khổ, như bị hoả hoạn, thủy tai, hay thiên tai địa ách, nên xã hội mới lập ra nhiều tổ chức có tánh cách tương trợ như tương tế, chẩn bần, vừa giúp ích cho cá nhân, vừa giúp lợi cho nước nhà. Bởi đó mới có câu cách ngôn “Nhiều điều phũ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng”.

Nói riêng về phần cá nhân đối với cá nhân, có lời tục rằng: “Khó giúp nhau mới thảo, giàu tư trợ ai mang”. Câu này có ý nhấn nhủ với ai là khách trần tục chẳng nên quên lập nền nhân nghĩa bằng cách tương trợ tương thân và để tình nhân nghĩa cho đúng chỗ, đúng thì, mới thật là có nghĩa tương trợ.

Thêm một mẫu chuyện như dưới đây của một người mù với một người bại, hai người cùng giúp sức nhau để đi hành khất bằng cách người mù không thấy đường thì nhờ cặp mắt sáng của người bại dẫn lối, còn người bại không đi được thì nhờ cặp chân của người mù đạp lên đường. Chuyện này tả cảnh tương trợ giữa người đồng khổ không cảnh nào thiết thực bằng, hướng hồ giữa một người khổ với một người ít khổ lại không có sự hộ trì nhau sao?

Sự tương trợ trong cửa Đạo:

Trong cửa Đạo là nơi giải khổ, thì sự tương trợ có nhiều ý nghĩa thâm viển hơn, mà mỗi người cần lưu tâm, để làm nét chuẩn thẳng trên con đường hành Đạo. Thiên về mặt tinh thần người trong bổn Đạo phải trợ giúp lẫn nhau bằng cách giáo hóa trên con đường hạnh đức. Phô bày phương pháp phá mê hầu diu độ nhau vào nẻo quang minh chánh đạị. Ngó về đường vật chất thì Chương Thế Luật trong Tân Luật đã ấn định rành rành chánh sách tương trợ để đi đến chỗ hiệp sức hòa tâm, rút trong nguồn cộng ái. Vả chẳng, nên nhớ rằng sự bất tín bất hòa là mầm chia rẽ, là mối nguy nan trong vòng thế sự cũng như trong phạm vi tôn giáo, nếu thiếu tương trợ tương thân thì họa diệt vong hậu kè.

Tổng luận:

Trên đời không có việc chi là khó, mà không làm được là bởi lòng mình không chuyên chú, ân cần đó thôi. Vậy thì thà là tạo nhân đáp nghĩa với ngàn người, chớ đừng kết oán với một người, mà làm hư hỏng một kiếp sanh rất uổng, sống có tương trợ thì sức lực được mạnh mẽ để phấn đấu, tinh thần được tráng kiện để tăng tiến trên đường giải khổ, mới thấy cái thú vị trong cái sống giữa đời phiền lụy khổ não này.

HI SINH CHO MỘT LÝ TƯỞNG

Hi sinh có nghĩa là quên cả sự sống, không kể tánh mạng mình để mưu cầu ích lợi chung cho nhiều người.

Lý tưởng là ước vọng cao xa của một cá nhân mà cá nhân ấy cố đạt cho kỳ được.

Hi sinh cho một lý tưởng tức là quên mình hay là hiến cả thân mình để làm một việc gì theo cái ý nguyện mà mình cho là cao thượng, là tốt đẹp để tô điểm cá nhân mình và cùng phụng sự cho kẻ khác.

Cho hay kiếp sống con người không phải để ăn uống, nằm ngò, đi đứng, hầu kéo dài ngày tháng cho tới chết là hết. Như vậy, thì kiếp sống không có nghĩa và không bỏ ích vào đâu cả.

Trái lại, sống với một mục đích, một chủ nghĩa hay một lý tưởng gì ngoài mình và cao hơn mình, mới thấy cái lạc thú để sống. Cố gắng theo đuổi cái mục đích ấy và để hết năng lực cùng tinh thần vào đó, cho tới mức thành công sẽ thấy dầu hi sinh đến đâu cũng không tiếc và vui lòng hi sinh là khác.

Do đó mới có trở mặt những anh hùng liệt nữ, những quân tử hiền tài, nơi này nơi nọ mà đời hằng ca tụng sùng bái.

Như Đức Phật Thích Ca có một lý tưởng cao siêu là thoát khổ. Ngài hi sinh cả quyền cao tước trọng, phú quý vinh huê, luôn cả gia đình, rồi hãm mình trong vòng khổ cực, tìm cho rõ nguyên nhân sự khổ và tầm phương diệt khổ. Ngài đắc pháp là nhờ theo đuổi cho đến kỳ cùng cái lý tưởng duy nhất ấy.

Như Đức Khổng Phu Tử vì theo đuổi cái lý tưởng sửa đời tệ, trị đời loạn, không hề thối bước trước một trở lực nào, mặc dầu ra làm quan giúp nước Lỗ, kế qua Tề, sang nước Vệ, tới nước Tống, nước Trần, nước Tấn, nước Sở rồi trở về nước Lỗ. Không nước nào dung nạp Ngài cho được lâu dài. Mãi đến tuổi về hưu, Ngài còn tiếp tục tạo dựng cho xong một nền luân lý thuần

túy cho dân tộc Trung Hoa, thêm viết một bộ sách Xuân Thu để bày tỏ cái Đạo của Ngài về đường chánh trị.

Như Đức Jésus Christ có một lý tưởng chuộc tội cho loài người, vì nhận thấy thời bấy giờ loài người đang đắm đuối trong vòng tội lỗi, Ngài chịu đổ máu trên Thập Tự Giá và đạt thành mục đích.

Như Hai Bà Trưng trong xứ ta, theo đuổi một lý tưởng phải trả thù chồng, bằng cách diệt trừ kẻ tàn bạo và đuổi quân xâm lăng ra khỏi nước. Hai Bà không màng sức yếu quần thoa xông pha trận mạc cho đến lúc thành công mới ngừng.

Sanh ra ở cõi trần này nếu ta chịu khó kiếm hiểu vì sao ta sống, sống để làm gì, ắt ta thấy con người là người của xã hội, và đã là người của xã hội, thì không khỏi có một niềm ưu tư phục vụ cho xã hội. Chừng ấy ta sẽ nảy nở những tư tưởng cao xa, những quan niệm tốt lành, để tạo được một đời sống vẻ vang cho mình, và hữu ích cho xã hội.

Đứng về mặt tôn giáo mà nói, phải có đại nguyện mới mong thành chánh quả. Đại nguyện là hi sinh, chánh quả là lý tưởng.

Như hiện thời trong cửa Đại Đạo mỗi người trong chúng ta đều lãnh một sứ mạng Thiêng Liêng diu chúng sanh vào đường đạo đức. Trước hết, chúng ta cần ly gia cắt ái, xả phú cầu bần, rồi kế đó phải gắng công trau dồi hạnh đức cho tới chỗ chí thiện, mới xứng đáng một người truyền giáo.

Sách Đại Học rằng: “Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện”.

Chí thiện là lý tưởng, còn những phương châm đạt thành lý tưởng như trên vừa kể là hi sinh vậy.

Tổng luận:

Đại phạm trong muôn việc có khó mới có nên, thậm chí muốn tới nơi thành tựu của một đại sự, dầu phải phải hết cái gì của mình mà mình cho là quý báu

trọng hậu cũng sẵn sàng hưu hỷ. Muốn thu cái lợi lớn,
phải thí cái lợi nhỏ là lẽ hằng xưa nay vậy.

TINH THẦN ĐOÀN KẾT

Đoàn kết là hiệp tại nhiều người thành nhóm, thành đoàn cùng theo một chí hướng để thực hiện một mục đích có ích chung hoặc phụng sự cho một chủ nghĩa cao thượng ngõ hầu thấu thập kết quả chắc chắn và tốt đẹp. Trái lại, riêng lẻ một người không thể thành công được.

Có đoàn kết mới có sự liên lạc mật thiết, mới hiểu nhau, mến nhau rồi sẽ giúp nhau, từ việc nhỏ đến việc lớn không bỏ qua một việc nào.

Việc nhỏ như một người lẩn không nổi một cây sục, mà năm bảy người phụ lực vào thì lẩn rất dễ.

Việc lớn như muốn lấp đất đê ngăn nước, một người làm không xuể, đông người làm chẳng mấy hồi.

Việc lớn hơn nữa như giữ gìn biên cương, bảo vệ quần chúng, có đoàn kết với mọi người mới chung lưng đấu cật, đồng lòng quyết thắng thì quân địch không dám đến hay đến rồi phải thất bại.

Những nghiệp đoàn trong các ngành kinh tế hay chính trị, hoặc binh bị là những hình thức đoàn kết hiệu nghiệm, để bênh vực quyền lợi và giữ vững tinh thần phấn đấu cho ngành mình, mà không mất tình hữu nghị giữa người trong ngành.

Lời ví rằng: “Chia rẽ thì chết, đoàn kết thì sống”. Số đông là số mạnh, đã đông lại thêm đồng một chí hướng thì làm việc gì cũng thành công. Hội nghị Diên Hồng là một đoàn kết lịch sử của Việt Nam vậy.

Sự đoàn kết của những người trong một nhóm, là một việc hay, còn đoàn kết nhóm này với nhóm khác, để tương trợ lẫn nhau trên đường sanh sống, là một việc càng hay hơn thêm cần thiết là khác.

Một xã hội cho đặng sống điều hòa và bình hành thì sĩ, nông, công, thương, phải phù trì nhau, mới cung cấp đầy đủ nhu cầu và tiện nghi được.

Lời Thầy Mạnh Tử về sự đoàn kết rất hữu lý và thâm thúy như vậy: “Không có người Quân Tử (là các

quan) thì chẳng ai ra chánh giáo để cai trị dân quê, không có dân quê thì chẳng ai cày cấy lấy lương bổng để cung cấp cho người Quân tử (Vô quân tử mạc trị dã nhân, vô dã nhân mạc dưỡng Quân tử).

Từ cổ cập kim, ở thế hệ nào cũng vậy, đời sống có đoàn kết mới có tiến hóa. Thế hệ này đã qua, để lại cái di sản đoàn kết lại cho thế hệ khác, và cứ lưu truyền từ đời này sang đời nọ, cái di sản ấy chỉ tăng thêm phần tốt đẹp mà thôi. Thảng như di sản đó bị phân chia ra từng mảnh mung, bởi một lẽ gì chẳng hạn, thì vì sự sanh tồn của xã hội ta phải kíp ráp lại cho lành, chuyển hư thành nên, mới khỏi đắc tội với thế hệ sau cũng như với thế hệ trước.

Tổng luận:

Sự đoàn kết giúp cho người ít tổn sức mà lập được đại công. Trái lại thì phí nhiều sức mà thành công dã tràng.

Ở trong cửa Đạo, sự đoàn kết rất hữu ích về phần vật chất cũng như tinh thần. Về vật chất có đoàn kết mới giữ trọn nét yêu thương, để trợ giúp nhau khi hữu sự. Về tinh thần có đoàn kết, mới tận tâm dìu dắt nhau trên đường hành Đạo, mới có đủ năng lực truyền bá chơn truyền cứu nhân độ thế.

XÃ HỘI

Ở thế gian này ngoại trừ những vật vô tri, các vật hữu tri hữu giác đều sống có gia đình có tổ chức có nhóm, có đoàn, mới tiến hóa và tồn tại tới ngày nay và sẽ còn tiếp diễn.

Loài người đòi hỏi đời sống chật hẹp trong tiểu gia đình. Lần hồi vì cuộc mưu sinh cấp thiết, mới nhìn nhau trong kẻ đồng tông và mở rộng đường tiếp tế, bằng cách trao công đổi của. Nhưng vì nhu cầu thân xác, cứ đòi hỏi thêm tiện nghi, mà một nhóm người không thể thực hành cho nên việc. Rút kinh nghiệm trong sự cộng tác đắc lợi của người đồng tông, nhiều tông và nhiều tiểu gia đình khác mới hội hợp lại làm một đại gia đình hay một xã hội. Mục đích là tương trợ khi hữu cầu.

Với mục đích này, xã hội có trách nhiệm nâng cao đời sống của mỗi người, bằng cách bỏ tước những nơi nào còn khuyết điểm. Chẳng những vậy thôi còn tìm phương cải thiện đời sống cho tận mỹ hơn, về phần vật thể cũng như về phần tinh thần.

Về phần vật thể thì trợ khốn phò nguy. Lập dưỡng đường, dựng cô nhi viện, tạo dưỡng lão đường, v.v... Về phần tinh thần thì lập trường học, xây nền giáo huấn bách khoa, nâng cao dân trí để phấn đấu cho xã hội được dễ dàng phát triển trên mọi phương diện.

Vả lại, xã hội là nơi quy tụ ý kiến của các bậc nhân tài, là nơi đấu trí của các nhà thông thái, tiện thị là nơi sản xuất những cái hay cái tốt để tô điểm đời sống còn của toàn thể.

Vậy thì công trạng của xã hội đời này là để bảo vệ cái di sản của xã hội đời trước, cũng như sẽ kế truyền cho xã hội đời sau. Hay nói một cách khác, có xã hội mới có văn minh tăng tiến. Cái văn minh đời này đã thành hình từ đời trước, rồi đời này cải thiện cho đời sau thừa hưởng, đời sau còn cải thiện thêm thì nền văn minh (vật chất lẫn tinh thần) không khi nào sút kém.

Thiết tưởng, mỗi một thể hệ đều có một trình độ tiến hóa riêng: nên xã hội của thể hệ này có bốn phận vừa giữ gìn cho nguyên vẹn cái văn minh của xã hội của thể hệ dĩ vãng, vừa nâng cao nền văn minh ấy cho hợp với dân sanh, dân trí đương thời, rồi xã hội của thể hệ tương lai, cũng sẽ do theo nguyên tắc kế truyền mà đề bước.

Tổng luận:

Không có xã hội, nhưn loại sẽ yếu thế, và mất thăng bằng trong đời sống của mỗi người. Song le những năng lực của xã hội ở thế kỷ XX này đã đến mức đông mãnh phi thường, thành thử gây trở lại một nỗi lo âu cho thiên hạ. Nó đoạt được một phần cơ mầu nhiệm của Tạo Hóa, là làm chủ nguyên tử năng, điều khiển khinh khí lực, và còn lên viếng cả cung trăng. Nhưng ngặt nỗi, hiện nay khoa học phần nhiều lại chỉ mạnh tiến về cách sát hại sanh linh, mà ít quan tâm đến bảo toàn sự sống.

Duy những đặc điểm khác của nguyên tử năng hay của khinh khí lực, để tạo hạnh phúc cho nhưn sanh hầy còn trong vòng bí mật. Phải chăng vì loài người chưa quay hẳn về đường đạo đức nghĩa nhân nên tìm chưa ra điểm ấy.

LIÊN HỆ GIỮA CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

Một số đông người hợp lại để theo đuổi một chương trình hành động, mưu sinh cho toàn thể, gọi là đoàn hay nhóm hay câu lạc bộ. Nhiều đoàn hợp lại, theo đuổi một chương trình rộng rãi hơn, cũng thiên về sự ích lợi chung gọi là xã hội. Mỗi cá nhân là một phần tử của xã hội. Vậy thì xã hội hình thành bởi cá nhân, và được nâng đỡ, duy trì tồn tại cũng do công cán của cá nhân.

Vả lại sự đòi hỏi của đời sống rất phức tạp, nên phải nhiều tay, nhiều trí, nhiều của... bồi đắp nhau mới làm cho thỏa mãn các nhu cầu được.

Thử xem từ thế hệ này đến thế hệ khác, có ai không ước ao ăn ở cho được an ninh, cho có nghĩa tình giữa người đồng xóm, đồng làng, đồng xứ sở? Nào là quyền lợi riêng tư, nào là tự do cá nhân, nào là tiện nghi ăn ở, ấy là những điều kiện muốn thực hành cho hoàn toàn, phải trải qua biết bao việc nhỏ nhặt phiền phức liên đới buộc ràng, từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến thiết. Nếu không có xã hội đảm đương trọng trách điều khiển mọi hành tàng, và giữ gìn kỷ cương thì sự sống còn của cá nhân không có nền tảng vững chắc, nếu nó không sụp đổ. Đồng thời nhiệm vụ cá nhân đối với xã hội không phải không quan hệ, vì mỗi người tùy khả năng phải tận tâm vừa giúp cho xã hội làm tròn phận sự. Vì đó, sự cố gắng của cá nhân là kết quả thành công của xã hội. Thoảng như rủi có điều gì làm lỡ của vài phần tử xã hội, thì toàn thể chung chịu trách nhiệm. Nếu không chính đốn cải thiện cấp kỳ, thì cái tệ hại này có ảnh hưởng tới thế hệ tương lai hoặc tới nhiều thế kỷ khác.

Theo luật thiên nhiên sanh hóa của Càn Khôn Vũ Trụ vạn vật phải có biến mới có tiến.

Đây nói về nạn loại, một khi ngộ biến thì xã hội phải tầm phương giải nạn, và phòng ngừa tai nạn tái lại. Đó là cơ hội cho cá nhân vừa giúp xã hội, chống chỏi với mọi trở lực trên con đường tiến hóa, và một lần thành công là một lần phát triển. Song le muốn đi đến thành

công, có khi gặp trường hợp phải chịu nhiều thất bại. Nếu kiên tâm trì chí, và khéo xoay trở đối chiếu, thì có thể chuyển hư thành nên. Sự thất bại sẽ lui bước, nhường chỗ cho sự thành công, là phần thưởng cuối cùng.

Tuy thất bại vẫn là bài học để tiến hóa, nhưng nên nhìn nó là cây thước để đo trình độ dân sanh, và là sự kiện để giúp xã hội canh tân theo kịp thời gian và hợp dân trí.

Tổng luận:

Cá nhân là phần tử tạo dựng xã hội, xã hội là hình ảnh năng lực của các phần tử.

Phần tử tốt thì tạo xã hội tốt, phần tử xấu thì xã hội khó tiến hóa.

Vì vậy mà người ta nhìn xã hội mà đoán quốc vận.

TÔN TRỌNG CỔ TÍCH, THẮNG CẢNH DANH LAM VÀ TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

Cổ tích là những vật ghi dấu những hành tàng từ ngàn xưa của các bậc tiền bối và tiêu biểu cho trình độ văn minh của thế hệ đã qua mà người đời nay nhìn vào phải sanh lòng hoài cổ.

Thắng cảnh là những bức tranh thiên nhiên kết thành bởi đỉnh núi đầu gành, non xanh nước biếc, hạc nội mây ngàn, có khí vị quyền rũ tao nhã mạc khách làm nơi giải trí, xui khiến kẻ lánh chốn phồn hoa làm nơi tịnh dưỡng tinh thần.

Danh lam là những chùa những tháp từ nhiều đời chịu đựng mưa sa nắng tấp, lưu lại những dấu tích ngưỡng mộ đạo đức của loài người.

Tác phẩm nghệ thuật và tác phẩm văn chương là những tuyệt xảo sáng tác và tinh hoa trí thức chẳng luận cổ kim có tánh cách dọn đường cho văn minh tấn bộ.

Trên đây là những vật vô tri, tuy không biết nói, không cử động, mà lại có cái vi diệu kêu gọi sự nhớ nhung, quý mến, cũng như sự tôn sùng, ngưỡng mộ, những chuyện xưa tích cũ, để cho đời hậu tấn làm tài liệu cải thiện đời sống cho tận mỹ hơn.

Những vật ấy không thuộc quyền sở hữu của một người nào, mà là của toàn dân toàn xứ. Song le có người không nhận thức cái vẻ đẹp thiên nhiên thắng cảnh, cái giá trị cao cả cổ tích, rồi xem thường và phá phách. Hành tàng như thế là đi ngược vòng học hỏi, chỉ biết thoái chứ không biết tiến. Vì đó mới có những Hội Khảo Cổ, khai thác đất đai tìm cổ tích, những tổ chức mạo hiểm vào hang sâu vực thẳm, lặn bể trèo non, tầm vật lạ thiên nhiên, hầu bổ túc và khuyếch trương khoa học.

Như vậy là người ta biết tôn trọng cổ tích, và cố giữ gìn cho nguyên vẹn, hầu lưu truyền những cái hay, cái khéo luôn cả cái vụng, cái sơ, của đời dĩ vãng cho

đời hậu lai lấy cái đó làm kinh nghiệm, hầu phát huy tư tưởng và tô điểm hành tàng thì không phải là điều vô ích.

Nếu chép cho hết những cổ tích, và tác phẩm nghệ thuật từ hồi nguyên thủy đến buổi hiện kim, thì không biết bao nhiêu sách cho đủ. Có điều ta nhận kiếm không sai là trên thế giới này loài người cứ tái diễn những tấn tuồng bất vi thiện, những trò tàn phá đặng rồi kiến thiết. Vì thế mà văn minh vật chất được phát triển còn văn minh tinh thần lại sút kém.

Như vua Neron (Ý Đại Lợi) vì hà khắc người Công giáo làm cho thành La Mã phải xiêu đổ. Tần Thủy Hoàng (Trung Hoa) cho đặng ngăn giặc xây Vạn Lý Trường Thành phải tiêu hao về số sanh mạng. Các vua Ai Cập xây Kim Tự Tháp, chất đá thành non làm nơi cất xác, đó là gương hùng cường.

Thành Jérusalem, thành La Mecque (Trung Đông), sông Hằng Hà (Ấn Độ), xứ Tây Tạng (Trung Hoa) là những nơi có địa điểm tích trữ những sự kiện khi thịnh khi suy của các tôn giáo.

Hiện giờ sau hai trận đại chiến Âu châu và thế giới hay nói một cách khác, sau hai cuộc phá hoại toàn cầu nhân loại lo tái tạo. Đồng thời khoa học đang mạnh tiến và càng mạnh tiến càng đe dọa hòa bình, khiến cho nền luân lý thuần túy khó được phục hưng, thiên hạ cũng nên xem cổ tích và chuyện đã qua rồi suy gẫm cái sở hành nào để chuyển họa vi phước.

Tổng luận:

Vô cổ bất thành kim, và yểm cựu nghinh tân không phải là thượng sách trên con đường học vấn và tiến hóa.

TINH THẦN BẢO THỦ VÀ CHÍ TIẾN THỦ

Ở đời có hai con đường để cải thiện xã hội cho mỗi ngày mỗi thêm tiện nghi và tốt đẹp hơn. Ấy là con đường bảo thủ và con đường tiến thủ.

Vả chẳng mỗi con đường đều có cái hay và cái dở của nó, chớ chẳng phải trọn toàn, song lẽ tùy sở thích và quan niệm cá nhân, có người xu hướng theo con đường bảo thủ, còn người khác lại theo chiều tiến thủ.

Bảo thủ:

Đành rằng xã hội nào cũng cần tiến hóa về phần vật chất cũng như tinh thần, nhưng có người với ý chí thủ cựu quyết giữ những thành kiến xưa, những phong tục cũ mà thôi. Vì cho rằng đã được xã hội nạp dụng những thành kiến ấy không phải dở, những phong tục ấy không phải hủ lậu. Nếu sửa cải, sợ e dở hơn hoặc hỏng đi chẳng. Những người đó còn công kích các sự cải tiến canh tân và chỉ thích những gì hợp với trí thức xưa và cho đó là bất khả di dịch. Họ luyện tiếc cái dĩ vãng và ưa sống trong cảnh an bài, không cần bày biện nầy nọ, cho thêm rộn lại càng lo ngại sẽ thất bại là khác.

Với độ lượng hẹp hòi không có tính cách tiến triển, tinh thần bảo thủ là một trở lực rất lớn trên con đường tiến hóa của xã hội. Nếu không biến cải và cứ ở trong tình trạng đứng chững hay thụt lùi, thì xã hội chỉ làm nô lệ cho những tư tưởng không có khả năng phát triển.

Tiến thủ:

Một số người khác ngó về tương lai xã hội và thích thay cũ đổi mới đặng cải tiến mà không vướng chãi, họ cũng tin rằng sẽ thành công. Nếu thất bại họ vẫn theo đuổi chí hướng đã định cho đến đạt kỳ sở vọng mới thôi.

Hai chữ tiến thủ hàm súc cái ý nghĩa cách mạng và quyết tâm phá đổ cái gì mà người ta cho là dở, là không hợp thời. Nếu trải qua những trận lưu huyết dữ dội, người ta cũng không sòn lòng.

Chí tiến thủ được cái lợi lớn là thúc đẩy văn minh mau tiến hóa.

Sách rằng: “Nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân”, ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới. Câu này khuyến khích cứ mỗi ngày mỗi mở mang trí hóa để đi đến cái hay hơn ngày đã qua và tìm thêm cái hay cho ngày sẽ tới.

Tổng luận:

Nếu dung hòa tinh thần bảo thủ và chí tiến thủ hay nói rõ hơn, nếu hai đức tánh này bổ túc cho nhau thì xã hội sẽ tiến hóa trong vòng trật tự và điều hòa.

Trong cửa Đại Đạo, chúng ta có Tân Luật tượng trưng tinh thần tiến thủ để cải thiện đời sống nhơn sanh trong nề nếp thương yêu và công bình hơn. Còn Cựu Luật của Tam Giáo và Ngũ Chi là bảo thủ để giúp nhơn sanh thoát nơi đờ khổ, vừa thủ cựu vừa canh tân thì đứng giữa thâu lợi cả đôi bên ấy là doãn chấp quyết trung, không còn chi hơn nữa.

BỔN PHẬN ĐỐI VỚI CÀM THÚ

Cà m thú là những giống không biết phải trái hư nên, không biết thiện ác là gì. Tuy vậy chúng vẫn biết đau đớn, biết ham sống sợ chết, biết thương yêu đồng loại. Chúng khác với loài người là không có trí khôn và vì đó nên chịu phạt thấp hèn để cho loài người tùy ý sử dụng.

Song le chẳng phải vì có quyền làm chủ cà m thú mà loài người không có bổn phận đối với chúng.

Bổn phận loài người:

Cà m thú giúp Đòi về nhiều phương diện rất quan trọng như sau này:

1. Trả thân làm thức ăn hằng bữa để nuôi mạng người.

2. Làm công chuyện nặng nề cho người đỡ nhọc trong cuộc nông tang, chuyển vận.

3. Phục vụ khoa học bằng cách để cho các nhà khoa học nghiên cứu cái sử dụng của chúng nó trong những tiện nghi về vật chất, như là về mặt y khoa.

Đối với công trạng như trên, người có bổn phận phải nuôi chúng nó cho tử tế, cho ăn no đủ, cho ở chỗ có vệ sinh. Gặp khi bệnh hoạn có thuốc men điều trị.

Có người không xét công cho chúng nó nhờ, lại dùng chánh sách bạo tàn làm cho chúng nó đau khổ. Chẳng hạn như có kẻ đánh đập con bò, ngựa trong lúc nó làm việc cho đến nổi nó quị xuống đất mà chịu đau chớ không biết than. Số phận của nó đã đành như thế, duy đáng trách là kẻ ấy lại quên rằng nó đang giúp mình trong kẻ sanh nhai.

Nếu hiểu rằng thú vật đã mang cái số phận cùng căn mạt kiếp làm nô lệ cho loài người thì hiệp đáp chúng nó chẳng khác nào kẻ trí đấu sức với vật vô tri tức là hạ mình ngang hàng với cà m thú thì còn gì là hơn phẩm.

Bổn phận người Đạo:

Trong cửa Đạo là cửa rất kỵ những hành động bạo ác, những tính nết hung hăng thì chớ thiện tín có bổn phận xem loài cầm thú như kẻ bạn bị xếp vào hàng xấu số hơn mình, không đáng cho chúng ta hành hạ hủy hoại. Trừ khi gặp trường hợp tự vệ phải trị thú dữ, người Đạo nên chú ý về sự sát sanh là điều răn đứng đầu trong ngũ giới cấm vì nó quan hệ hơn cả. Theo luật luân hồi quả báo, vạn vật hữu sanh đều phải trải qua nhiều kiếp mới mong đến kiếp chót là kiếp hoàn toàn thiện mỹ. Trong khoảng thời gian ấy một kiếp thú có thể là hậu quả của một kiếp người bị đọa cũng như kiếp người có thể là hậu quả của một kiếp thú mãn đọa. Vậy thì chúng quanh chúng ta nói theo lẽ Đạo dầu người hay dầu thú, vì tiền kiếp mà nên hình, cả thầy đều là anh em.

Tổng luận:

Trong những xứ văn minh hiện đại người ta đã tổ chức nhiều hội thảo bảo vệ loài cầm thú cốt ý kêu gọi lòng nhơn từ của loài người cho chúng nó bớt bị hành hạ vô lối.

Kinh Sám Hối cũng có khuyến thiện như sau này mong dành một phần nào hạnh phúc cho chúng nó trong lúc sống còn ở trên cõi trần:

Lòng Trời Đất thương đều muôn vật,
Đức háo sanh Tiên, Phật một màu.
Thượng cầm hạ thú lao xao,
Côn trùng thảo mộc loại nào chẳng linh.
Nó cũng muốn như mình đặng sống,
Nỡ lòng nào tuyệt giống dứt nòi.
Bền công Kinh sách xem coi,
Vô can sát mạng thiệt thòi rất oan.
Chớ kiếm thể gọi ngoan xảo trá,
Lưới rập chim, thuốc cá, đốt rừng.
Thương thay phá nản lấy lòng,
Tội căn báo ứng biết chừng nào an.

ĐỨC SANH CỦA TẠO HÓA

Trong Càn Khôn Vũ Trụ có Âm Dương nhị khí cùng điều hòa với nhau mà sanh ra vạn vật. Đứng đầu trong vạn vật loài người là phần tinh ba có tính thông minh hơn cả để suy nghiệm các việc của Trời Đất. Vậy thì ai là kẻ quán triệt được cái đức sanh của Đấng Tạo Hóa, sẽ cảm thấy cái kiếp sống ở đời chẳng phải là vô vị, trái lại có nhiều lý thú, chỉ người thượng trí cao minh mới biết thường thức để trau dồi và tô điểm bản thân cho hợp với đạo lý.

Vả chẳng bao nhiêu khổ trần, đã làm sàu khách tục, chẳng phải do sự sống sanh ra, mà do tư tâm tư dục tạo thành. Như biết sống thuận theo lẽ tự nhiên thì không còn những quan niệm hoạn phúc kiềm thúc, còn biết nhận định sự sanh là đức lớn và cũng là mục đích của Tạo hóa, thì việc sống chết không còn là vấn đề nghị luận.

Sách rằng “Thiên địa chi đại đức viết sanh” nghĩa là cái đức lớn của Trời Đất là sanh hóa ra mãi.

Nhưng cần quan tâm rằng đức háo sanh là một việc, còn lẽ công bình Thiên Liêng là một việc khác. Cho nên chẳng vì hưởng đặng kiếp sanh của Tạo Hóa ban cho, rồi kẻ phạm phụ tục tử lại đem vui nó trong chốn tội tình, thì không khỏi bị Thiên Điều hành khiển. Duy kẻ đạt được cái lý nhiệm mầu của Trời Đất mới vui sống cái đời đáng sống.

Thiết tưởng Đấng Tạo Hóa lúc nào cũng hộ trì cho sự sống được mạnh mẽ tươi tỉnh, thì đời người từ thanh mi chí bạch phát, ví như bốn mùa từ xuân hạ thu đông, mỗi mùa đều có cái vẻ đẹp của nó. Nếu không lưu luyến trong vòng ngũ trược, thì cái thú vị phong phú của đời người, lúc nào cũng xuất hiện nơi thâm tâm để tự mình tịnh tiến.

Có điều không tránh khỏi, là thời đại hay di chuyển, hoàn cảnh sinh hoạt hay đổi xây, thì người khôn không đi ngược trào lưu tiến hóa. Nhưng có khi ẩn hiện, lúc

xuất lúc xử, là vì lẽ tùy thời đó thôi. Và dấu ẩn dấu hiện, người ta không bao giờ mất cái lạc thú trong lòng.

Những thi gia đa sầu đa cảm hay khóc những cảnh hoa tàn, những chiếc lá rụng, để tỏ dấu bi ai cho cái bóng phù du của nó. Nhưng mà cảnh hoa tàn để kết trái, chiếc lá rụng để nhường chỗ cho lộc non, còn thân cây vẫn đứng vững theo thời tiết. Giọt lụy của thi như dầu đổ, vật hữu thể cứ biến hình biến chất theo cơ sanh hóa.

Trời không riêng thân với ai và thường không phụ người lành (Duy thiên vô thân, thường dữ thiện như) thì việc gì hợp với đức sanh là thiện, còn trái lại là ác.

Tổng luận:

Từ sắt đá cỏ cây, thú vật cho tới loài người, không vật nào không nhờ đức háo sanh của Tạo Hóa mà được tồn tại duy trì phần xác lẫn phần hồn.

Nhược bằng kẻ nào không khám phá được cái sở dụng phạm trần, cùng cái sở dụng Thiêng Liêng của sự sanh thì kẻ ấy lấy làm vô phước.

TRÍ THỨC VÀ TÌNH CẢM

Con người sanh ra bởi hai yếu tố chánh cấu thành, là xác và hồn. Xác do tinh huyết của cha mẹ biến thể. Hồn do điểm linh quang của Đức Thượng Đế ban cho. Hồn ở trong cái xác hay nói một cách khác xác bao bọc hồn. Hồn thuộc về phần tâm linh tinh thần, xác thuộc phần hữu thể vật chất. Tuy cùng chung lộn trong một vật hữu hình duy nhứt mỗi phần đều có bản phận và phạm vi riêng biệt. Song lẽ không phải vì thế mà rời nhau được.

Tâm linh hay linh hồn là cái đức sáng tự nhiên của con người. Nhờ đó mà cái trí thông suốt được cả sự vật. Nhưng trí thức kia chưa phải đủ vì nó chỉ là một phần nửa trong cái đạo học làm người. Đi đôi với trí thức còn có tình cảm để bổ túc vào hầu đạt tới cái đạo lý làm người hoàn toàn trong xã hội.

Vả chẳng ai cũng có sẵn trí thức và tình cảm nơi mình.

Trí thức nếu không được rèn luyện có thể đưa đến chỗ nguy hiểm sai lầm cũng như nó có thể đưa đến chỗ chánh chơn ngay thẳng.

Tình cảm nếu không được rèn luyện, có thể đưa đến chỗ tàn sát lẫn nhau, phá hoại cả nền trật tự giữa hơn quần xã hội cũng như nó có thể đưa đến chỗ vạn vật đồng nhứt thể cùng Trời Đất hiệp một để tiến hóa trong cuộc sinh thành của toàn thể.

Vậy thì trong phép học tập làm người, cần yếu là phát triển cái năng lực của tinh thần trí thức và tình tiến cái tình vào nơi lẽ ngay đường chính, vào chỗ phải, chỗ nên và giữ gìn không cho biến nghịch. Nếu trí thức không đạt được tới chỗ thông suốt cả vạn vật và tình cảm không phổ biến tới chỗ đại đồng thì công trình học tập làm người chưa rồi.

Muốn cho hai cái năng khiếu, trí và tình được phát triển và không phá hoại lẫn nhau thì phải tập rèn luyện cho cả hai đều được quân bình đồng đều.

Cho hay tâm với trí ở về phần tinh thần nhưng cả hai đều bắt nguồn từ sanh lực. Nếu cơ thể con người được đầy đủ sức khỏe thì nguồn sinh lực được dồi dào. Như sinh lực suy nhược thì trí thức và tình cảm thấp kém còn sinh lực khương kiện thanh tao, thì trí và tình được sáng suốt và thâm thiết.

Ở giữa cõi trần đầy chạ bầy nào là tiền tài danh lợi nào là sắc tướng thịnh âm, thân thể người ta là một trường thể lực hay chuyển biến theo vật dục mà trí thức hay tình cảm là động tác. Nếu biết chế ngự cho những thể lực kia không mâu thuẫn và phản trắc nhau thì tập trung nó vào tình cảm thì tình cảm được phong hậu.

Vả lại trí thức do trình độ tiến hóa của mỗi người là cao hay thấp, sáng suốt hay ám mờ. Nếu quan niệm được chánh đáng, ý tưởng được phân minh thì trí tuệ đi sâu vào sự hiểu biết đến chỗ bí ẩn hay chỗ chánh chơn của vạn vật. Thảm nổi, ý tưởng do ngoại vật cảm xúc nên thường hay nghiêng đổ thiên mê. Đạo học dạy rằng phải có đủ cương quyết dừng để cho vật dục lồi cuốn tâm trí vào nơi vọng động và giữ gìn cho tâm hồn làm chủ động. Đành rằng có khi tâm linh phải chịu theo thân thể vì điều kiện sinh lý, nhưng làm thế nào cho tinh thần chỉ huy xác thịt mới gần được Đạo.

HÒA VÀ ĐỒNG

Hòa là thuận tình thỏa ý, hội hiệp cùng nhau mà không tranh giành hơn thua, cao thấp, giỏi dở, mạnh yếu.

Đồng là kết bầy rập bạn, lập đoàn thể này, tổ chức kia, rồi dắt nhau đi vào một lối đường.

Vả chẳng ai ai cũng nhận thức rằng người ta ở đời không thể một mình sống riêng mà dựng nên cơ đồ sự nghiệp cho được. Giá như muốn làm một điều gì mà một mình trợ trợ ắt không rồi, hoặc có rồi cũng không hay. Lễ dĩ nhiên cần có đồng người trợ giúp lẫn nhau, cộng lao, cộng hưởng, thì việc gì cũng đắc thành. Nhơn Đạo cùng chung cộng sự đó, người ta mới có cơ hội phân biệt ai là quân tử, ai là tiểu nhơn. Và phân biệt được hai hạng người đó thì nhờ hai chữ Hòa và Đồng

Rút kinh nghiệm trong phương thiệp thế, người ta thấy rằng người quân tử hòa mà bất đồng, còn kẻ tiểu nhơn đồng mà bất hòa.

Quân tử ví như nấu một thức ăn cần có ngũ vị: Chua, cay, mặn, ngọt, đắng, ngũ vị vẫn không đồng chất lại khác mùi, nhưng cả thấy được điều hòa và bổ khuyết cho nhau làm ra thức ăn ngon lành. Nhờ tương tế cho nhau nên hòa thì hết sức hòa, và không vì lẽ bất đồng chất, hay bất đồng vị mà làm cho nhau tương khắc, tương phản với nhau. Cách cộng sự của người quân tử là thế. Không phân tách hạng người cao kẻ hạ, người giàu kẻ nghèo, người khôn kẻ dại, bậc quân tử tự hạ mình ngang hàng với kẻ khác, và giữ tánh như trước không để làm mất niềm hòa khí giữa mình và thiên hạ. Làm như vậy là vì ích lợi chung, tạo được cái hòa, tức là tạo cái yên cho quốc gia, cho xã hội.

Tiểu nhơn, ví như làm một giống để ăn cũng có ngũ vị nhưng mà mặn không hòa với cay, chua không hòa với đắng, hễ mặn thì dắt nhau thiệt mặn, cay thì hiệp với nhau rất cay. Đồng thì có đồng thiệt mà không hòa được. Cách cộng sự của tiểu nhơn là thế. Chỉ trọng về tư lợi, kẻ tiểu nhơn mượn cái lượng làm thế lực, chớ

không san bằng giá trị tuyệt đối của sự vật; cho nên trong cách xử sự hoặc thái quá hoặc bất cập, có thể đi tới bạo phát, nhưng rồi lại bạo tàn vì chỗ bất hòa mà ra.

Xưa nay trong xã hội, sở dĩ bất hòa là nguyên nhân vì bất quân (không cân bằng), và hễ bất quân thì bất yên. Nếu không biết xử sự tiếp vật cho công bằng, thì trong xã hội đó người giàu hiếp người nghèo, kẻ mạnh lấn kẻ yếu, đũa khôn lừa đũa dại, tức giận người giàu, kẻ mạnh, đũa khôn, tất nhiên sinh ra bất hòa. Bất hòa rồi thù oán nhau, mới tìm phương sát hại nhau, thì xã hội hay quốc gia làm thế nào ở yên cho được.

Quân tử sợ loạn nên chuyên chữ hòa, còn tiểu nhân sợ hòa rồi thất lợi. Hai tư tưởng, hai cử chỉ khác nhau mà chung quy phần thắng về quân tử.

Trong cửa Đạo là cửa hằng ngày Hội Thánh quyết sách vận trù để tìm chơn pháp trừ mị diệt tà, hầu diu dẫn nhơn sanh và quy cả thiện lương vào nơi đại đồng, thì không thể áp dụng cái thuyết “Đồng nhi bất hòa” của “tiểu nhơn” hay “hòa nhi bất đồng” của “quân tử”. Trái lại phải kiêm cả chữ Hòa và Đồng đặng đôi bên phò trì cho nhau mới đi đến đích.

Khác với đời là như thế, và được như thế mới đạt đạo lý làm người trong cửa Đạo. Vậy thì phải thi hành chánh sách gì? Ất phải cư xử mọi việc cho công bằng ấy là hòa và thương yêu dung chế nhau ấy là đồng.

Hòa thời thật hòa, vì không còn so hơn tính thiệt, ganh hiềm ghét ngổ mưu hại lẫn nhau. Đồng thời thật đồng, coi người như ta, coi ta như người. Không phân giai cấp, không riêng sắc tóc màu da, và chẳng hề rời bỏ nhau cho đặng. Đại Đạo hoằng khai giữa thời đại nhơn sanh tác loạn, chỉ có bấy nhiêu đó thôi.

TRI VÀ HÀNH

Tri là biết - **Hành** là làm!

Trên con đường học vấn, chẳng phải đọc sách cho thuộc học chữ cho lâu, gọi là học được. Tất phải phát minh ý tứ của sách ở ngoài mặt chữ mới gọi rằng biết được sách.

Học cho rộng hiểu, rèn luyện cho đa kiến, đa văn là về phần Tri, còn cẩn thận từng lời nói, từng việc làm, là về phần Hành. Nói mà không bị người ta chỉ trích chê cười, làm mà không có một điều gì phải ăn năn hối tiếc, ấy là kết quả công trình học vấn.

Muốn thâm thập kết quả ấy, tất cần trau chuốt về phần Tri cũng như phần Hành cho cực hay, cực mỹ mới thôi.

Kinh Thi rằng: “Như thiết như tha, như trác như ma”.

Cứ theo mặt chữ mà thích nghĩa thì Thiết là cắt, Tha là giữa, Trác là xẻ, Ma là mài.

Đã cắt thành miếng rồi còn phải giữ cho trơn cho láng, như thợ làm đồ xương chẳng hạn.

Đã xẻ đá đặng lấy ngọc rồi còn mài ngọc cho sáng cho tinh, như thợ làm đồ trang sức châu ngọc. Cái vật đã tốt còn cầu cho tinh mới nên của quý.

Tuy có 8 chữ trong kinh Thi mà hàm súc ý nghĩa rất cao xa: hễ biết rồi còn tìm cho đến cùng cái sức lực trong việc làm mới thiết làm. Bởi vậy cho nên càng hiểu học thì càng thêm hiểu rộng, càng dò càng thấy sâu và cứ tiến mãi mới đạt hết lý.

Lấy cái khiêu biết (Tri) mà xem xét sự vật rồi lấy con mắt tinh thần mà xem xét cho đến chỗ tinh thần của sự việc chừng ấy mới thấy rõ chơn hình chơn tướng của sự vật. Quán triệt rồi liền xoay qua phần làm (Hành). Trong sự làm cần yếu là dẹp cái tư tâm, bỏ cái tư dục, thì không bao giờ sai lầm.

Ví dụ bàn về sự giàu nghèo của thiên hạ, Thầy Tử Cống cho rằng: Nghèo mà không nịnh hót, giàu mà

không kiêu hãnh (bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu) là hay rồi. Đến lúc gặp Đức Phu Tử, Ngài vấn về bần phú, Đức Thánh đáp rằng: Nghèo mà vui, giàu mà giữ lễ (Bần nhi lạc, phú nhi hiếu lễ).

Thầy Tử Cống nghe rồi thốt nhiên tỉnh ngộ và phát minh ra đạo lý đường ấy còn hay hơn nhiều.

Nghèo mà không nịnh hót, đó là Thiết mà thôi, nhưng còn phải vui nghèo nữa kia, đấy mới là Tha

Giàu mà không kiêu hãnh, đó là Trác mà thôi, nhưng còn phải thủ lễ nữa kia, đấy mới là Ma.

Thiết với Trác, chỉ là một tầng công phu, còn phải thêm nhiều công phu nữa là Tha với Ma mới đến chỗ tinh mỹ.

Tổng luận:

Tri cái nghèo cái giàu mà Hành, cái nghèo cái giàu cho đến chỗ tinh thần tuyệt diệu của nó mới thiết Tri và Hành. Chừng ấy người học Đạo mới tịnh tiến con đường tự lập.

BỔN PHẬN ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH

-----000-----

Bổn phận làm cha và làm con Làm cha phải lành (Từ) Làm con phải thảo (Hiếu)

Vì “nhơn phụ chỉ ư từ”. Chữ Từ (lành) chỉ về nghĩa vụ người làm cha mẹ phải nuôi con cho nên vai, nên vóc, dạy dỗ cho nên người hữu dụng. Người cha mẹ lành cũng khuyên con răn con tức là làm thế nào để cho con biết bỏ cái dở, để theo cái hay chớ chẳng phải lành là để cho con tự do hành động. Tại sao người cha không để cho con tự do hành động? Bởi vì con còn thơ ấu, trẻ lòng non dạ, nói tóm là con chưa đủ sáng suốt để phân biệt phải quấy và chưa đủ tinh thần cứng rắn để vượt qua những trận thử thách những gì vật dục cám dỗ, vậy nên người cha phải dìu dắt con trên đường đạo đức quang minh.

Đối với con, cha mẹ cũng có quyền lợi như nhờ con nuôi dưỡng lúc về già, nhờ con giúp đỡ việc nặng nề. Cổ nhơn nói: Dưỡng nhi đãi lão (Nuôi con nhờ lúc về già). Nhưng cha mẹ muốn dùng quyền lợi ấy trước phải làm xong nghĩa vụ của mình. Trái lại, nếu cha mẹ không làm tròn bổn phận mình mà cứ sai con, mắng con, như thế là thất phận làm cha mẹ.

Vì “nhơn tử chỉ ư hiếu” hiếu thảo là Đạo làm con, chẳng những không ai được từ khước, mà ai cũng phải coi đó là bổn phận chánh của mình nữa. Cổ nhơn nói: “Nhơn sanh bách hạnh, hiếu vi tiên”. Người ta có trăm nét, song hiếu đứng đầu.

Tại sao người ta phải hiếu với cha mẹ.

Ồ! Công sanh thành dưỡng dục kể bao nhiêu cho hết, nào là mười tháng cưu mang, ba năm bú mớm, ẵm bồng, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Còn cha lại phải dày công dạy dỗ và cực nhọc làm lụng cho có tiền để nuôi con dầu trăm cay ngàn đắng, dầu vào cảnh nguy nan, người cha không hề thối bước, công cha như

núi Thái Sơn. Công cha nghĩa mẹ như thế, hỏi vậy ở đời có người nào mà chẳng thương mến chẳng? Ất không. Nhưng thương mến chưa đủ, nghĩa vụ bắt buộc người con phải làm cho tròn đạo hiếu.

Thực hành đạo hiếu, trước nhất phải nuôi cha mẹ, sự nuôi ấy cốt ở lòng thành kính, nghĩa là giàu nuôi theo giàu, nghèo nuôi theo nghèo, ngoài miếng ăn uống, manh quần tằm áo, con phải hết lòng vui vẻ trong phận sự, để cho cha mẹ vừa lòng.

Một hôm Thầy Tử Du hỏi chữ Hiếu, Đức Khổng Phu Tử đáp: “Ngày nay, người ta báo hiếu là biết nuôi cha mẹ, nhưng đến như giống chó ngựa kia cũng có người nuôi. Nếu nuôi cha mẹ mà không thành kính thì lấy gì để phân biệt”.

Xem đó thì đủ biết nuôi cha mẹ quý tại lòng thành kính. Chẳng nên bắt chước câu “Giàu thì đặng thảo ngay, nghèo thì mất trung hiếu”. Lời ấy chẳng qua là nói để che lấp của mình mà thôi. Trái lại, nên nhớ câu “Nhà nghèo mới biết con thảo, nước loạn mới biết trung thần”. Từ xưa những gương trung hiếu tiết liệt phần nhiều do ở trong những nhà nghèo sanh ra vậy.

Khi ở chung với cha mẹ, chẳng nên làm buồn cha mẹ, nếu mình có việc buồn riêng, và cũng chẳng nên tỏ giận hờn cho cha mẹ thấy nữa. Nếu cha mẹ có quở trách, thì giữ sắc thái điềm nhiên lo xét mình mà chữa lỗi.

Cha mẹ già phải coi chừng sức khỏe, nghĩa là nuôi cha mẹ phải xem đến chỗ chưa nói kia. Tại sao? Bởi vì có nhiều khi cha mẹ sợ con lo buồn mà chẳng tỏ ra việc người cần đến.

Cha mẹ sanh tiền chẳng đi xa, nếu cần phải vắng mặt thì phải cho biết chỗ, cha mẹ khỏi lo lắng cho mình, và để người ta tìm cho dễ. Khi cha mẹ đau ốm, kẻ làm con phải tận tâm chạy thuốc, chạy Thầy, chính mình phải lo liệu mọi phương. Biết đâu người khác, vì sơ sót, họ làm thêm bệnh cho cha mẹ mình. Bình nhật cũng xem chừng nếu cha mẹ khỏe thì mình vui mừng, mệt thì lo lắng.

Lòng hiếu thảo với cha mẹ, ai cũng có nhưng có một ít người ham mê sắc dục, hoặc cậy có tiền của rồi sanh ngộ nghịch. Vậy ai là người làm con nên thận trọng bổn phận của mình.

Nhưng đạo hiếu không phải nhắm mắt phục tùng cha mẹ, mà trái lại phải xem xét cái gì của cha mẹ đã làm, nếu hay thì theo, còn làm lỗi thì ôn tồn mà khuyên can, sửa đổi. Nếu cha mẹ không nghe, thì lại kính mà không trái lễ, nghĩa là lắng lựa cách nói cha mẹ nghe lẽ phải, để sửa đổi, có khi cha mẹ giận mà đánh đập cũng không oán giận.

Khi cha mẹ qua đời thì phải tang chế, Tân Luật Đại Đạo định rằng việc tang chế không nên xa xỉ, không nên để lâu ngày, không nên dùng đồ âm công loè loẹt, không nên đái đàng rần rộ, mà mất sự nghiêm tịnh và dấu bi ai.

Đức Khổng Phu Tử cho sự thờ cha mẹ rất hiếu “Kính kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân, sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã” (Kính những người cha mẹ đã tôn trọng, yêu những người cha mẹ đã yêu mến, thờ cha mẹ lúc chết rồi cũng như khi còn sống, lúc mất rồi cũng như lúc còn ấy là hiếu rất mực vậy). Theo đó mà suy ra thì khi cha mẹ chết rồi, kẻ làm con phải chuyên tâm tri ý làm tròn bổn phận cũng như cha mẹ sống tại tiền.

Bổn phận làm anh chị và làm em Huynh tắc để, đệ tắc cung

Anh em, chị em đồng thọ sanh nơi một cha mẹ, tục ngữ nói: “Một cục máu xắn ra làm năm ba”. Đồng cốt nhục, đồng bào thai cho nên tình thân mật không ai bằng anh em, chị em. Từ lúc nhỏ dại ở chung một nhà, ăn một mâm, nằm một chiếu, vui có nhau, buồn có nhau, nhứt nhứt đều chung cùng với nhau như một. Vậy cái tình thương yêu khắng khít ở giữa anh chị và em không tình nào hơn được.

Muốn giữ gìn cái tình máu mủ ấy mãi mãi thì người anh chị phải biết bổn phận mình là thuận yêu, kẻ làm em phải biết bổn phận mình là cung kính.

Khi cha mẹ vắng mặt, người anh chị có quyền thay thế cha mẹ, nghĩa là người anh chị phải làm tròn nghĩa vụ của mình là thế phụ, tức là thay mặt cho cha mẹ nuôi em, dạy em, cổ nhơn thường khuyên nhau rằng trước phải làm nghĩa vụ rồi sau mới dùng quyền lợi.

Lúc thành nhơn, mỗi người đều có gia đình anh em, chị em cũng phải giữ cái tình cốt nhục duy nhứt ấy, mãi từ khi tóc xanh đến lúc đầu bạc, nghĩa là phải thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau việc nhỏ cũng như việc lớn. Phải tránh những tiếng to tiếng nhỏ của vợ con hay chồng con. Theo thường tình những anh em chồng chị dâu, hay em rể anh ruột, hay chinh nghiêng lẫn nhau trong những việc nhỏ mọn. Bổn phận anh chị hay em phải sáng suốt mà phân định, để tránh cái vạ chia ly. Anh chị em là di hài của cha mẹ, bất hòa là phá hoại cái di hài ấy. Anh chị em như chân tay bất hòa là chia lia thủ túc.

Người nào xử được đạo hiếu để nghiêm trọng thì người ấy có tinh thần hòa kính. Hiếu thuận là gốc đạo xử thế, ấy vậy nên người trọn thảo thuận thì có lòng trung quân ái chúng.

Bổn phận con cháu đối với ông bà

Ông bà là Đấng sinh thành dưỡng dục cha mẹ, lại là Đấng cha mẹ thương mến quý trọng. Đạo hiếu buộc người làm con phải kính trọng những người mà cha mẹ thâm giao. Ấy đó là những người bàng quan mà còn xử trí như thế huống chi ông bà là ruột thịt của cha mẹ chúng ta mà chúng ta lại để duôi sao?

Vậy khi ông bà sanh tiền chúng ta phải thay mặt cho cha mẹ chăm nom ông bà, những việc nào mà chúng ta có thể làm được. Còn khi ông bà qua đời thì lại thay mặt cho cha mẹ mà thờ phượng cúng tế ông bà.

Thờ phượng cúng tế ông bà, là lễ tỏ lòng tôn kính nguồn gốc sinh thành dưỡng dục. Lòng tôn kính ấy nơi

người Việt Nam theo Nho giáo thường phát biểu với một phương thức trang nghiêm.

Ngày tế tự cả gia tộc về nhà thờ để lo việc tế lễ. Hai ngày tiên thường và chánh giỗ những người họ hàng vui vầy, có khi nhắc lại sự tích Tổ Tiên, có lúc hỏi việc hàn huyên gia tộc. Giờ cúng tế mỗi người đều có lòng thành kính rất mực. Khi ra vào, lúc lại qua trước bàn thờ họ cúi đầu tỏ vẻ sợ sệt, dường như ông bà đang ngự trên chỗ sở tôn. Giờ tế lễ ấy, hoàn cảnh yên lặng, người Trưởng Tộc hành lễ, rồi đến con cháu cứ theo thứ tự vái lạy trang nghiêm.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giữ nguyên vẹn các lễ thờ cúng ông bà đó. Vả chăng, Đạo hữu đã sẵn có đạo tâm, nay đem lòng thành kính ấy mà thờ cúng ông bà, thì có lẽ cái phong tục cổ truyền sẽ được tăng thêm phần thuần mỹ nữa.

Bổn phận làm chồng và làm vợ Chồng hòa vợ thuận

Trai lớn thì có vợ, gái lớn thì có chồng. Người ở đời phải có đôi có bạn rồi sau mới lập được gia đình. Cái định luật ấy từ xưa đến nay vẫn không thay đổi. Trong đạo vợ chồng, có điều tốt nhất là hai người ấy được thuận hòa, ăn ở với nhau từ tóc xanh đến khi đầu bạc. Mà muốn được vậy, thì mỗi người phải biết bổn phận của mình và phải hành vi trong phạm vi ấy.

Chồng là rường cột của gia đình, phải đảm đương mọi việc bên ngoài, để tạo hạnh phúc gia đình, nghĩa là phải làm lụng cho có cơm, có tiền nuôi dưỡng gia đình no ấm, kể đó sẽ nói đến việc lễ nghi đạo đức, tức là bàn đến việc dạy dỗ. Cổ nhân nói: “Giáo phụ sơ khai, giáo tử anh hài”. Nghĩa là: Phải dạy vợ lúc ban sơ, phải dạy con lúc thơ ấu. Mà muốn dạy người trước phải sửa mình, để làm gương. Giả tỷ như chồng biếng nhác, không lo làm ăn, quanh năm cứ lêu lổng, chơi bời, cờ bạc. Chồng như thế mà bảo vợ nên người, thì không thể được, cha như thế, mà bảo con đừng đánh bài thì cũng không sao được. Người chồng chẳng những phải lo làm lụng để

tạo hạnh phúc cho gia đình, mà còn phải có tinh thần hòa ái nữa.

Về tâm lý, nên biết rằng vợ là bạn trăm năm, được cha mẹ lựa chọn, họ là người yếu đuối, nương dựa nơi mình, gởi thân cho mình để cùng nhau chung lo việc trăm năm gia thất. Hơn nữa, vợ chồng lại là người đầu ấp tay gối với nhau, vui chung vui, buồn chung buồn, nghèo chung chịu, giàu chung hưởng. Lòng có nghĩ như thế, thì mới có dạ yêu thương mà đùm bọc nhau.

Người chồng có quyền khuyên lơn dứt bần người vợ, nhưng trước phải làm xong nghĩa vụ của mình như đã nói trên, rồi sau mới dụng đến quyền. Tuy nói rằng có quyền nhưng người chồng lúc nào cũng lấy tinh thần hòa ái làm cốt. Nghĩa là có khuyên lơn, dứt bần người vợ, thì cũng chỉ trong vòng lễ nghi hòa ái, chớ không phải đang tay đánh đập vũ phu.

Người vợ phải có tinh thần thuận tùng, nghĩa là phải biết dung hòa với chồng, để tạo nên hạnh phúc gia đình. Bát trong sóng còn động, hưởng chi vợ chồng ăn ở nhau cả đời, làm thế nào tránh khỏi một đôi khi bất đồng ý kiến. Giả tỷ như có xảy ra việc như thế, thì vợ chồng nên nhin nhục lẫn nhau, chồng nói vợ nghe, vợ nói chồng nghe, để phân trần điều hơn lẽ thiệt. Nên tương ý, tương ý mà sanh sống trong vòng lễ nghi đạo đức. Chẳng nên bắt chước phường hỗn ấu chồng một lời đi thì vợ dăm bảy tiếng lại. Thế rồi sanh việc bất hòa. Chồng vợ bất hòa thì gia đình tan nát.

Phận gái trọng nhất là trinh tiết, bởi vậy người phụ nữ có thân phải giữ lấy thân, càng ngày phải càng làm tăng giá trị của mình thêm nữa lên cao mãi. Tiên Nho có câu: “Đi ngang đám dưa không nên sửa dếp, đi dưới cây lý không nên gãi đầu”. Đại ý câu này khuyên người ta những hành vi ăn nói đứng đi trang hoàng, nhút là phải tránh cử chỉ nào làm người khác ngờ vực, cũng như đi qua đám dưa không nên sửa dếp, hoặc đi dưới cây lý không nên gãi đầu, vì làm như thế người ta ngờ rằng mình bê trộm dưa hay hái trộm lý.

Tề gia là bổn phận của đàn bà, cho nên người vợ phải chăm lo việc nhà, thiếu đủ phải biết, còn hết thì phải hay, sắp đặt đâu đó an bài, ăn cần ở kiệm, phải biết trọng tiền của chồng làm ra là cực nhọc, Tục ngữ có câu: “ăn nhịn qua ngày ăn vay mắc nợ”. Của chồng công vợ, chồng vợ cộng tác để tạo hạnh phúc cho gia đình.

Tóm lại, đạo vợ chồng cốt nhứt là phải thuận hòa, chồng chẳng nên ý quyền mà hiếp đáp vợ, vợ không nên cậy thế mà hỗn ấu với chồng. Đồng vợ đồng chồng tất biến đồng cũng cạn.

Tân Luật Đại Đạo nói: “Hôn nhơn là việc rất quan trọng trong đời người, phải chọn hôn trong người đồng Đạo, trừ ra khi nào người ngoài ưng thuận nhập môn, thì mới kết làm giai ngẫu”. Đó là có ý ngừa sự bất trắc về sau.

Tân Luật lại cấm người đàn ông không được cưới hầu thiếp, rủi có chích lè giữa đường mới được chấp nối. Thoảng như vợ lớn không con nối hậu, thì được phép cưới thiếp, song chính mình chánh thê mới đặng. Người Đạo chẳng được để bỏ nhau, trừ ra tội ngoại tình hay thất hiếu với công cô.

Bổn phận đối với cậu cô chú bác

Cậu cô, chú bác là anh em ruột thịt với cha mẹ, kể làm cháu chẳng những phải yêu mến, mà còn quý trọng như cha mẹ vậy. Nếu vô phước mồ cô, thì chính cậu, cô chú bác là người thay mặt cho cha mẹ nuôi mình. Đó đủ thấy rằng con cháu phải thương mến quý trọng cậu cô chú bác như cha mẹ.

Khi thành gia thất rồi, tự nhiên ai cũng có cậu cô chú bác bên chồng cũng như bên vợ. Kể làm con cháu cũng không vì lẽ gì mà không thân ái với những người ấy.

NGŨ THƯỜNG

Ngũ thường là năm đức thường của người ta là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, kể đây sẽ giảng rộng ra.

Nhân: Người ta ai cũng có bẩm thọ của Trời một điểm lành, để làm tự tánh của mình, người đời gọi đó là nguồn Thiên lý ở trong người. Nhân là cái phát động của Thiên lý ấy, cho nên cổ nhơn nói: “Nhân” là hột giống hóa sanh cái đức tính tốt.

Chữ Nhân đem ứng dụng vào đời sống thì nó gồm tất cả nghĩa vụ làm người, thành thử có câu nói: “Nhân là Đạo người” (Nhân giả nhơn dã). Vậy thi hành chữ “Nhân” là áp dụng Thiên lý vào đời sống thực tế. Thế nên muốn làm Nhân thì phải giữ lòng cho sạch, nghĩa là chẳng cho tư dục xen vào Tâm, để cho nguồn Thiên lý ở trong tâm ung dung phát triển theo lẽ tự nhiên của nó, rồi người ta cứ theo đó mà làm cho hết bổn phận của mình, đó là làm “Nhân” vậy. Còn như muốn biết rộng ra nữa thì chúng ta nên xem cổ nhơn dạy phương pháp làm “Nhân” như sau:

Có người hỏi phương thức làm Nhân là thế nào thì Đức Khổng Tử nói: “Kỷ dục lập nhi lập nhơn, kỷ dục đạt nhi đạt nhơn. Năng cận thủ tử khả vị nhơn chi phương”. (nghĩa là mình muốn lập thân thế nào thì giúp người cùng lập thân như mình, mình muốn thông đạt đến đâu thì cũng giúp người cùng thông đạt như mình. Ai hay làm những điều đó là Nhân vậy).

Chữ Nhân có gồm cái nghĩa thương người, mến vật, cho nên chỗ tác dụng của nó là “Ái” về sau người ta thường dùng hai chữ “Nhân Ái” lẫn nhau.

Vậy thực hành đạo “Nhân” là người và ta thương yêu, giúp đỡ nhau trên đường Đời cũng như trên đường Đạo. hoặc nói: đó là chánh kỷ hóa nhơn cũng được.

Thầy Tử Trương hỏi Nhân, Đức Khổng Tử nói: “Hãy làm năm điều trong thiên hạ là Nhân, rằng: Cung, Khoan, Tín, Mẫn và Huệ”

Cung thì không khinh lờn, Khoan thì được lòng người, Tín thì được người tin cậy, Mẫn thì có công, Huệ thì đủ khiến được người.

Người có nhân lúc nào cũng bình tĩnh, yên lặng tự nhiên như nhiên mà lòng sẵn có một năng lực trực giác mẫn tiệp. Phạm có việc gì đến thì họ biết ngay và họ làm sự gì cũng thích hợp với đạo lý.

Họ thật thà chất phác và giàu tình cảm tốt. Họ hay thương người, hay mến vật, đối với gia đình thì hiếu đễ, đối với xã hội thì thuận hòa. Họ thường thực hành câu: “Việc gì mình không muốn thì chẳng làm với người”. Chữ Nhân đây lại gồm cái ý nghĩa sáng suốt, cho nên cái thương, cái ghét của người có Nhân đều hạp với Thiên lý.

Tóm lại, chữ Nhân bao hàm cả đạo làm người mà rút lại thì thể theo đức lớn của Trời là sự sanh hóa mà làm. Ấy vậy kẻ làm Nhân trên thuận lẽ Trời, dưới an vui cùng chúng vật và sự hành vi lại khích lệ theo nền tảng “Thiên địa vạn vật nhứt thể”. Còn việc giàu nghèo, sang hèn, thì phú cho thiên mạng, chớ không vọng cầu mà thất đạo lý.

PHẦN HÀNH CHÁNH ĐẠO

1. Thích nghĩa Hành chánh Đạo.
 2. Thi hành Tân Luật.
 3. Thi hành Pháp Chánh Truyền.
 4. Thi hành Đạo Luật năm Mậu Dần.
 5. Tòa Tam giáo.
 6. Hội Công đồng.
 7. Thập hình của Đức Lý Giáo Tông.
 8. Cách hành quyền đối với Đạo và Đời.
 - Cách hành quyền đối với Đạo
 - Cách hành quyền đối với Đời
-

PHẦN HÀNH CHÁNH ĐẠO

HÀNH CHÁNH ĐẠO

Thích nghĩa Hành Chánh Đạo:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ căn cứ trên Pháp Chánh Truyền và Tân Luật làm nền tảng vững chắc để tận độ chúng sanh thoát vòng thống khổ trong đời mạt kiếp này.

Điều trọng yếu của Chánh Pháp hay Pháp Chánh Truyền cũng gọi là Chơn Truyền, là do Đức Chí Tôn giảng dạy thì không một ai dưới thế này được phép sửa cải.

Điều quan hệ của Tân Luật là do nhơn sanh lập thành và Đức Chí Tôn phê chuẩn vốn có hiệu lực ở hạ giới, ngang hàng với Thiên điều ở Thượng giới.

Tự mình lập luật làm mực thước để kèm chế lấy mình trong đường tu luyện, thì nhơn sanh không còn lòng than rằng luật ấy quá nghiêm khắc, rồi chán nản hoặc viện lý do quá rẻ nên dễ duôi, song le, vào buổi tương lai nếu cần vì nhu cầu và tiến hóa của nhơn sanh, luật lệ hiện hành có thể gia giảm hay canh tân, nhưng phải có nhơn sanh cầu xin mới được.

Hiện giờ luật pháp càng được quý trọng bao nhiêu, thì Đạo càng thêm trọng bấy nhiêu, và người hành Đạo càng thêm trọng là dường nào. Vậy thì phải giữ gìn và bảo hộ Luật pháp cho khỏi thất kỳ truyền, và đó là trách nhiệm của chư Chưc Sắc đảm đương sứ mạng thể Thiên hành hóa, tức là chư vị có chơn trong Hội Thánh đương kiêm cầm quyền Hành Chánh Đạo.

Hành Chánh Đạo phân tích từng chữ có nghĩa là:

Hành: làm (thi hành, tuân hành, phụng hành).

Chánh: góp các việc sắp đặt để sửa trị cho khỏi chênh lệch.

Đạo: các việc sắp đặt trên đây phải thuận theo chơn lý của Đại Đạo.

Hợp nghĩa lại thì Hành Chánh Đạo thì thi hành cho đúng những qui điều đã ấn định trong Chơn Pháp, hầu điều độ chúng sanh quy về cửa Đạo tránh bớt tội tình mà theo đường ngay chánh.

Cầm quyền Hành Chánh Đạo là thi hành cho đúng những quy điều đã ấn định trong Chơn Pháp, hầu điều độ chúng sanh quy về cửa Đạo, tránh bớt tội tình, mà theo đường ngay chánh.

Bảo thủ Chơn Pháp chẳng để cho Chánh Giáo trở nên Phàm Giáo, thuộc về nhiệm vụ của Chức Sắc Hiệp Thiên Đài can hệ về phần tinh thần là phần Đạo.

Thiết nghĩ, Chức Sắc Cửu Trùng Đài được quyền sử dụng những Luật Lệ do Nhơn sanh lập thành đặng buộc Nhơn sanh phải tuân hành, e có khi hành quyền quá phận mà làm cho Nhơn sanh thêm khổ hoặc thất Đạo. Và lại Hội Thánh Cửu Trùng Đài không nên quên rằng chính mình cũng phải dưới thực lực của Luật lệ ấy, vì nó đã thành Thiên điều tại thế rồi.

Vì chữ quyền, mà có người trong bản Đạo còn nặng phàm tâm, tưởng rằng quyền ấy cho phép hà khắc là diệu kế để giáo Nhơn quy thiện, rồi một khi bất cẩn vụng về, quyền hà khắc phản khắc lại mình, thì trở tay không kịp. Ở đây chữ quyền ở trong phạm vi đạo đức để giữ nét công bình, để gieo niềm hòa ái, chớ chẳng làm điều gì khác. Bởi vậy Hội Thánh Hiệp Thiên Đài có trọng trách nhắc nhở và chăm nom hành vi của Hội Thánh Cửu Trùng Đài chẳng để vi phạm chơn truyền mà sanh loạn. Hội Thánh Cửu Trùng Đài nên tương liên mật thiết với Hội Thánh Hiệp Thiên Đài đặng đôi bên tương đắc trên mọi hành tàng trong cơ phổ độ. Được như thế thì vật chất là Đồi phù hợp với tinh thần là Đạo, hay nói rõ hơn Cửu Trùng Đài đồng tâm nhất trí với Hiệp Thiên Đài, tức là Đồi nương Đạo và Đạo diu Đồi, chừng ấy toàn Hội Thánh Lương Đài dưới sự hộ trì của các Đấng Thiêng Liêng sẽ có đủ năng lực tái tạo đời Thánh Đức.

Phương châm Hành Chánh Đạo gồm có 6 tiết chánh yếu như sau:

1.- Thi hành Tân Luật.

- 2.- Thi hành Pháp Chánh Truyền và Bát Đạo Nghị Định.
- 3.- Thi hành Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).
- 4.- Tòa Tam Giáo.
- 5.- Hội Công Đồng và Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông.
- 6.- Cách hành quyền đối với Đạo và Đời.

THI HÀNH TÂN LUẬT

Tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là quy Tam Giáo hiệp Ngũ Chi, hầu làm cho nhơn sanh hiệp đồng, tứ hải nội giai chi huynh đệ. Sở dĩ sự quy hiệp nhưt này là điều cần thiết là bởi nhơn sanh hiện giờ bị nhiều tôn giáo làm cho quan niệm bất đồng, tư tưởng bất hợp, nên sanh nghịch lẫn nhau. Càng nghịch lẫn nhau, càng lồi cuốn nhau vào vòng tự diệt. Nhưng cuộc tuần hoàn xoay chuyển không để vậy, mới có Đại Đạo hoàng khai, đặng cứu vớt cho kịp những kẻ hữu phần ra khỏi chốn mơ hồ lầm lạc. Lẽ dĩ nhiên cần chấm dứt từ nguồn xuất hiện cái nạn bất hòa giữa người khác tôn giáo như trên kia vừa phân giải, song le, chẳng vì sự thống hợp các tôn giáo mà phải trọn tưng cả Cựu Luật. Tất phải lập nền móng mới với quy điều mới cho phù hợp với dân trí, dân sanh hiện đang mạnh tiến trên đường duy vật, cùng đang mạnh trên đường khoa học. Nền móng mới là Pháp Chánh Truyền và qui điều mới là Tân Luật, cả hai bổ túc cho nhau để mở rộng cửa Đạo, độ dẫn kẻ hữu duyên gần Tiên Phật.

Tân Luật là kim chỉ nam, để cho Chức Sắc cầm quyền Hành Chánh Đạo noi theo đặng phổ thông Chơn Giáo.

Trong đó có ba thiên lớn như sau này:

- I.- Đạo Pháp
- II.- Thế Luật
- III.- Tịnh Thất

I. - ĐẠO PHÁP:

Đạo Pháp có 8 chương và 32 điều.

1.- Chương I: Về Chức Sắc cai trị trong Đạo.

Chương này chú trọng về đường giáo dân quy thiện, và bảo hộ đời sống của nhân sanh trong khuôn viên đạo đức, không để cho chúng sanh phải bị hà khắc bởi luật Đời hay luật Đạo.

Hai chữ cai trị ở đây có nghĩa là trong phận sự hóa dân, Chức Sắc phải giữ gìn trách vụ mình thế nào cho trên đừng phạm quyền dưới, dưới chẳng lấn quyền trên và vừa giúp nhau cho nên phận.

Chức Sắc từ phẩm Giáo Tông trở xuống tới Giáo Hữu đều là người thay mặt cho Đức Chí Tôn tại thế, thì một như mười, mười như một, cả thầy hiệp làm một khối duy nhứt và giữ gìn khối ấy cho tinh anh mới xứng danh là Thánh Thể của Đức Chí Tôn tại thế. (Điều 1 tới Điều 6).

Lễ Sanh chưa phải là Chức Sắc vì là người đang dọn mình đặng bước vào hàng Chức Sắc. Sự không nhứt định số Lễ Sanh nhiều ít là bao nhiêu. Còn số Chức Sắc lại nhứt định có chừng, không hơn không thua trong mỗi bậc là điều rất hay để nâng cao phẩm giá của Chức Sắc.

Nên buộc trước phải vào hàng Lễ Sanh sau mới vào hàng Chức Sắc (điều thứ 7).

Ngoại trừ khi nào Đức Chí Tôn giáng cơ phong thưởng cho ai thì người ấy mới khỏi luật lệ này, kỳ dư muốn thăng phẩm phải tuân theo luật công cử (điều thứ 8).

Công cử là phép lựa chọn người xứng đáng hành quyền mà không mất sự công bình trong khi chọn lựa.

2.- Chương II: Về người giữ Đạo.

Chương này là chương mở rộng cửa Đạo đón tiếp nhơn sanh bằng cách để cho mọi người tùy phương tiện lập công bồi đức.

Đạo không bỏ ai, duy người không theo Đạo hay bỏ Đạo là tự mình liệu lượng.

Nếu người còn ở thế và giữ Đạo mà thôi, thì vào phẩm Hạ thừa. Phẩm Thượng thừa là phẩm dành cho những người đã xuất thế, trọn hiến thân cho Đạo. (điều 9 tới điều 15).

3.- Chương III: Về việc lập Họ.

Lập Hộ là qui tụ các người trong bốn Đạo về một nhà chung trong địa phương mình, tức là Thánh Thất sở tại. Những người ấy đặt dưới sự ủng hộ của vị Chức Sắc làm đầu trong Hộ. Vị này có nhiệm vụ hằng ngày khuyên nhủ chư Đạo hữu hồi đầu hướng thiện. Người còn có bốn phận binh vực kẻ dưới quyền mình không để cho ai hà hiếp được. (điều 16 tới điều 20)

Có vậy người cùng Hộ mới biết nhau, và trợ giúp cho nhau khi hữu sự, ấy là mục đích của Đại Đạo.

4.- Chương IV: Về Ngũ giới cấm.

5.- Chương V: Về Tứ đại điều quy.

Hai chương này góp nhặt những điều trọng yếu, phải tuân hành đặng răn lòng sửa tánh cho nên người hiền lương nhân đức. Ấy là phương diệt trừ tâm phàm và thế vào bằng tâm đạo (điều 20 và điều 22).

6.- Chương VI: Về giáo huấn.

Chức Sắc truyền giáo phải là những người có học thức, mới có khả năng giao thiệp rộng rãi với Đời và Đạo. Vì đó trong Đạo có trường dạy chữ và huấn luyện Chức Sắc (điều 23 đến 25)

7.- Chương VII: Về hình phạt.

Lẽ dĩ nhiên tòng Đạo tức là tránh đường tội lỗi, để theo đường ngay chánh. Nhưng nên nhìn nhận rằng chẳng phải đầu hôm sớm mai rồi rửa sạch bợn trần, phủi hết tà tâm, mà phải lăm công rèn luyện mới được, dầu cho trong các tổ chức của Đời hay các cơ quan của Đạo, hễ có đông người ắt không khỏi xảy ra những việc bất bình, những điều xích mích. Đành rằng trong cửa Đạo chỉ dùng cam ngôn mỹ từ để xử sự cho ổn thỏa, điều hòa, song le khi gặp nghịch cảnh nan phân, thì phải nhờ quy điều răn sửa và ngăn ngừa tái phạm. Ấy là hình phạt vậy.

Hình phạt lập ra để tượng trưng sự nghiêm huấn đặng giữ gìn cộng ái hòa yêu hơn là để thực hành, mà nếu phải áp dụng đến nó là sự bất đắc dĩ đó thôi. Chừng ấy sẽ có Hội Công Đồng và Tòa Tam Giáo phân xử (điều 26 đến 31).

8.- Chương VIII: Về việc ban hành luật pháp.

Luật pháp của Đạo vốn có thực lực cứu nhưn độ thế, tái tạo hòa bình, nên Hội Thánh cần phổ biến cho đến chỗ đại đồng, mới thâm thập kết quả tốt đẹp (điều 32).

II. - THẾ LUẬT:

Thế luật gồm 24 điều, chuyên dạy về phương xử thế tiếp vật. Căn cứ trên nét yêu đương, trên niềm hòa hảo, người cùng chung một Đạo, phải nuôi nấng cái tình thù tạc vãng lai cho ra thiệt tướng và nông hậu trong mọi dịp và mọi nơi. Chẳng luận trong dịp quan, hôn, tang, tế hay trong khi hoạn họa, tai ương thì cả thầy phải xúm nhau lo lắng như việc của một người. Vui buồn, nặng nhọc, mặn đắng, chua cay đều có nhau và trợ giúp cho nhau, thậm chí sự bảo trợ cho nhau phải phát khởi từ kẻ sơ sanh mới trọn Đạo giữa người cùng một chí hướng. Đây là áp dụng Nho Tông để làm phương chuyển thế, tạo đời tề ra đời nên. Làm người dữ thành người hiền, ấy là phục hưng thánh đức.

III. - TỊNH THẮT

Thiên này là thiên đưa người Đạo vào con đường đoạt Đạo. Đường này là đường thi hành những phần tinh ba của Cựu Luật Tam Giáo về mặt siêu hình. (điều 1 đến 8).

Trải qua ba thiên lớn trong Tân Luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chúng ta nhận thấy được trước hết Luật Pháp của Đạo Pháp trọn vẹn tuân y, sau đó là luật lệ xử thế, phải hoàn toàn áp dụng rồi sau rốt mới lo phần tịnh luyện, là phần cao siêu huyền bí của Đại Đạo.

Vậy thì người thật tâm hành Đạo phải làm thế nào cho được đắc Thế rồi đắc Pháp xong mới mong đắc Đạo.

Tịnh thất là nơi cuối cùng để đi đến mức thành công giải thoát.

THI HÀNH PHÁP CHÁNH TRUYỀN VÀ BÁT ĐẠO NGHỊ ĐỊNH CỦA ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN

Pháp Chánh Truyền trong thời kỳ hoàng khai Đại Đạo là một chánh thể về mặt tôn giáo, do Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút lập thành. Có Pháp Chánh Truyền mới dựng nên một Hội Thánh hữu hình để cai trị trong Đạo.

Hội Thánh này gồm có Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hội Thánh Hiệp Thiên Đài. Trong hàng Chức Sắc Cửu Trùng Đài có ba phái: Thái, Thượng, Ngọc tượng trưng Tam Giáo quy nguyên (Phật giáo, Tiên giáo và Thánh giáo).

Đài này cầm quyền thi hành luật lệ đặng chỉ bảo phương tu cho chư thiện tín.

Chức Sắc Hiệp Thiên Đài lãnh phận sự của 3 chi: “Pháp, Đạo và Thế” lo bảo thủ luật lệ và chơn truyền và vừa giúp cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài làm tròn nhiệm vụ.

Pháp Chánh Truyền còn là một nền tảng để tạo lập một đại nghiệp cho toàn sanh chúng cộng hưởng hạnh phúc, vật chất lẫn tinh thần, dưới sự chăm nom và bảo hộ của Hội Thánh. Cái siêu việt của Chánh Pháp là tạo phúc cho mọi người, mà không để phạm quyền lợi hay danh thể của một ai, cũng chẳng làm thất thứ loạn hàng, hay mất niềm hòa khí giữa số đông người mà thế thường không tránh khỏi.

Điểm trọng yếu để đi đến sự siêu việt, ấy là từ Chức Sắc Đại Thiên Phong dĩ chí tín đồ, mỗi vị đều có phận sự riêng biệt, nhưng cả thảy phận sự đều có tánh cách liên quan đến nhau, vì ảnh hưởng với toàn thể. Vì trọng trách như thế nên Chức Sắc Lương Đài, Cửu Trùng và Hiệp Thiên cần tương liên mật thiết với nhau trên mọi hành tàng, mới không sơ sót trong sứ mạng. Như vậy, ngọn đèn Đạo mới chiếu khắp nơi, dầu ở nơi hẻo lánh, ở chốn xa xuôi đến đâu đi nữa, không một em

út nào phải bị áp bức hay bỏ rơi mà Hội Thánh không hay biết.

Đó là kết giải đồng tâm để diu độ nhau trên con đường giải khổ.

CỬU TRÙNG ĐÀI (Nam Phái)

I.- Giáo Tông:

Trong Hội Thánh Cửu Trùng Đài có một phẩm tột bậc là phẩm Giáo Tông (1) là anh cả toàn Đạo. Người có quyền thay mặt Đức Chí Tôn, mà diu dắt chư thiện tín trong đường Đạo và đường Đời, duy chỉ có quyền về phần xác chớ không có quyền về phần hồn. Nói rõ hơn là người có quyền về phần hữu hình là phần Đời, còn về phần hồn là phần Thiêng Liêng hay phần Đạo thì được phép cầu rỗi chớ không có quyền siêu rỗi là quyền tối thượng của Bát Quái Đài. Và lại sự phân quyền Thiêng Liêng và hữu hình trong thời kỳ khai Đạo lần ba này, là một cách độ đời, với phương pháp chí công và linh hiệu.

Chí công vì đời văn minh tiến hóa thường không nhìn nhận những gì bất hợp lý đương nhiên, thì không gì hay hơn là giao cho tay phạm độ dẫn người phạm, và chỉ có quyền về mặt phạm trần.

Linh diệu vì tùy theo công quả trong đời tu ở hạ giới mà Thiêng Liêng định vị ở cõi thượng thiên, không sai một mảy may nào cả. Và cũng tùy theo hành tàng ở thế gian mà định cho linh hồn được siêu thăng hay giáng đạ.

(1) Pháp Chánh Truyền chánh văn: Giáo Tông là anh cả các con. Có quyền thay mặt cho Thầy mà diu dắt các con trong trường Đạo và đường đời. Nó có quyền về phần xác chớ không có quyền về phần hồn. Nó đặng phép thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Lục Thập Thất Địa Cầu và Thập Điện Diêm Cung đặng cầu rỗi cho các con.

II.- Chương Pháp:

Như trên đã giải từ phẩm Chương Pháp sắp xuống Lễ Sanh trong mỗi phẩm đều có ba phái: “Thái, Thượng, Ngọc, tượng trưng Tam Giáo. Đã quy nguyên

Tam Giáo thì pháp luật của Tam Giáo tuy phân biệt nhau song trước mặt Đức Chí Tôn vẫn coi như một. Vậy thì một thành ba, mà ba cũng như một. (P.C.T)

Vì lẽ đó ba vị Chưởng Pháp tuy thay mặt ba Phái khác nhau mà phận sự như nhau và trách nhiệm như nhau.

Chúng có quyền xem xét luật lệ trước buổi thi hành, hoặc nơi Giáo Tông truyền xuống, hoặc nơi Đầu Sư dâng lên. (P.C.T) Như hai đảng không thuận thì Chưởng Pháp dâng lên cho Hộ Pháp đến Hiệp Thiên Đài cầu Thầy giảng xuống sửa lại hay là tùy ý lập luật lại. (P.C.T)

Chẳng những về mặt luật lệ mà luôn cả kinh điển cũng phải dâng cho Chưởng Pháp xem xét trước lúc phổ thông, đừng người loại trừ những kinh luật nào làm hại phong hóa. Thoảng như gặp luật Đời quá nghiêm khắc, người cũng phải can thiệp xin chế giảm cho nhân sinh bớt khổ.

Mỗi Chưởng Pháp phải có ấn riêng và ba ấn phải có trên mặt luật mới đăng thi hành. (P.C.T)

Buộc cả tín đồ phải vùa sức với Chưởng Pháp mà hành sự trước mặt luật Đời. Thầy khuyên các con phải xúm nhau vùa giúp chúng nó. (P.C.T)

III.- Đầu Sư:

Về phần Đầu Sư thì có ba vị, mỗi vị thay mặt một Phái trong Nho, Thích, Đạo.

Đầu Sư có quyền cai trị phần Đạo và phần Đời của chư môn đệ Thầy (P.C.T). Nó đăng quyền lập luật song phải dâng lên cho Giáo Tông phê chuẩn (P.C.T). Luật lệ ấy lại phải xem xét một cách nghiêm nhặt, coi phải hữu ích cho nhơn sanh chẳng. Giáo Tông buộc phải giao cho Chưởng Pháp xem xét trước khi phê chuẩn (P.C.T).

Chúng nó phải tuân mạng lệnh Giáo Tông, làm y như luật lệ Giáo Tông truyền dạy (P.C.T). Như thắng Luật lệ nào nghịch với sự sinh hoạt của nhơn sanh thì chúng nó đăng cầu xin hủy bỏ. (P.C.T)

Như luật lệ nào Giáo Tông đã truyền dạy, mà cả ba đều ký tên không tuân mạng, thì luật lệ ấy phải trả lại cho Giáo Tông. Giáo Tông truyền lệnh cho Chưởng Pháp xem xét lại nữa. (P.C.T)

Ba chi tụy khác chớ quyền lực như nhau. Chúng nó có ba ấn riêng. Mỗi tờ giấy chi chi phải có ấn mới thì hành, nghe à! (P.C.T)

Thầy khuyên các con phải thương yêu nó, giúp đỡ nó. Thầy dặn các con như có điều chi cần yếu thì khá nài xin nơi nó. (P.C.T)

IV .- Chánh Phối Sư và Phối Sư:

Phối Sư mỗi phái là 12 người, cộng là 36. Trong 36 vị ấy có 3 vị Chánh Phối Sư. (P.C.T)

Ba vị Chánh Phối Sư đặng phép thế quyền cho Đầu Sư, song không đặng quyền cầu phá luật lệ. (P.C.T)

Chiếu Nghị Định thứ hai của Đức Lý Giáo Tông ngày 3 tháng 10 năm Canh Ngọ (22/11/1930), Chánh Phối Sư thay mặt cho Đầu Sư để cầm quyền Hành chánh mà thôi .

Chiếu Nghị Định thứ ba của Ngài, thì Chánh Phối Sư và Phối Sư phải ở tại Tòa Thánh .

Chiếu Đạo Nghị Định thứ tư thì :

1- Phận sự của Thượng Chánh Phối Sư là xem xét các nơi và chăm nom Đạo hữu, thay mặt cho toàn Đạo mà giao thông cùng Chánh phủ và cả tín đồ. Giáo dục nhơn sanh, Chủ tọa Hội Nhơn Sanh.

2- Phận sự của Ngọc Chánh Phối Sư là sửa trị cả Chức Sắc và cả tín đồ. Buộc Chức Sắc hành sự y theo chân truyền Hội Thánh. Cầm quyền tạp tụng.

3- Phận sự của Thái Chánh Phối Sư là lo về tài chánh. Định lương hưởng cho Chức Sắc Thiên Phong và điều độ Chức Sắc hành Đạo tha phương. Chủ tọa Hội Thánh.

V.- Giáo Sư:

Giáo Sư có 72 người, mỗi Phái có 24 người. Giáo Sư là người dạy dỗ chư môn đệ trong đường Đạo và đường Đời. (P.C.T.)

Chúng nó cầm sổ bộ của cả tín đồ. (P.C.T.)

Buộc chúng nó lo lắng cho các con như anh ruột lo cho em. (P.C.T.)

Chúng nó phải chăm nom về sự tang hôn của mỗi đũa. (P.C.T.)

Chúng nó phải thân cận với mọi môn đệ, như anh em ruột một nhà cần lo giúp đỡ, nghe à! (P.C.T.)

Như tại Châu Thành lớn thì mỗi đũa đặng quyền cai quản, cúng tế Thầy như Đầu Sư và Phối Sư. (P.C.T.)

VI.- Giáo Hữu:

Giáo Hữu là người để phổ thông chơn đạo của Thầy. Chúng nó đặng quyền xin chế giảm luật lệ. (P.C.T.)

Ba ngàn Giáo Hữu, chia ra đều mỗi phái là một ngàn, chẳng nên tăng thêm hay là giảm bớt. (P.C.T.)

Chúng nó đặng phép hành lễ khi làm chủ các chùa nơi mấy tỉnh nhỏ. (P.C.T.)

Điều chi của chúng nó xin, thì buộc Giáo Tông phải cần miễn hơn hết. (P.C.T.)

Như điều chi mơ hồ, thì chúng nó là kẻ sai đi kiểm duyệt. (P.C.T.)

Chiếu Đạo Nghị Định thứ ba của Đức Lý Giáo Tông ngày 3 tháng 10 năm Canh Ngọ (22/11/1930). Giáo Hữu làm Đầu một Họ.

VII.- Lễ Sanh:

Lễ Sanh là đũa có hạnh, lựa chọn trong chư môn đệ để hành lễ. (P.C.T.)

Chúng nó đặng đi khai đàn cho mọi tín đồ (P.C.T.) Thầy dặn các con rằng Lễ Sanh người Thầy yêu mến, chẳng nên hiếp đáp chúng nó. (P.C.T.)

Như đặng hàng Lễ Sanh mới mong được bước qua hàng Chức Sắc, kỳ dư Thầy phong thưởng riêng mới qua khỏi ngã ấy mà thôi, nghe à! (P.C.T.)

Chiếu Đạo Nghị định thứ ba của Đức Lý Giáo Tông ngày 3 tháng 10 năm Canh Ngọ. Lễ Sanh làm Đầu một Quận.

VIII.- Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự:

Chánh Trị Sự và Phó Trị Sự là những chức việc do Đức Lý Giáo Tông lập thành.

Thông Sự là chức việc do Đức Hộ Pháp lập thành.

Chức việc là người phụ tiếp công việc của Đầu Tộc trong phần địa phận của Đầu Tộc giao phó cho, và phải tùng lệnh vị này mà hành sự.

Bổn phận của Chánh và Phó Trị Sự đã được Đức Lý Giáo Tông chỉ giáo như sau đây:

“Chánh Trị Sự là người thay mặt cho Lão, làm anh cả của chư tín đồ trong địa phận của nó. Lão muốn thế nào cho Lão có mặt “khắp nơi tận ven trời cùng góc bể”.

“Trong nhơn sanh hàng trí thức thì ít, hạng ngu muội thì nhiều, nếu chúng ta không có đủ sức điều đình thì khó mà rải chơn lý Đạo khắp nơi choặng”.

“Càng thân cận với nhơn sanh, lại càng chịu nhiều sự khó khăn rắc rối. Chúng ta phải liệu phương nào mà trừ diệt những sự khó khăn ấy, khi mới nảy sanh ra, thì nên Đạo mới khỏi loạn lạc”.

“Vậ Lão xin Hiền Hữu (Hộ Pháp) ban quyền cho Chánh Trị Sự đặng phép xử trị, hầu có thể dạy dỗ sửa răn, thay quyền cho chúng ta trong chốn thôn quê sẵn dã”.

Bổn phận của Thông Sự là chăm nom hành vi của Chánh và Phó Trị Sự về luật lệ mà thôi. Người không được để cho nhơn sanh bị áp bức bởi lòng vô nhơn đạo hay lẽ bất công của Chánh và Phó Trị Sự trong phần địa phận của mình.

Chiếu Đạo nghị định thứ ba của Đức Lý Giáo Tông ngày 3 tháng 10 năm Canh Ngọ (22/11/1930) Chánh Trị Sự làm Đầu một làng, Phó Trị Sự và Thông Sự làm đầu một xóm.

Đạo Phục:

Đạo phục của Chức Sắc Cử Trùng Đài Nam phái, xin xem chú giải Pháp Chánh Truyền.

LUẬT CÔNG CỬ

Hồi tiền khởi trong thời kỳ khai Đạo, Đức Chí Tôn lập Hội Thánh bằng cách ân phong phẩm vị cho những người có phận sự phổ thông chọn đạo và giáo hóa nhơn sanh cải ác tùng lương, hồi đầu hướng thiện.

Ngày nay luật pháp của Đạo được ban hành khắp nơi thì sự thăng phẩm phải do luật công cử để tuyển tài chọn đức.

Luật công cử định rằng:

Đầu Sư muốn lên Chương Pháp thì nhờ ba vị công cử nhau. (P.C.T.)

Phối Sư muốn lên Đầu Sư thì 36 vị công cử. (P.C.T.)

Giáo Sư muốn lên Phối Sư thì 72 vị kia xúm nhau công cử. (P.C.T.)

Giáo Hữu muốn lên Giáo Sư thì nhờ 3.000 vị kia xúm nhau công cử. (P.C.T.)

Lễ Sanh muốn lên Giáo Hữu thì nhờ cả Lễ Sanh xúm nhau công cử. (P.C.T.)

Môn Đệ muốn lên Lễ Sanh thì nhờ cả Môn Đệ xúm nhau công cử. Kỳ dư Thầy giảng cơ cho người nào thì mới khỏi luật ấy mà thôi. (P.C.T.)

Còn Giáo Tông thì hai phẩm Chương Pháp và Đầu Sư tranhặng. Song phải chịu cho toàn Môn Đệ công cử mớiặng. Kỳ dư Thầy giảng cơ ban thường mới ra khỏi luật ấy. (P.C.T.)

Về chức việc thì Phó Trị Sự và Thông Sự được tranh chức Chánh Trị Sự còn Đạo hữu trong mỗi ấp thì được tranh chức Phó Trị Sự và Thông Sự.

Luật công cử phải thi hành cho toàn cả Chức Sắc và Chức việc Cử Trùng Đài Nam phái và Nữ phái.

NỮ PHÁI

Nữ phái do Đức Lý Giáo Tông lập thành. Trước hết Ngài ban sắc phục cho Nữ phái như vậy!

“Hội Thánh nghe Lão ban sắc phục cho Nữ phái, nghe và từ đây xem sắc tốt ấy mà hành lễ theo đẳng cấp”.

Xin xem chú giải Pháp Chánh Truyền.

Kế đó Ngài định quyền hành của Chức Sắc Nữ phái như dưới đây:

Đầu Sư:

“Nữ phái phải tùng Đầu Sư Nữ phái. Song Đầu Sư lại phải tùng quyền của Giáo Tông và Chương Pháp”.

“Đầu Sư Nữ phái chịu công cử theo Luật Hội Thánh ban hành. Theo Luật lệ Hội Thánh phân xử về đường Đời và đường Đạo”.

Chánh Phối Sư, Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu, Lễ Sanh và Chức việc nữ phái:

Tuy Đức Lý Giáo Tông không dạy về quyền hành của chư vị Chức Sắc và Chức việc Nữ phái từ Chánh Phối Sư dĩ hạ, nhưng nên hiểu rằng quyền hành và phận sự của Nam phái thế nào thì Nữ phái cũng y một thế. Song hành sự dưới quyền Nữ Đầu Sư và chi chi cũng phải tùng lệnh Người mà làm tròn nhiệm vụ.

Cũng như Nam phái, Chức Sắc và chức việc Nữ phái, muốn thăng phẩm phải do luật công cử của Hội Thánh đã định. Duy hai phẩm Giáo Tông và Chương Pháp dành riêng cho Nam phái mà thôi.

HIỆP THIÊN ĐÀI

Hiệp Thiên Đài là nơi làm trung gian giữa Bát Quái Đài và Cửu Trùng Đài, hoặc nói một cách khác, là nơi làm trung gian để hiệp Trời và Người. Vì lẽ rất dễ hiểu là Thiên Liêng (Trời) phải nhờ cơ bút đặng phổ hóa chúng sanh (Người) mà cơ bút xuất hiện nơi Hiệp Thiên Đài.

Nếu không có Hiệp Thiên Đài thì cơ hữu hình là nhơn sanh nhờ đâu mà thọ giáo pháp của cơ vô vi là

Trời, nên Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền có chỉ dạy phận sự Thiêng Liêng và phận sự phạm trần của Hiệp Thiên Đài như sau này:

A.- Phận sự Thiêng Liêng:

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền Thiêng Liêng mỗi Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.” (P.C.T.)

“Thầy đã nói: Ngũ chi Đại Đạo bị quy phạm là vì khi trước Thầy giao chánh giáo cho tay phạm, càng ngày càng xa Thánh giáo, mà lập ra phạm giáo. Nên Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ các con mà thôi, chớ không chịu giao Chánh giáo cho tay phạm nữa.” (P.C.T.)

Vì lẽ trên đây chính Đức Chí Tôn cầm quyền Giáo Chủ, dùng huyền diệu cơ bút để mở Đạo kỳ ba, và Chức Sắc Hiệp Thiên Đài là người thủ cơ thọ giáo, rồi truyền xuống cho Chức Sắc Cửu Trùng Đài phổ biến và thi hành.

“Lại nữa Hiệp Thiên Đài là nơi của Giáo Tông đến thông công cùng Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế giới, Lục thập thất Địa cầu và Thập điện Diêm cung để cầu siêu cho nhân loại.” (P.C.T.)

Giáo Tông là người thay mặt cho Nhơn sanh muốn cầu siêu cho nhân loại phải nhờ cửa Hiệp Thiên Đài làm mối thông công, chớ chẳng đi nơi nào khác được.

B.- Phận sự phạm trần:

“Thầy đã nói phận sự Thiêng Liêng, Thầy cũng nên nói sở dụng phạm trần của nó nữa.” (P.C.T.)

“Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm. Phần của Hộ Pháp chưởng quản phần Pháp.” (P.C.T.)

“Thầy lại chọn Thập nhị Thời quân, chia ra làm ba:

“Phần của Hộ Pháp chưởng quản về Pháp thì:

Bảo Pháp.

Hiến Pháp.

Khai Pháp.

Tiếp Pháp. (P.C.T.)

Lo bảo hộ luật Đòi và luật Đạo, chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết.” (P.C.T.)

“Thượng Phẩm thì quyền về phần Đạo, dưới quyền:

Bảo Đạo.

Hiển Đạo.

Khai Đạo.

Tiếp Đạo. (P.C.T.)

Lo về phần Đạo nơi Tịnh thất, mấy Thánh thất, đều xem sóc chư Môn đệ Thầy, bình vực chẳng cho ai phạm luật đến khắc khổ choặng.” (P.C.T.)

“Thượng Sanh thì lo về phần Đòi. dưới quyền có:

Bảo Thế.

Hiển Thế.

Khai Thế.

Tiếp Thế” (P.C.T.)

“Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành Đạo. Thầy cho các con biết trước rằng: hễ trọng quyền thì ắt có trọng phạt.” (P.C.T.)

Chiếu Đạo Nghị Định thứ nhất của Đức Lý Giáo Tông, ngày mùng 3 tháng 10 năm Canh Ngọ (22-11-1930), điều thứ nhất:

“Cả Chức Sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải tuân y Pháp Chánh Truyền và Tân Luật mà hành Đạo theo trách nhiệm của mỗi người. Lớn chẳng đặng giành quyền nhỏ, nhỏ chẳng đặng lấn quyền lớn”.

Do theo Đạo Nghị định này Chức Sắc Hiệp Thiên Đài tuy không cầm quyền cai trị Đạo, nhưng phải tuân y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền là Thiên điều tại thế, có hiệu lực về toàn thể Đạo, chứ không riêng về một ai cả. Nếu chẳng vậy thì Chức Sắc Hiệp Thiên Đài không phải là người đảm đương trọng trách bảo thủ Chơn Truyền và Luật Pháp.

Đạo phục:

(Xin xem Chú giải Pháp Chánh Truyền).

THI HÀNH ĐẠO LUẬT NĂM MẬU DẦN (1938)

Bộ Đạo Luật ngày Rằm tháng Giêng năm Mậu Dần (14/2/1938) do Hội Thánh lập thành, là kết quả của một công trạng đầy dẫy sự hiệp trí hòa tâm, của toàn Chức Sắc hữu trách thời ấy, để xướng xuất những phương pháp thực hành các điều trong Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.

Điều trọng yếu của bộ Luật này, là dựng nên một Đại Nghiệp Đạo cho thế hệ hiện kim làm nguồn cội di truyền nền Chánh Giáo, và cho thế hệ tương lai quay về định hướng ấy đặng thấu triệt lẽ Đạo.

Trong Đạo Luật năm Mậu Dần (1938 dl) có cả thầy 4 chương như dưới đây:

- A.- Chỉnh đốn nền Hành Chánh Đạo cho tận mỹ hơn.
- B.- Tạo lập cơ quan Phước Thiện
- C.- Tạo lập cơ quan Phổ Tế
- D.- Lập Tòa Đạo

A.- HÀNH CHÁNH ĐẠO

Khoản 1.- Cầu phong.

Khoản 2.- Thăng Thưởng

Cầu phong và cầu thăng phải đủ 5 năm công nghiệp và Quyền Vạn Linh công nhận.

Chiếu Thánh giáo Đức Lý Đại Tiên, Nhứt Trần Oai Nghiêm ngày 21 tháng 2 năm Mậu Tuất (9-4-1958), điều kiện 5 năm công nghiệp chưa phải đủ để cầu phong hay thăng thưởng mà còn phải cập thêm 4 điều kiện sau này:

- a.- Phương diện hạnh đức.
- b.- Trình độ học thức.
- c.- Tinh thần phục vụ.
- d.- Khả năng giáo hóa nhơn sanh.

Chẳng phải riêng cho Nam Phái, mà sự cầu thăng của Nữ Phái cũng do nguyên tắc trên đây, cho tới ngày Cửu Trùng Đài hoàn toàn thực hiện luật lệ công cử của Đạo.

Khoản 3.- Hàm phong: phải quá lục tuần

Khoản 4.- Truy phong: phải có Quyền Vạn Linh công nhận.

Khoản 5.- Quyền Vạn Linh

Hể gọi rằng Quyền Vạn Linh sanh chúng, tất thị phải toàn cả Chức Sắc, Chức việc và Đạo hữu Nam Nữ hiệp một mới có quyền ấy.

Vì vậy Đạo Luật buộc phải tổng hợp cả ba Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội mới đủ điều kiện lập thành Quyền Vạn Linh. Những biểu quyết nào của Quyền Vạn Linh đã định đều có tánh cách chung thẩm, và đầy đủ hiệu lực như một bản Luật thì toàn Đạo phải tuân hành.

Điều thứ IV đến Điều thứ VIII và nối tiếp Điều thứ XII, XIII, XVI và XVII là những điều ấn định sự tạo tác Tòa Thánh, các Dinh Thự, Hạnh Đường... và chỉ vẽ phương châm hành Đạo cho đặc sách.

B.- PHƯỚC THIỆN

Điều thứ 10 và thứ 11: Nghĩ vì mục đích cao cả của Đại Đạo là tạo mối thương yêu, gây tình thân thiện từ trong tiểu gia đình ra ngoài xã hội, và lan ra cùng vạn chúng, nên Hội Thánh đặt ra cơ quan Phước Thiện có phận sự mở lối đón đường cho kẻ cô đơn yếu đuối, tật nguyện được dễ dàng dựa cửa từ bi làm nơi giải khổ.

Đặc điểm của cơ quan Phước Thiện là chẳng vụ về sự kêu gọi lòng hảo nghĩa của bá gia, để có của nuôi lại bá tánh, mà tự mình phải dụng trí bồi công, làm cho ra của để cứu khổ phò nguy. Vì lẽ đó Hội Thánh dành cho cơ quan này những cơ mưu kinh tế như lương điền, thương mãi, công nghệ, để sanh lợi, hầu làm việc hữu ích cho xã hội trong cơn hoạn nạn.

THẬP NHỊ ĐĂNG CẤP THIÊN LIÊNG

Không cầm quyền Hành Chánh Đạo, nhưng vì đại công tạo âm chất cứu đời, Chức Sắc trong Cơ Quan Phước Thiện được thăng thưởng theo Thập nhị đẳng cấp Thiêng Liêng và mỗi cấp tương đương với đức tánh của mỗi người. Ai vẹn giữ đức tánh cho tới trọn lành sẽ đoạt Phật vị.

Về thể lệ Hội Thánh và Bàn Cai Quản xin xem bộ Đạo Luật.

C.- PHỔ TẾ:

Theo Đạo Luật năm Mậu Dần, thì trách vụ của cơ quan Phổ Tế là cứu vớt hoặc độ rỗi những kẻ lạc bước lối lầm, cùng an ủi khuyên lơn những người bị luật pháp buộc ràng, mà đành phé vong bốn phận.

Vả chẳng Chức Sắc trong cơ quan Phổ Tế không có phận sự hành quyền về Hành Chánh Đạo và trách vụ như trên vừa kể lại trực thuộc cơ quan Hành Chánh Đạo nên Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, nhưn khi tái thủ phận sự ngày rằm tháng tư năm Đinh Dậu (14/5/1957), quyết định trong phiên Đại Hội tại Giáo Tông Đường ngày 17 tháng 4 năm Đinh Dậu (16/5/1957) Vi bằng số 1 thay thế Cơ Quan Phổ Tế bởi Cơ Quan Truyền Giáo.

Hiện giờ Hội Thánh đang đào luyện Chức Sắc để bổ dụng vào cơ quan này và một ngày gần đây sẽ có người đủ khả năng vén màn hắc ám, độ kẻ trầm luân và dẹp lối mơ hồ của kẻ sư u tầm chơn lý.

Nội quy Cơ Quan Truyền Giáo sẽ định sau.

D.- TÒA ĐẠO

Trách vụ của Tòa Đạo là thay mặt Hiệp Thiên Đài giữ lẽ công bình, không để cho ai được phạm luật pháp của Đạo.

Xét vì danh từ Tòa Đạo không được thích hợp với thiệt nghĩa của nó nên sau này sửa lại là Bộ Pháp Chánh. Nhưng Hội Thánh Hiệp Thiên Đài nhận thấy cái cần chỉnh đốn nền tư pháp của Đạo cho được châu đáo hơn, nên tạm giao trách vụ pháp chánh cho Hòa Viện

đảm nhận, từ đây Hòa Viện sẽ chiếu theo điều luật sử
đoán mà hành sự. Điều luật này đã được ban hành do
Đạo Lệnh số 24/ĐL ngày 11 tháng 4 năm Mậu Tuất
(29/5/1958).

TÒA TAM GIÁO HỘI CÔNG ĐỒNG THẬP HÌNH ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG

TÒA TAM GIÁO

- Như đã giải trong bài Hành Chánh Đạo số 3 về hình phạt, chư Chức Sắc phạm luật pháp trong Đạo thì đem trước Tòa Tam Giáo phân xử.

Tòa này do Đức Giáo Tông làm đầu, ba vị Chưởng Pháp nghị án, một vị Đầu Sư phái mình về phần dâng biểu buộc tội và một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài làm Trạng sư.

Tòa Tam Giáo có quyền xử giáng cấp hay là trục xuất (Tân Luật, chương VII điều 29, 30 và 31).

HỘI CÔNG ĐỒNG

- Trong bốn Đạo, ai phạm tội trọng hay là tái phạm thì đệ lên cho Hội Công Đồng phán đoán. Hội này do một vị Đầu Sư hay Phối Sư phái mình làm đầu và hai vị Chức Sắc hai phái kia nghị án. Hội Công Đồng được quyền trục xuất (Tân Luật, chương VII điều 27).

Chiếu theo điều 27 trên đây những kẻ phạm tội từ hàng Lễ Sanh xuống tới Đạo Hữu đều do Hội Công Đồng phân xử.

**Quyền xử đoán của người làm đầu trong Họ:
(Khâm Châu, Đầu Tộc).**

Trong bốn Đạo, ai có phạm Luật pháp về mấy khoản nhẹ thì về quyền người làm đầu trong Họ phân xử (Khâm Châu, Đầu Tộc) và răn phạt quỹ hương, tụng kinh Sám Hối (Tân Luật, chương VII điều 26).

Về đường đời, bốn đạo có xích mích nhau cũng phải đến cho người làm đầu trong Họ phân giải (Tân Luật, chương VII, điều 28).

THẬP HÌNH ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG

Thập hình của Đức Giáo Tông, là những hình phạt cân xứng với mỗi tội phạm pháp, hay phạm luật của Đạo.

Về Pháp là Pháp Chánh Truyền và Đạo Nghị Định.

Về Luật là Tân Luật và luật lệ Hội Thánh.

A.- Phạm pháp :

Đệ nhất hình: Trục xuất về các tội:

- 1.- Không tuân Pháp Chánh Truyền.
- 2.- Phán loạn chơn truyền.
- 3.- Chia phe phân phái và lập Tả Đạo Bàn Môn

Đệ nhị hình: Giáng cấp tới Tín đồ hay là buộc hành Đạo ngoại quốc, trừ ra các xứ lân bang Nam quốc về tội,

- 1.- Thuyên bổ không đi.
- 2.- Không trọn phế đời hành Đạo.
- 3.- Bỏ bê phận sự.

Đệ tam hình: Giáng cấp từ 1 đến 2 cấp về các tội:

- 1.- Làm nhơ danh Đạo..
- 2.- Mượn danh Đạo tạo danh Đời.
- 3.- Lợi dụng danh Đạo làm điều bất chánh.

Đệ tứ hình: Ngưng quyền từ 3 đến 5 năm về các tội:

- 1.- Lấn quyền, giành quyền.
- 2.- Phạm thượng.
- 3.- Tự chuyên cải sửa chơn truyền.

Đệ ngũ hình: Ngưng quyền từ 1 đến 3 năm và phạt vào Tịnh Thất về các tội:

- 1.- Mê hoặc chúng sanh.
- 2.- Cấm dỗ.

B.- Phạm luật:

Đệ nhất hình: Trục xuất về tội:

- 1.- Không tuân Tân Luật và các luật lệ Hội Thánh.
- 2.- Công kích Hội Thánh.
- 3.- Nghịch mạng.

Đệ nhị hình: Giáng cấp tới Tín đồ hay là buộc hành Đạo ngoại quốc, trừ ra các xứ lân bang Nam quốc về tội:

- 1.- Tự thông.
- 2.- Dấy loạn chúng sanh.

Đệ tam hình: Giáng cấp từ 1 đến 2 cấp về các tội.

- 1.- Tham lam tài chính.
- 2.- Giả mạo văn tự.

Đệ tứ hình: Ngưng quyền từ 3 đến 5 năm về các tội:

- 1.- Khi lệnh Hội Thánh.
- 2.- Lập quyền riêng.

Đệ ngũ hình: Ngưng quyền từ 1 đến 3 năm và phạt vào tịnh Thất về tội: Phạm Ngũ Giới Cấm.

Đệ lục hình: Vào Tịnh Thất từ một tháng đến một năm mà còn hành chánh như thường về tội: Cương ngạnh.

Đệ thất hình: Thuyên bổ đi nơi khác chỗ của kẻ phạm đương hành Đạo về tội: Phạm Tứ Đại Điều Quy.

Đệ bát hình: Triệu hồi về Tòa Thánh học Đạo về các tội:

- 1.- Bê trễ phận sự.
- 2.- Biếng nhác.

Đệ cửu hình: Phải ăn năn sám hối, thọ tội cùng chúng sanh, về các tội:

- 1.- Ganh ghét.
- 2.- Hung bạo.
- 3.- Đồ kỵ.
- 4.- Xu phụ.

Đệ thập hình: Hầu người có đức hạnh do Hội Thánh định cầu học Đạo về tội: Phạm Thế Luật.

a.- Gia án: Những vị nào đã bị luật Đời trừng trị tùy theo tội hình nặng nhẹ, Hội Thánh sẽ chiếu theo Thập Hình này mà răn phạt thêm nữa.

b.- Ân xá: Những vị nào phạm tội phải mất phẩm vị Thiên phong mà muốn cầu xin phục chức, thì phải nhờ quyền Vạn linh ân xá mới được, sau khi Hội Thánh có đủ bằng chứng kẻ phạm đã biết ăn năn chữa tội và lập được công nghiệp phi thường đáng cho phục chức đoái công chuộc tội.

Nghĩ vì hình phạt đặt ra để ngăn ngừa loạn lạc, nghiêm trị tà tâm, nhưng xét trong Thập Hình Đức Lý Giáo Tông không có hình phạt nào làm phương hại đến hình hài nhục thể của kẻ phạm và chỉ là hình phạt về mặt tinh thần. Song le, chẳng vì đó mà người trong bốn đạo lại khinh thường bốn phạm hay bán đồ nhi phế cho đặng.

Điều quan hệ đáng lưu tâm hơn hết là một khi kẻ nào bị trục xuất thì kể như linh hồn kẻ ấy không còn phương siêu rỗi nữa.

CÁCH HÀNH QUYỀN ĐỐI VỚI ĐẠO & ĐỜI

Bác ái và công bình là yếu tố của Tọa Đao hằng sử dụng để điều hành sự vận chuyển của Vũ Trụ trong vòng trật tự của bốn mùa mà phò trợ cuộc tấn hóa của Nhơn sanh trong khuôn viên đạo đức thanh bình.

Nhơn buổi Đại Đạo hoàng khai, Hội Thánh cũng căn cứ trên nền tảng công bình và bác ái mà làm phương cứu khổ về mặt Đời và phổ truyền Chánh giáo về Đạo.

Với sứ mạng Thiêng Liêng trọng yếu như thế, Hội Thánh phải tổ chức nhiều cơ quan cộng đồng hành sự mới có đủ khả năng truyền giáo và giữ vững Đạo quyền như đã thành lập Cửu viện Nội Chánh, Cơ Quan Phước Thiện, Bộ Pháp Chánh, v.v...

Nên hiểu rằng quyền Đạo là quyền của Đức Chí Tôn ân tứ cho Hội Thánh, để có đủ phương tiện cho Chức Sắc kèm chế lẫn nhau trên con đường Đạo và đường Đời, hầu giữ vẹn Thánh Thể của Đức Ngài tại trần thế. Thoảng như hiểu khác là lấy quyền làm lệnh, trợ oai, đặng buộc tha nhưn quy phục, thì quyền ấy sẽ trở thành một món lợi khí lôi cuốn kẻ lạm quyền ấy vào nơi tội lỗi. Quyền Đạo khác với quyền Đời có bấy nhiêu thôi.

CÁCH HÀNH QUYỀN ĐỐI VỚI ĐẠO

I.- Cửu viện Nội Chánh tại Tòa Thánh:

Như trên kia đã giải, Nội Chánh là nơi tập trung tất cả năng lực của Hội Thánh để xây dựng nghiệp Đạo và điều hành sự tấn hóa của nhơn sanh về mặt tinh thần cùng là đào tạo một đời sống mới là đời sống tri túc về mặt vật chất. Vì vậy nên Nội Chánh gồm có Cửu viện như sau:

- 1.- Hộ viện.
- 2.- Lương viện.
- 3.- Công viện.

Dưới quyền điều khiển của vị Chánh Phối Sư Phái Thái.

- 4.- Học viện.
- 5.- Y viện.
- 6.- Nông viện.

Dưới quyền điều khiển của vị Chánh Phối Sư Phái Thượng.

- 7.- Hòa viện.
- 8.- Lại viện.
- 9.- Lễ viện.

Dưới quyền điều khiển của vị Chánh Phối Sư Phái Ngọc.

Ba vị Chánh Phối Sư ba Phái làm đầu Cửu viện nắm trọn quyền điều khiển trong tay, thì trách nhiệm chia đồng và guồng máy Hành Chánh Đạo được mạnh tiến là nhờ tài đức của ba vị ấy, còn được điều hòa cử động là do tận lực tận tâm của chư vị Thượng Thống, Phụ Thống và Nhơn viên toàn Viện.

II.- Tứ vụ Thánh Thất địa phương:

Thánh Thất địa phương là những Đền Thờ ở các Tỉnh lỵ biểu hiện cho Đền Thờ lớn là Tòa Thánh hay là Tổ Đình tại Thánh Địa (Tây Ninh).

Thê theo những tổ chức Trung ương ở Tòa Thánh trong địa hạt Thánh Thất, Hội Thánh có lập một Ban Tứ

Vụ để giúp sức cho vị Đầu Tộc có đủ phương tiện giữ gìn nghiệp Đạo sở tại.

Ban Tứ vụ gồm có:

- 1.- Lễ vụ lo về lễ nghi cúng kiển.
- 2.- Công vụ chuyên về tạo tác tu bổ.
- 3.- Hộ vụ giữ tài chánh.
- 4.- Lương vụ lo việc ăn cho Chức Sắc và nhơn viên trong Thất.

Ban Tứ vụ đặt dưới sự chăm nom của vị Đầu Tộc. Vị này lựa chọn nhơn viên phụ trách hoặc trong hàng chức việc đã mãn nhiệm kỳ hoặc trong hàng Đạo hữu có đủ hạnh kiểm và tinh thần phục vụ.

III.- Chức Sắc hữu trách tại vùng Thánh Địa:

Châu vi Thánh Địa ngày nay được mở mang trên một diện tích khá rộng, đạt thành 2354 mẫu về phần ngoại ô và 90 mẫu về phần nội ô.

Với một số dân cư toàn là Đạo hữu hơn hai trăm ngàn người và nhiều kiều lộ lưu thông tứ hướng thêm 4 cái chợ trong đó Long Hoa Thị là trọng đại hơn hết, vùng ngoại ô Thánh Địa tự nhiên trở thành một đô thị tôn giáo mà người người đều qui về một lối tu thân hành thiện.

Ngoại ô Thánh Địa đặt dưới quyền vị Khâm Thành làm Đầu và 13 vị Đầu Phận Đạo chăm nom các Bàn Trị Sự của 107 Hương Đạo. Phải đứng vào hàng Giáo Sư mới được đảm nhiệm chức vụ Khâm Thành. Để phụ tiếp Vị này về giấy tờ văn kiện có một vị do Khâm Thành lựa chọn trong hàng Giáo Hữu.

Ngoài ra, Hội Thánh còn đặt một Ban Huấn Đạo tới lui thăm viếng chư Đạo hữu và diu dắt họ vào đường ngay lẽ chánh.

IV.- Chức Sắc hữu trách ở các địa phương:

Cho hay Tôn chỉ của Đại Đạo là độ rỗi nhơn sanh khắp cả hoàn cầu, chớ chẳng riêng về một xứ hay một dân tộc nào, duy Việt Nam là xứ đầu tiên được hạnh ngộ Chơn giáo thì lấy làm may mắn cho Quốc dân cùng

Quốc thể. Kế đó Đại Đạo đã được truyền bá ra ngoài quốc và được nhiều nước hoan nghênh tin tưởng như Nhật Bản, Trung Hoa Dân Quốc, Miên, Lào, Thái Lan, Pháp Quốc, Bỉ và Thụy Điển. Rồi đây lần lượt cờ Đạo sẽ pháp phối khắp cùng vạn quốc và Tòa Thánh Tây Ninh sẽ là một danh cảnh tôn nghiêm tiếp đón các sắc du khách mộ Đạo hành hương hiển lễ.

Ngộ ngĩnh thay là khi xưa người ta phải khó khăn đi tìm Đạo, còn khi nay Đạo lại phải nặng nhọc đi tìm người, thật là một điều hi hữu. Song le, kẻ nào chê bỏ hay rêu khinh thì rất rủi cho kẻ ấy, Hội Thánh đã phái Chức Sắc thân hành đến mọi nơi trong bốn xứ hầu gieo mồi Đạo Trời. Mang Đạo đi cảnh tỉnh nhơn sanh cải ác tùng lương, chư vị này không được để sót một thửa đất nào, dầu xa xăm hẻo lánh đến đâu, mà còn thấp thoáng bóng người chưa biết Đạo. Như vậy cho trọn câu tận độ chúng sanh, trong thời kỳ Đức Chí Tôn phát hạ hồng ân đại xá cho nhơn loại.

Ở các địa phương, vị Khâm Châu là người thay mặt Hội Thánh làm đầu một Tỉnh Đạo. Đầu Tộc là người làm đầu một Quận Đạo và Bàn Trị Sự làm đầu Hương Đạo. Phận sự của ban này là phụ tiếp nhị vị Khâm Châu Đạo và Đầu Tộc Đạo về phương diện thường xuyên thân cận với chư Đạo hữu. Thế thì nói riêng về tín đồ không ai mất phần giáo hóa và bảo hộ của Hội Thánh, và nói chung về nhơn sanh, thì không ai còn để lời rằng không biết Đạo. (Nhơn năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng nhơn).

Bộ máy Hành Chánh Đạo từ gốc là Tòa Thánh đến làng mạc là ngành được hoàn thiện cơ cấu như trên là một việc, còn đào luyện Chức Sắc đủ tài đức vận chuyển bộ máy là một việc khác.

V.- Đào luyện Chức Sắc hành quyền:

a.- Bồn phận đối với cá nhân mình.

1.- Trình độ học thức:

Dầu nam hay nữ muốn vào hàng Chức Sắc phải có văn bằng khoa mục từ khi còn giữ chức Lễ Sanh.

Tuy đã được đứng vào hàng Thánh thể Đức Chí Tôn tại thể và có văn bằng chứng minh trình độ học thức, vị Chức Sắc còn phải tiếp tục học hỏi thêm hoài. Vì bởi càng theo đuổi sự học, càng thấy mình kém sức thua tài, nên hàng ngày cần xem sách, đọc kinh, sưu tầm chơn lý, đặng trau dồi năng khiếu giác ngộ quần linh trên trường đời phức tạp. Lãnh sứ mạng. Truyền giáo, Chức Sắc sẽ có cơ hội gặp nhiều giới trí thức trong xã hội. Giới này lại tự làm Giám khảo, để cân tài kinh học của kẻ độ đời. Nếu kẻ này bị khuất phục vì kém học thức thì còn gì danh Đạo. Hoặc giả, khi gặp những hạng người thất giáo, hạng này cũng tự làm Giám khảo để cân hạnh đức của người Truyền Đạo. Nếu bị khuất phục vì kém đức hạnh thì còn gì hơn phẩm.

2.- Tập rèn hạnh đức:

Có tài học thì hay về trí thức, còn có hạnh đức thì hay về tình cảm. Cả hai tài và đức phải đi đôi mới đủ phương diu độ chúng sanh cải tà qui chánh.

Hạnh đức là hạnh kiểm và đạo đức.

Hạnh kiểm:

Hạnh kiểm rút trong nguồn lễ giáo, tu chỉnh từng nét đi đứng, nằm ngồi, từng cách ăn mặc, nói năng, làm lụng, không để sót một cử chỉ hay một hành vi nào thất nét khiêm cung, mất niềm hòa khí.

Đi đứng: Đi thì tề chỉnh, đứng cho đoan trang.

Nằm ngồi: Nằm có nơi, ngồi lựa chỗ, và giữ bộ tịch cho đừng mất vẻ thanh lịch của người hiếu lễ.

Ăn mặc: Gìn nét na cho thanh nhã khi ăn, giữ y-phục cho trang hoàng sạch sẽ khi mặc. Cấm mặc quần cụt hay quần đùi, dẫu trong phòng ngủ cũng vậy.

Trong lúc tiếp tân không nên hút thuốc hay ăn trà làm mất vẻ từ nhượng của nhà tu hành.

Về ăn uống có vài điểm nên lưu ý như sau này :

Tuy vân, Lễ Sanh được ăn thập trai nhưng một khi đã lãnh trách vụ làm đầu chư thiện tín trong một Quận Đạo, vị Đầu Tộc cần thận trọng thể thống của người

thay mặt Hội Thánh ở địa phương bằng cách dùng trai (ăn cơm) luôn tại Thánh Thất hay văn phòng hơn, là vì một vài món đồ mặn rồi chịu lắm tiếng thị phi, dị nghị. Thiết tưởng người đời thường lấy sự trường trai giới sát làm đòn cân để đánh giá người tu, nếu vị Đầu Tộc kia không dè chừng, ắt sẽ bị đời bắt phục, luôn cả người đồng Đạo bắt tòng. Thoảng như có tòng đi chẳng nữa thì chỉ về bề ngoài chứ bề trong vẫn “thâm khi trộm ó”. Còn nói về ngôi quán, ngôi lều lảng xãng, xạo xự giữa các hạng người, rồi nói nói cười cười chung quanh mâm thịt cá, thì đó là những tệ đoan, nếu có, không nên lưu tồn.

Nói năng: Trong khi luận đàm hãy dùng lời dịu ngọt tránh tiếng sỗ sàng. Những lời: Bẩm, dạ, thưa, trình là những ngôn từ để tỏ lòng cung kính, không nên quên trước khi mở lời. Thêm nữa cách chấp tay xá là lễ Kính chào nhau của nhà Đạo nói riêng và nhà Nho nói chung, thì nên dùng lễ ấy hơn là dùng cách bắt tay chào hỏi. Tuy không phải khiếm lễ, nhưng theo phong tục phương Tây, người nhỏ phải chờ người lớn đưa tay trước rồi mới bắt tay sau, nếu trái lại là vô phép.

Làm lung: Đùng nóng nảy vụt chạc và khua động làm rầy.

Đạo đức:

Đạo đức là những tính tốt của con người vẹn giữ để xử sự cho phù hợp với thiên lý.

Đức tốt rút trong nguồn nhân nghĩa của Nho tông và trong bác ái của Phật giáo. Nên nhận thức rằng có tánh thương yêu mới có lòng nhờn. Có lòng nhờn thì hay làm nghĩa và làm nghĩa thì gầy được cảm tình. Có cảm tình mới nghe lời giáo hóa rồi mới tu. Có tu mới nên hiền, được hiền mới có sự có hữu, có hữu mới ra huynh đệ và huynh đệ mới lập đại đồng.

Đấy là mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Chức Sắc là người tự mình quyết sách vận trù tu nhờn tích đức thế nào hầu đạt thành mục đích ấy.

b.- Bản phận đối với người đồng Đạo:

1.- Công trình phục vụ :

Nguyên tắc vào cửa Đạo là hiến thân phụng-sự cho nhơn sanh về cả hai phương diện vật chất và tinh thần. Dựa theo nguyên tắc ấy Chức Sắc hàng tinh nguyện sống về Đạo và chết về Đòi, thì một khi đã xả thân hành Đạo, phải đem hết năng lực làm tròn nhiệm vụ, luôn luôn lấy độ lượng quân tử mà dìu dắt đoàn em, thường thường gieo mỹ cảm với mọi người hơn là gieo ác cảm. Không nên quở trách giận hờn trong một lúc, mà làm hư hỏng cả công trình phục vụ bấy lâu gây dựng. Nếu chát một đồng củi đã phí công đốn cả ba năm, rồi để lọt vào một đóm lửa thiêu rụi trong một giờ thì công kia vô ích. Vậy thì trên đường phụng sự cho chúng sanh nên giữ một mực trước sau như nhứt, còn phục vụ Hội Thánh thì tận lực tận tâm chớ khá khi bồi khi lở. Như thấy hư phải sửa thấy ngã phải nâng, vị tha chớ chảng nên vị kỷ.

Cái ngoan khéo của Chức Sắc hành quyền, là cố giữ đừng để mất số Đạo hữu đương có, còn độ thêm người mới là tùy khả năng lập thêm công bồi thêm đức.

2.- Phép diu độ trên đường Đạo và đường Đòi:

Chiếu Tân Luật, chương II, điều thứ 14, Chức Sắc cai trị trong Đạo từ bậc Giáo Hữu sắp lên phải chọn trong phẩm thượng thừa mà thôi. Phẩm này là phẩm nêu gương sáng cho đoàn em bắt chước để sửa mình. Từ lời nói chí việc làm, mỗi mỗi đều căn cứ nơi đức tánh cao độ mà phô bày thiện chí hầu diu độ chúng nó tránh xa tội lỗi, khỏi phạm chơn truyền, không qua luật pháp. Với sứ mạng trọng yếu đường ấy, vị Chức Sắc hành quyền tự nhiên phải có đủ năng lực đi đến thành công và năng lực ấy tự mình đào tạo.

Vả chẳng số người giữ Đạo ở bậc hạ thừa là số thậm đa, không quen khép mình vào cảnh khổ hạnh, thêm chưa dứt hẳn tâm phàm tánh tục, thì hồ để đầu hôm sớm mai họ theo chịu nắn uốn trong khuôn viên đạo đức cho đặng. Thành thử họ cố giữ tự do, không muốn bị ràng buộc trong pháp giới. Chỗ này là cái khởi

điểm khó khăn cho vị Chức Sắc trong nhiệm vụ dìu dắt con cái Đức Chí Tôn trên đường Đạo và đường Đời.

Trên đường đời thì nhiều chông gai khó đi, lắm gập ghềnh khó bước, và choặng trang bằng hầm hố, dọn sạch gai chông, nhà hướng Đạo phải sẵn có phương hay chước khéo để ứng dụng khi cần. Nếu gặp những điều nghịch lý, hay đứng trước những cử chỉ bất nhã của kẻ dưới tay, người bề trên phải bình tĩnh lấy trí mẫn đạt chuyển nghịch vi thuận. Nhược bằng ý lại nơi quyền hành đương có để hiếp bức kẻ lầm lỡ phạm tội, hoặc dẹp cả độ lượng quân tử một bên, rồi tuyệt giao với kẻ ấy cho bỏ ghét, thì không phải là diệu kế khai mê giác ngộ. Trí không sáng thì hành vi không khỏi trái với lý công của nhà tu hành. Để đối phó với những nghịch cảnh như trên, nhứt diện không nên quên mình là người đương làm phận sự giáo dân quy thiện, nhứt diện quyết thắng cơ mưu của tà quái bằng cách áp dụng phương pháp trị khí dưỡng tâm của ông Hàng Dũ có hiệu nghiệm như sau này:

1.- Nếu gặp kẻ trí huyết căng cường thì lấy điều hòa mà cư xử.

2.- Còn gặp kẻ mưu trí thâm sâu thì lấy điều dễ dàng mà đối phó.

3.- Như gặp kẻ hăng hái kịch liệt thì lấy đạo đức mà đối lại.

4.- Còn gặp kẻ hấp tấp vội vàng thì lấy yên tịnh mà lui nó.

5.- Như gặp kẻ tham lam đê hèn thì lấy chí cao thượng mà kháng cự.

6.- Nếu gặp kẻ không hết lòng phục vụ lại có tánh hay dung túng thì lấy thầy hay bạn tốt mà dạy.

7.- Còn gặp kẻ biếng nhác bầy hầy, thì lấy điều tai họa mà khuyến cáo.

Dụng phép trị khí dưỡng tâm thì được nhứt cử lưỡng tiện: một là giúp sức cho người chỉ giáo thành công, hai là mở trí cho người thọ giáo sửa mình.

Đó là phương diu độ trên đường đời hầu quay về thuần phong mỹ tục.

8.- Rất may trong giới hạ thừa còn có người vừa thành tâm giữ Đạo vừa được hạnh nét nhu mì tánh tình chơn thật.

Đối với hạng người này thì lấy Lễ Nhạc mà hiệp đó.

Vả chẳng Nho giáo thường trọng Lễ Nhạc là điều quan hệ về tâm lý học. Từ trong gia đình ra bên ngoài xã hội nếu không có lễ thì lấy gì mà tài chế những hành vi hồ đồ rối loạn, và dựa nơi đâu mà sắp đặt trật tự cho phân minh.

Còn Nhạc thì nó có cái sử dụng diệu huyền của nó là phát động từ trong tâm hồn khiến kẻ trên người dưới cùng một nhịp hành động thích hợp với Đạo thái hòa của Trời Đất.

Lễ và Nhạc bổ túc cho nhau thì được cái lợi lớn là vừa sửa đổi tâm tánh cho ngay chính ở trong vừa không làm mất sự cung kính ở ngoài bồi dưỡng tình cảm cho thật hậu mà không mất vẻ thanh tao.

Lấy lễ mà đãi người tức là thuận về nghĩa lý, lấy Nhạc mà hiệp với người tức là hòa về tánh tình. Trên hòa dưới thuận, thì đường Đạo sáng rõ không còn chỗ nào cho vọng niệm tà tâm xen vào làm cho lòng người điên đảo được.

CÁCH HÀNH QUYỀN ĐỐI VỚI ĐỜI

1.- Đối với chánh quyền:

Ngày 17 tháng giêng năm Bính Thân (tức là ngày 28/2/1956), Hội Thánh có ký kết với chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa một bản thỏa ước gọi là thỏa ước Bính Thân. Do thỏa ước này chánh phủ nhìn nhận Đạo Cao Đài Tây Ninh được tự do truyền bá và tự do hội họp cúng kiến theo phép Đạo và Hội Thánh nhìn nhận không làm chánh trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Vậy kể từ năm Bính thân (1956) Đại Đạo đã được hợp pháp hóa.

Nhắc đến sự kiện lịch sử này tôi xin chừa thiện tín lưu tâm về mấy đoạn trích lục dưới đây trong bài diễn văn của Ngô Tổng Thống đọc tại Tòa Thánh Tây Ninh trong dịp lễ kỷ niệm thỏa ước Bính Thân (7/2/ 1956 – 18/3/56 dl).

...

“Tôn giáo và Chánh trị là hai vấn đề khác nhau, nhưng Đạo phải có Đời, Đời phải có Đạo.

...

Không có trật tự an ninh thì làm sao cho có tự do truyền giáo, tự do hành Đạo. Nhiệm vụ của Chánh quyền phải giữ trật tự, khuyến thiện trị ác, tôn giáo mới đảm bảo, tự do mới cụ thể.

Tôn giáo chánh đáng chủ trương tôn trọng giá trị phi phạm của nhơn vị, bồi dưỡng thuần phong mỹ tục. Hóa dân thành tục. Như thế là giúp đời một cách hữu hiệu”.

.....

Trên đây là những lời vàng tiếng ngọc khuyên nhủ Đạo và Đời cần tương đắc trên lãnh vực duy trì bảo hộ an ninh, trật tự và tự do. Về phương diện này Chức Sắc hành Đạo ở các địa phương có trách nhiệm giữ mối tương liên với nhà cầm quyền sở tại và vừa giúp cho được dễ dàng trong công cuộc cộng đồng kiến quốc. Về

phần Đạo thì mọi hành vi phải chánh đại quang minh, tránh mối hoài nghi, lấy chơn thật mà làm đường giao thiệp.

Vậy thì đặc lệnh hành sự nơi một địa điểm nào, vị Chức Sắc nên ân cần sự viếng thăm nhà chức trách. Khâm Châu Đạo thì viếng thăm Tỉnh trưởng, Đầu Tộc thì viếng Quận trưởng, Bàn Trị Sự viếng Hội đồng xã. Phép lịch sự trong cách xã giao buộc như thế, và đó cũng là chánh sách gây thiện cảm.

2.- ĐỐI VỚI NHƠN QUẦN XÃ HỘI:

Giữa thế kỷ XX này, bức tranh xã hội hoàn cầu không ngọt đượm màu vui tươi xen sắc buồn tủi, mãi phô bày hết sống còn của nhơn loại trong tiếng khóc pha lẫn giọng cười, cho đến ngày hôm nay bao nhiêu tang thương nơi này nơi nọ chưa hồi tỉnh lòng người trần tục.

Nguyên do vì xã hội đang lâm vào tình trạng khốn đốn không đâu tranh lấy gì bảo đảm sự sống còn lại thêm có nhiều lý tưởng tương phản nhau làm cho thiên hạ đảo huyền khiến ra nhơn tình thế thái, đạo lý bỏ rơi, luân thường không giá trị. Vì vậy Đại Đạo ra đời hầu cứu độ sanh linh bớt đồ thán và choặng cứu vãn tình thế nguy nan, chúng ta hãy đoái lại số phận từng cá nhân trong xã hội. Xét về phương diện tinh thần thì cá nhân là một vật yếu ớt trong toàn thể, vì bởi đã hấp thụ tập quán, hay tánh tình chung, thì cá nhân rất dễ để cho xã hội hướng dẫn. Như xã hội dung nạp một tín ngưỡng nào thì cá nhân đồ theo một lối đó, không kịp lấy lý trí suy nghĩ trước sau, hoặc bị lôi cuốn mà không đủ sức kháng cự. Một khi tín ngưỡng căn cứ vào tình cảm rồi, thì không ai lấy lý luận mà làm cho lay chuyển nổi, mặc dầu tín ngưỡng ấy không chánh đáng.

Gặp những trường hợp bất khả dụng tài biện thuyết đặng chinh phục nhơn tâm, thì vị Chức Sắc truyền giáo phải khôn khéo thay đổi chánh sách lý luận bằng chánh sách gây tình cảm. Có tình cảm rồi thì phần

tử xã hội kia không còn do dự mà không quy về Chánh giáo.

Đấy là cơ hội phải dùng thuật tâm lý, biết người biết ta mới mong thành công trên con đường phụng sự nhơn quần xã hội.

CHUNG

CÁO BẠCH

Nơi cuối tài liệu này có thêm phần “văn thư và bút toán” dành cho khóa huấn luyện Giáo Hữu năm Mậu Tuất (1959). Những tài liệu gồm có các mẫu Tường trình, Phúc sự, các mẫu vi bằng hội nhóm... và Sổ sách kế toán về thu chi ... ứng dụng cho những thập niên 50 và 60 của Thế kỷ XX. Nay gần hết thập niên đầu của Thế kỷ XXI, Hội Thánh đã thay đổi ... Hơn nữa đây là phần việc của các Đầu phòng văn và Hộ vụ, còn các vị Đầu Họ, Đầu Tộc chỉ kiểm soát nhắc nhở mà thôi.

Nên chúng tôi xin tạm cất phần này để đỡ bớt chi phí của ấn phẩm.

DÃ TRUNG TỬ
Cẩn bút

Hiệu đính theo chánh tả hiện hành: Việt Nam Tự Điển của Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ do nhà sách Khai Trí xuất bản tháng 4 năm 1970.▣

MỤC LỤC

PHẦN GIÁO LÝ:

1. Đạo là gì? Giải nghĩa chữ Đạo.
2. Tu là gì?
3. Tâm là gì?
4. Phương pháp tu thân.
5. Tịnh Tam nghiệp.
6. Đức tánh của người tu.
7. Khái quát về Đạo Cao Đài.
8. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là gì?
9. Thánh danh Cao Đài.
10. Tại sao Thượng Đế không phân tánh giáng trần lập Đạo.
11. Bằng chứng ĐĐTKPD do Đức Thượng Đế lập ra.
12. Tại sao thờ Thượng Đế bằng Thánh tượng Thiên Nhân.
13. Tại sao chỉ thờ một Thiên Nhân thôi?
14. Hội Thánh: Cửu Trùng, Hiệp Thiên và Bát Quái Đài.
15. Tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
16. Chủ nghĩa của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
17. Tại sao chúng ta thương cả nhơn loại?
18. Cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
19. Đại ân xá.
20. Cúng tứ thời có ích cho chúng ta những điều gì?
21. 12 điều tín ngưỡng căn bản của Đại Đạo.
22. Cơ khảo thí.
23. Khái quát về Tứ Giáo: Không giáo, Phật Giáo, Đạo giáo, Thiên Chúa giáo.
24. Lòng tin Thượng Đế.
25. Vũ trụ quan: Thuyết sáng tạo và thuyết lưu xuất, vô cực, ba ngôi.
26. Cơ sáng tạo.
27. Chơn lý.
28. Bản ngã.
29. Chơn ngã.
30. Đạo đức.
31. Mục đích đời người.
32. Giới, Định, Huệ.
33. Nghĩa vụ.
34. Kiếp luân hồi.
35. Luật nhơn quả.
36. Thời gian báo ứng.
37. Đời và Đạo.

PHẦN LUÂN LÝ:

1. Làm việc là một định luật.
2. Áp dụng sự làm việc trong Đạo Đời.
3. Nhiệm vụ một chức sắc Thiên phong đối với Đời, với Đạo.
4. Đời sống đơn giản và thanh bạch.
5. Tinh thần kỷ luật.
6. Nhơn phẩm.
7. Công bình và Bác ái.
8. Lễ phép.
9. Lòng tha thứ.
10. Mê tín, Dị đoan.
11. Nghĩa tương trợ.
12. Hy sinh cho một lý tưởng.
13. Tinh thần đoàn kết.
14. Xã hội.
15. Liên hệ giữa cá nhân và xã hội.
16. Tôn trọng cổ tích, thắng cảnh, danh lam ...
17. Tinh thần bảo thủ và chí tiến thủ.
18. Bồn phận đối với cầm thú.
19. Đức sanh của Tạo Hoá.
20. Trí thức và tình cảm.
21. Hòa và Đồng.
22. Tri và Hành.
23. Bồn phận với gia đình: Cha con, Anh em, vợ chồng.
24. Ngủ thường.

PHẦN HÀNH CHÁNH ĐẠO:

1. Thích nghĩa Hành chánh Đạo.
2. Thi hành Tân Luật.
3. Thi hành Pháp Chánh Truyền.
4. Thi hành Đạo Luật năm Mậu Dần.
5. Tòa Tam giáo.
6. Hội Công đồng.
7. Thập hình của Đức Lý Giáo Tông.
8. Cách hành quyền đối với Đạo và Đời.
 - o Cách hành quyền đối với Đạo
 - o Cách hành quyền đối với Đời

Cáo Bạch
